LOẠI SÁCH PHỤNG-SỰ CÔNG-LÝ VÀ AN-NINH XÃ-HỘI

M.202 410

HUỲNH-KỲ

Tốt nghiệp trường Cao-đẳng Đại-học-đường Cảnh-sát khoa-học Ba-lê, nguyên Hội-trưởng hội sinh - viên và cựu sinh - viên Đại - học đường Cảnh-sát Ba-lê

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

CẢNH-SÁT KHOA-HỌC

CUỐN SÁCH CẦN THIẾT CHO NHÂN VIÊN CÔNG-AN, CẢNH-SÁT, HIẾN-BINH, PHÓNG VIÊN NHÀ BÁO, NHÀ BẢO HIỂM, CÁC THÁM TỬ.....
CUỐN SÁCH CỦA TẤT CẢ MỌI NGƯỜI CÓ TƯ TƯỞNG NHÂN LOẠI
CUỐN SÁCH LÀM THỎA TÍNH TÒ MÒ CỦA MỌI NGƯỜI

1952
NHÀ IN VĂN - HỒNG - THỊNH XUẤT BẢN
112, PHỐ HÀNG BÔNG 112, — HÀ-NỘI

N 20224

LOẠI SÁCH PHỤNG - SỰ CÔNG - LÝ VÀ AN - NINH XÃ - HỘI

HUỲNH - KỲ

Nguyên Hội - trưởng Hội Sinh - Viên và Cựu Sinh-Viên Trường Đại-học Cảnh-Sát Khoa-học Ba-Lê

CẢNH SÁT KHOA HỌC

PIERRE LEVIER 2088 72

1952

NHÀ IN VĂN - HỒNG - THỊNH
112, Phố Hàng Bông — Hà - nội
XUẤT BẢN

SOẠN GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

Loại sách phụng-sự công-lý và an-ninh xã-hội

Sắp xuất-bản : (cùng một soạn-giả)

Cảnh-sát khoa-học thực-hành

(Kỹ-thuật và Quy-luật)

Hiến-binh *(Quy-luật và Kỹ-thuật thực-hành).*

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

SÁCH DÙNG ĐỂ THAM-KHẢO

Traité de Police..... Tác-giả N. DE LA MARE
Mémoires tirés des Archives de la Police de Paris..... — J. PEUCHET
Histoire de la Police..... — RAISSON
Napoléon et sa Police..... — E. D'HANTERIVE
La Sécurrité Sociale..... — ANDRE GETTING
Eléments de Police scientifique — C. SANNIÉ (4 V)
Blessures par coups de Feu — R. PIÉDELIÈVRE
Histoire de la Cryptographie — FLETCHER PRATT
Les nouvelles méthodes d'analyse — J. SEYEWETZ
La Science contre le Crime — H.M.ROBINSON
Revue Internationale de Criminalistique N° 4,5,6,7
Manuel de Technique Policière — E. LOCARD
Le Crime..... — J. LARQUISET
La Psychologie appliquée.... — R. BINOIS
La Police Scientifique .... — L. LERICH
Précis de Criminologie et de Police scientifique ..... G. BÉROUD
Revue de Criminologie et de Police Technique Année 1947-48
Identification Anthropometrie — A. BERTILLON
Portrait Parlé..... — REISS
Portrait Parlé..... — R. VILLARET
Traité de Criminalistique — E. LOCARD
La Photographie Judiciaire — REISS
Les Méthodes de laboratoires dans L'Expertise en Ecriture — E. LOCARD
Traité de Criminologie — E. LOCARD
Médecine Légale Judiciaire — SIMONIN

Kính tặng :

Bác-sĩ : PHAN-HUY-QUÁT

Giáo-sư R. VILLARET

Hai vị đã nâng đỡ tôi rất nhiều trong công - cuộc đeo đuổi khảo-cứu ngành C. S. K. H.

H. K.

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

Hà-Nội, ngày 8 Tháng 4 năm 1952

Kính gửi anh HUỲNH-KỲ

Nguyễn Hội-Trưởng Hội Sinh-Viên và cựu Sinh-viên
Trường Đại-học Cảnh-sát Khoa-học Ba-Lê

HANOI

Anh Huỳnh-Kỳ thân-mến,

Tôi rất hân hạnh được anh gửi cho xem bản thảo cuốn «Cảnh-Sát khoa-học» mà anh sắp cho xuất-bản ; tôi xin thành thực cám ơn anh về tấm thịnh-tình đó.

Sau khi đã đọc kỹ các mục trong cuốn sách này, tôi nhận thấy sách không những biên-tập rất công-phu, trình-bầy rất rõ ràng và có thứ tự, cách hành văn lại dản-dị và dễ hiểu nữa.

Với hiện-tình nước nhà, ngành Cảnh-Sát Công-An ở trong thời kỳ phôi-thai đang đòi hỏi rất nhiều kinh-nghiệm về lý thuyết cũng như về thực-hành, đang cần những Cán-Bộ và nhân viên có năng lực và hiểu biết chắc chắn về chức nghiệp, mà sách này ra đời thì thật là rất đúng lúc : Tủ sách Cảnh-Sát Công-An hiện thời rất nghèo nàn, thiếu thốn, được thêm nhiều tài liệu bổ ích, quý giá và thiết thực ; các Cán-Bộ và nhân viên, — dù đã theo lớp huấn luyện hay chưa — sau khi đọc kỹ sách này sẽ có một ý-niệm đại cương về nghề-nghiệp, và sẽ có thể thi hành công-vụ một cách hiệu quả.

Không những các Cán-Bộ và nhân-viên Cảnh-Sát Công-An nên nghiên-cứu kỹ cuốn sách này, các người công-dân khác cũng nên đọc để cho được rộng đường kiến-thức.

Tôi chắc rằng cuốn sách này sẽ được hoan-nghênh nhiệt-liệt, và tin rằng đây chỉ là một viên gạch đầu, — rồi đây sẽ còn nhiều viên gạch khác nữa — mà anh đem góp vào việc xây dựng lâu-đài vĩ-đại Cảnh-Sát Công-An Quốc-Gia Việt-Nam.

Trong khi chờ đợi nhiều tài-liệu quý-giá khác nữa mà anh sẽ gửi cho xem, tôi xin thành thực gửi đến anh những lời khen tặng nồng-nhiệt và xin chúc anh đạt được nhiều kết-quả trong công cuộc khảo-cứu tinh-vi về ngành Khoa-Học Cảnh-Sát.

Thân mến
ĐẶNG TRẦN VẬN
Chủ-Sự Phòng Tư-Pháp Lưu-Động
Nha C. S. C. A. Bắc-Việt
HÀ-NỘI

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

CHƯƠNG THỨ NHẤT

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIET NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

Thay lời nói đầu của soạn-giả

LỊCH-TRÌNH TIẾN-HÓA CỦA KHOA-HỌC CẢNH-SÁT

Muốn bảo-tồn Xã-Hội, thì cần phải trừng-trị những kẻ đã làm rối-loạn An-ninh và Trật-Tự của Xã-Hội.

«Yếu-Tố» của vấn-đề trừng-trị là tìm kẻ phạm tội, phân-tách tội-lỗi để định tội.

Nhưng, làm thế nào để tìm ra «đúng» kẻ có tội mà không nhầm-lẫn. Đó là một vấn-đề rất phức-tạp, mà hàng bao nhiêu thế-kỷ, những nhà cầm quyền có nhân-đạo và công-bằng đều hết sức cố-gắng nghiên-cứu tìm-tòi ra những phương-pháp tuyệt đối để phụng-sự cho công-lý và nền An-Ninh Xã-Hội.

Ngày xưa, trí óc con người còn thô sơ, nên sự tìm ra kẻ phạm tội ở trên một quan-niệm quá ư giản-dị.

— Anh là kẻ có tội !

— Thưa không....

— Không gì, đúng anh rồi, nhận đi...

và qua vài lần tra-tấn, kẻ kia đã nhận tội và bị trừng-trị.

Hay là...

— Anh là kẻ có tội !

— Thưa không..

— Không thế nào được, đã có ông A..., ông B... làm chứng, chính anh là kẻ phạm tội.

Người ta cho lời thú tội là căn-bản của sự buộc tội. Đó là một điều nhầm lẫn, vì lời thú tội không phải khi nào cũng đúng sự thật. Mà nhiều khi sự thú tội là do sự sợ-sệt kinh-hoàng, sự rối-loạn tinh-thần, sự hy-sinh cao-cả vì tình cảm, sự kiêu hãnh của lòng tự-ái v.v.....

Người ta dựa vào những người làm chứng làm căn-bản buộc tội, lại một điều nhầm-lẫn nữa.

Bác sĩ LOCARD, nhà hình-pháp học trứ-danh, nói : « Trong pháp-lý không có người làm chứng nào là không có giá-trị ; không có người làm chứng nào nói sai ; thật đúng như vậy. Vì người làm chứng đã tuyên-thệ trước pháp-lý, cam-đoan chỉ nói đúng sự thật mà thôi. Nhưng, sự thật thì không có một người làm chứng nào mà ta chắc họ nói đúng được, vì ai cấm họ sai nhầm, hoặc vì trông nhầm, hoặc nghe nhầm, hoặc nói nhầm, hoặc nhớ lại nhầm, hoặc thuật lại nhầm, hoặc nhầm về trí tưởng-tượng quá độ, hoặc vì lòng ghen ghét, thương yêu, tôn kính mà nhầm- »

Các nhà bác học danh tiếng như GORPHE, LOCARD. CLAPAREDE, ALTAVILLA v. v.... đều chứng-nhận : « những người làm chứng là một vị thuốc độc của Công-lý. »

Thế mà, sự thú tội và người làm chứng đã được cho là chúa của dẫn chứng để luận tội, trong hàng bao nhiêu thế kỷ này.

Hỡi ôi ! Đã có những người vô tội lên đoạn đầu-đài chịu tử-hình, đã có những người vô-tội ngồi trong buồng tối hàng mười hay hai mươi năm. Và cũng đã có những kẻ có tội vẫn được sống thong thả tự-do ở ngoài vòng pháp-luật. Thật là mỉa mai !

Đó không phải là do sự nhầm lẫn của nhà chuyên-trách phụng-sự công-lý, mà là do vấn-đề chuyên-môn chưa được tiến-triển.

Cũng như những khoa-học khác, khoa-học cảnh-sát đã tiến lần lần trong lịch-sử nhân-loại. Và cũng như các khoa-học khác, khoa-học cảnh-sát tiến đến ngày nay với một cái giá rất đắt.

Dưới đây là một vài câu chuyện của lịch-sử cảnh-sát mà ông H. M. ROBINSON tác-giả cuốn « khoa-học bài

trừ tội phạm » đã kể ra để làm chứng cho sự đắt-đỏ của lịch-trình tiến-hóa của khoa-học cảnh-sát :

Một đoàn nhà buôn bị cướp giữa đường trong đêm tối và một người bị quân cướp bắn chết. Sau đó chốc lát người ta bắt được một người cưỡi ngựa đến quán rượu gần đấy, áo quần đầy bụi bặm, mồ hôi nhễ-nhại. Người ấy bị tình-nghi là kẻ cướp. Một người trong đoàn nhà buôn đứng ra làm chứng, nhận đúng rằng người này chính là thủ-phạm đã bắn chết nhà buôn kia. Luật-sư của bị cáo hỏi : « Làm thế nào mà ông có thể nhận được mặt hung-thủ trong đêm tối. » Đây là câu trả lời của người làm chứng : « vì trong khi phát đạn nổ, ánh lửa lóe ra làm tôi nhận được rõ ràng tên giết người này. »

Công-lý tin-tưởng lời nói của người làm chứng là thành thật vì trước khi cung khai người này đã tuyên-thệ. Người ta làm tội kẻ đã giết người.

Ta có thể nhận được rõ ràng nét mặt một người trong « ánh lửa » của phát đạn nổ, khi ta ở cách xa người ấy mươi hay hai mươi lăm bước không ? Vì sao Quan Tòa không thử lại xem ở trong một căn phòng tối... ! ! ! Nhưng, trong thời kỳ ấy trí óc của con người không nghĩ đến nơi được. Đó là một sự đắt đỏ....

Một ông quan tòa đang thay áo quần bên cạnh cửa sổ nhìn ra đường, thấy rõ ràng : hai người đang vật nhau và rút cục một người cầm dao đâm người kia chết, xong bỏ chạy sau khi giật túi tiền của người kia. Một anh hàng thịt đi ngang qua gần đấy, trông thấy túi da dao găm của hung-thủ đã bỏ rơi lại ; anh ta nhặt lên, đang ngắm nghía, chợt thấy tử thi bên đường nên hốt-hoảng bỏ chạy. Cảnh-sát bắt được quả tang anh hàng thịt đang chạy tay cầm túi da dao găm ; thử xem thì vừa đúng với dao ở tử thi. Sau những cuộc tra tấn, anh hàng thịt không chịu nổi đau đớn đành phải nhận liều đã giết người và chính ông quan

tòa đã trông thấy rõ ràng quang cảnh giết người trên, tuyên án tử hình anh hàng thịt nọ Một thời gian sau, thủ phạm chính của vụ giết người hối-hận đến thú nhận tội lỗi và khai có quan tòa làm chứng đã nhìn thấy quang cảnh giết người trước kia. Quan tòa công nhận có thấy, nhưng vì bổn phận của một ông quan tòa là phải buộc tội theo tang chứng và lời thú tội của người bị cáo. Ông ta không có quyền nói như người thường, những điều đã thấy. Ông quan tòa bị huyền chức, nhưng sau vẫn được phục chức vì pháp-lý công nhận lời cãi của ông ta. Thêm một sự đắt đỏ nữa...

Một buổi sáng người làm của bà X... báo cho sở cảnh-sát biết : bà X... bị giết chết trong căn phòng của bà ta. Người ta tìm thấy trong căn phòng ấy một cái mũ, một con dao và ít đồ vật của hung thủ để lại. Người ta bắt ngay tên người làm của bà X... vì chỉ có tên này mới có chìa khóa để vào căn phòng của bà X... Sau một cuộc tra tấn tên này không chịu nổi đau đớn đã nhận có giết bà X... Nhưng sau khi hành hình tên này thì lại có người đến thú nhận hết tội lỗi đã giết bà X... Sao người ta không chịu tìm kiếm, xem có phải cái mũ, con dao, và các vật đồ dùng của hung thủ để lại có dấu hiệu gì là đúng của bà X... không ? Người ta chưa nghĩ đến hay người ta không thích nghĩ đến ; vì... thật là phiền phức, thật là khó khăn.

Sự đắt đỏ một ngày một tăng thêm trong hàng bao nhiêu thế kỷ. Biết bao nhiêu kẻ bị tử hình, tội đồ oan ức, và biết bao nhiêu kẻ phạm tội vẫn được ở ngoài vòng pháp luật.

Cho đến thế kỷ thứ XVIII, phương pháp của cảnh-sát mới bắt đầu sửa đổi lại đôi tý. Ở Mỹ châu năm 1799 dân chúng liên xã MONTGOMERY, RENSYLVANIE thành lập một tổ chức tìm ngựa bị mất trộm và bắt kẻ trộm giao cho pháp luật. Những người tìm được ngựa và kẻ trộm thì được trọng thưởng. Họ tổ chức từng đoàn-thể liên lạc mật thiết

từ tỉnh này sang tỉnh khác để tìm bắt hung thủ. Tổ-chức này đã làm nẩy nở một tổ chức Cảnh-Sát Liên Bang ở Mỹ châu. Mỗi thị xã được đặt ra một cảnh-sát trưởng mà phương - pháp làm việc là « do thám ». Người ta cho nhân viên lẫn lộn với trộm cướp để điều-tra. Phương pháp do thám này được bành trướng sang đến Âu-châu và được tổ chức hoàn bị hơn. Những vụ trộm cướp đều được biết trước để đề phòng và để bắt quả tang. Nhưng cũng có nhiều vụ không được biết trước thì khó lòng điều tra được thủ phạm. Thời NÃ PHÁ-LUÂN tổ chức do-thám được hoàn bị hơn mà người ta đặt tên là tổ chức « gián-điệp ». Nhưng hài-hước thay, vì đã có một vụ, một viên cao cấp tự mình lẫn lộn trong đám trộm cướp để làm gián-điệp. Nhân viên này bị kẻ đồng sự thù hằn cho vào tròng và bị bắt quả tang đang hành động trong một vụ cướp. Nhân viên ấy bị bắt, bị kết án và sau phải tự vẫn vì danh dự. Phương pháp gián-điệp không được hoan nghênh lắm.

Ở nước ANH, kinh đô LUÂN-ĐÔN, cuối thế kỷ thứ XVIII nẩy nở ra ba nhà trinh thám trứ danh : TOWSEND, VICKERS, SAYER.

TOWSEND có sáng kiến ghi chép tất cả những trường hợp đã xảy ra mà anh ta đã bắt được thủ phạm.

VICKERS lành nghề về khoa hóa-trang để theo sát được những kẻ nghi-ngờ.

SAYER giám bỏ ra số tiền 30 ngàn Anh-kim để điều tra ra một vụ làm bạc giả. Anh ta cho người đi ghi chép những nơi tiêu thụ bạc giả và cuối cùng chăng lưới ở một thị-trấn mà có nhiều bạc giả được tiêu thụ nhất để bắt hung thủ.

Năm 1845 điện tín được phát minh, đem lại cho giới cảnh-sát một đôi sự tiện lợi. Vụ đầu tiên bắt được hung thủ bằng cách dùng điện tín. Tên JOHN-TAWELL

giết người ở phía nam nước Anh tẩu-thoát lên xe lửa để đi Luân-đôn. Tưởng thế là thoát, nhưng khi anh ta xuống ga Luân-đôn thì bị bắt ngay vì nhà chức-trách Luân-đôn nhận được điện-tín của cảnh-sát nước Anh ở phía Nam đánh lên. Ngày xưa nhân-viên cảnh-sát vẫn bị ngẩn-ngơ khi thấy hung-thủ đã thoát qua biên-giới hoặc leo lên chuyến tầu hỏa cuối cùng chạy ra biên-giới. Sự phát-minh điện-tín đã giúp cho khoa học cảnh-sát một phần lớn trong khi truy tầm hung-thủ.

Cuối thế kỷ XVIII ở Ý những nhà triết-học có tư-tưởng nhân đạo phẫn uất và kêu rêu lối khảo kẹp dã-man. Họ đã làm nổi giậy phong trào cách mạng trong giới hình-pháp học của Âu-châu. Họ cùng nhau chuyên chú nghiên cứu về tội trạng để kêu gọi nhà cầm quyền bỏ lối khảo kẹp tra tấn đi. Nhưng phong trào bãi bỏ lối khảo kẹp đã làm cho giới cảnh-sát lâm vào tình trạng khó-khăn trong công cuộc tra cứu một vụ án. Không khảo kẹp, người ta không thú nhận, làm thế nào bây giờ. Họ liền nghĩ cách dựa vào người làm chứng. Nhưng phương pháp dựa vào người làm chứng vẫn đưa công-lý vào nơi nhầm lẫn.

Năm 1864 ông CESAR-LOMBROSO trình bày sự nghiên cứu về hình-pháp-học trong phạm-vi tâm-lý và sinh-lý-học. Ông ta nói : muốn cho sự phạm tội được giảm bớt thì cần phải nghiên-cứu rất nhiều nguyên-nhân phạm-tội. Ông ta cho rằng kẻ phạm tội là một kẻ phi thường hoặc vì bệnh trạng, hoặc vì di truyền của dòng họ, hoặc vì bị ảnh hưởng của một giai cấp quá thấp hèn. Ông ta khám phá ra cách đo sọ người và chia làm hai loại : sọ phạm tội, và sọ không phạm tội. Liên đới với tư tưởng trên, ông ta kết luận sau thời gian nghiên cứu : kẻ phạm tội phần nhiều có : hàm bạnh, gò má nhô cao, chân lông mày cong gồ, cao, vành tai thấp v.v... Nhưng, phương pháp của LOMBROSO chỉ để nhìn nhận bên ngoài kẻ phạm tội chứ không thể để áp dụng làm dẫn chứng buộc tội. Tuy vậy

nó cũng giúp ích cho khoa-học cảnh-sát trong phạm-vi tâm-lý ở giai đoạn điều tra.

Năm 1881 nhà điện ảnh nước Anh tên là TALBOT phát minh ra cách chụp ảnh, đã giúp ông ALPHONSE-BERTILLON nẩy ra tư tưởng gián ảnh của mỗi người vào thẻ căn cước. Những hung thủ đã bắt được đều bị chụp ảnh và xếp ảnh theo thứ tự sắp đặt trong tờ lý lịch của kẻ phạm tội. Ngay năm đầu, người ta đã tìm ra 291 vụ mà kẻ phạm tội đã phạm lần thứ hai bằng cách đổi tên giả hoặc thẻ giả. Nhưng, phương pháp gián ảnh vào thẻ không thể dùng lâu dài được, vì gương mặt người ta có thể thay đổi, hoặc vì già đi, hoặc vì bệnh hoạn, hoặc vì tai nạn. Ông BERTILLON lại thay thế bằng cách « trắc định nhân loại » tức là ghi vào thẻ bề cao, dài, giệt của những ống xương chân tay, xương sọ trong thân thể người ta. Phương pháp này cũng có phần khó khăn nhưng vẫn được áp-dụng cho đến khi khoa-học dấu tay được phát minh do hai nhà thông thái nước Anh tên là GALTON và HERSCHEL. Hai ông này tuyên bố rằng tất cả dấu tay của nhân loại đều khác nhau. Sự phát minh này đã giúp cho khoa-học cảnh-sát tiến đến một trình độ khá cao.

Trong thời kỳ này có rất nhiều nhà bác-học khác khảo cứu về khoa-học cảnh sát.

Đầu thế kỷ thứ XIX, trường cổ điển hình-luật của ông FRANCESCO CARRARA được thành lập Rồi đến trường hình pháp-học thực hành của các giáo sư nước Ý như LOMBROSO, ENRICO-FERRI, GAROALO, OPTOLENGHI, DESANCTIS v.v. Theo họ thì vấn đề tội trạng có ba trạng huống : thủ phạm, tội trạng, và hình phạt. Mỗi một vụ án người ta cần phải nghiên cứu sự tiến hóa của ba trạng huống ấy.

Cuối thế kỷ thứ XIX, những phát minh về khoa học cảnh-sát lần lượt được đưa ra ánh sáng bởi các nhà bác học danh tiếng như: VUCHETECH, EDOONDBELL, BALTHAZAR, LOCARD, HANSA-GROS, REISS, SIR-FRANCIS, GALTON,

Những ông này tin tưởng kẻ phạm tội chỉ vì bệnh nhân của xã-hội mà người ta cần phải nghiên-cứu vấn đề xã-hội, nhân loại. Không những cần phải biết rõ sự thật của tội-trạng, mà cần phải nhận định rõ ràng, vì sao, trong tình trạng nào, người ta đã phạm tội để định hình phạt. Đó là bắt đầu cảnh-sát bước vào kỷ nguyên khoa học mới.

HANS-GROSS là một sinh-viên người Đức đã khảo cứu rất nhiều về khoa học cảnh-sát. Ông ta nghiên cứu và viết ra thành sách về cách lấy dấu tay, chụp hình v.v... và cách khám xét về y-khoa trong các vụ án.

Người ta kết luận, khoa học cảnh-sát là nghệ thuật tìm kiếm những dấu vết để làm những dẫn-chứng có giá trị trong sự truy tầm thủ phạm và trong sự buộc tội. Các nhà bác học trên nêu ra «sự thú tội và người làm chứng chỉ có giá trị khi có những dẫn chứng bằng tang vật kèm theo». Những dẫn-chứng ấy họ đặt tên là những «dẫn chứng câm». Những dẫn chứng câm là gì? là những vật, những dấu vết của hung thủ đã chứng nhận sự phạm tội của hung thủ. Có thể là một dấu tay, dấu chân, một vật dùng như áo, quần, giày, một lá cỏ, một sợi tóc, một bãi nước bọt, dấu bánh xe v.v... Vì vậy khoa học cảnh-sát không thể gọi là khoa học được mà phải gọi là một nghệ thuật mà trong ấy cần phải có nhiều sự giúp đỡ của những khoa-học khác như tâm-lý học, xã-hội học, hình pháp học, toán lý-học, vi-trùng học, hóa-học, vạn-vật học, y-dược học, y-khoa học v.v...

Bác sĩ LOCARD nói «Những dẫn chứng câm dù không cho ta biết tất cả sự thật thì cũng cho ta biết toàn sự thật».

Cũng có thể có, những thủ phạm quỷ quyệt đã làm những dấu vết giả để đánh lạc sự điều tra của nhà chức trách như ở viện tàng cổ của cảnh-sát LYON có trưng bày một bàn chân Hổ bằng gỗ mà người ta đã khám phá ra được ở một vụ trộm súc vật trong một làng ở Phi-Châu. Thủ phạm lấy chân Hổ bằng gỗ để làm ra những dấu chân giả

ở gần nơi chuồng bò, dê, làm bằng chứng là Hổ đã vào bắt bò, dê, chứ không phải bị trộm. Cũng có những vụ giết người bằng cách che lấp làm như chính nạn nhân đã tự vẫn. Nhưng khoa-học đã khám phá ra tất cả những sự gì là giả mạo. Chân thú bằng gỗ và chân thú thật, bị giết và tự giết, đều khác nhau rất xa dù hung thủ có lành nghề đến đâu chăng nữa.

Bắt đầu từ đấy, khoa học tìm tòi thủ phạm đã hoàn toàn hoạt-động ở trong phòng thí nghiệm mà hóa học đã chiếm một phần rất quan trọng.

Kẻ phạm tội lúc nào cũng bị bao trùm bởi những phương pháp khoa-học được lần lượt phát minh. Các phòng thí nghiệm được thành lập mỗi ngày mỗi nhiều. Những trường huấn luyện trong khắp thế giới đã sản xuất mỗi ngày mỗi đông cán bộ chuyên môn hoàn toàn cả về nghề nghiệp và đức-độ. Các tổ chức cảnh-sát của mỗi nước một ngày một hoàn hảo, người ta có thể cung ứng ngay nhân viên cảnh sát đến tiếp cứu nơi xảy ra những vụ lói thôi trong hai mươi giây đồng hồ. Và trong một phút đồng hồ có thể liên lạc được với tất cả thế giới để truy tầm thủ phạm.

Trước chiến tranh một viện hàn-lâm quốc tế về khoa học cảnh sát đã được thành lập ở VIENNE mà phó hội trưởng là Bác Sĩ LOCARD, giám đốc phòng thí nghiệm cảnh sát khoa học ở LYON. Mục đích của viện hàn-lâm là sưu tầm tất cả phát minh về khoa học cảnh sát của thế giới để đem áp dụng trong công việc bảo đảm an ninh của nhân loại.

Năm 1946 cuộc hội họp quốc tế về khoa học cảnh sát ở BRUXELLE kinh đô nước Bỉ, đã quyết định mở một văn phòng cảnh sát quốc tế ở Ba-Lê mục đích hợp nhất những phương pháp mới mẻ để cùng cộng tác diệt trừ những phần tử xấu xa cho nhân loại. Mười tám nước có đại biểu đến dự và Ba-lê được chọn là trụ sở trung ương. Hội-trưởng của cơ-quan này là ông LOUWAGE, tổng thanh tra công-an quốc gia Bỉ ;

ông DUCLOUX làm tổng thư ký, là giám-đốc công-an quốc gia Pháp ở Ba-Lê. Ban chuyên môn này có phận sự gom góp tất cả những phát minh mới lạ của các nước để hoàn bảo lại và công bố những phương pháp mới ấy cho các cơ quan cảnh-sát của thế giới biết. Văn phòng Ba-Lê còn xuất bản một tờ nhật báo về cảnh-sát khoa-học bằng bốn thứ tiếng Pháp, Anh, Nga, Tây-Ban-Nha. Tờ báo gồm có hai phần : phần cảnh-sát khoa-học và phần cảnh-sát chuyên môn. Mỗi năm đại biểu các nước lại mỗi lần họp để khảo-sát mọi vấn đề khoa-học cảnh-sát.

Tuy khoa-học cảnh-sát đã đi đến một trình độ khá cao, nhưng các nhà chuyên môn vẫn không khi nào cho là hoàn hảo. Họ cho yếu tố của sự điều tra là thuộc về vấn đề nhân sự : Nhà chuyên môn cần phải có thiện chí và lương tâm nhà nghề. Mọi việc của nhà chuyên môn đều phải cân nhắc cẩn thận. Một việc có thể, vẫn không có thể và một việc không có thể vẫn là có thể. Câu châm ngôn của nhà điều tra là phải luôn luôn nhớ rằng: « kẻ phạm tội không làm những việc mà ta cho là có thể ». Cho nên sự hoàn hảo của khoa học cảnh-sát không phải hoàn toàn ở nơi khoa học mà một phần lớn ở nơi kỹ thuật và ở lương tâm nghề nghiệp.

Sự đích sác không nên nhận định ngay vì mọi sự đều có phần sai lầm và có thể sai lầm hẳn cũng nên. Bác sĩ LOCARD nói : sự đích sác là một phần rất nghiêm khắc của nhà chuyên môn ; cần phải qua nhiều lần thử thách, tính toán, cân nhắc lại tất cả mọi chi tiết có ăn khớp với nhau không. Dấu chân của một người tại nơi xảy ra vụ án thì đã chắc gì người ấy liên can với vụ án. Có thể người ấy đến trước hay đến sau một hai phút khi xảy ra vụ án. Phải có một sự biện luận hợp lý là người ấy đến khi nào và có liên quan đến vụ án không và phải có những dẫn chứng giá trị cho sự biện luận ấy.

Tóm lại,

Cảnh - sát khoa - học là một khoa - học khó-khăn và tế-nhị, có một mục-đích rất cao quý là đưa kẻ phạm tội ra pháp luật để bảo vệ an-ninh và trật-tự cho xã-hội. Nhưng lẫn lộn trong mục đích cao quý ấy nhiều khi ta phải phạm đến tội lỗi, nếu ta chưa đạt được phần chuyên-môn của nghề-nghiệp và chưa có đủ thiện-chí và lương-tâm để giữ phần tinh tuý cho nghề-nghiệp.

Lịch-trình tiến-hóa của khoa-học cảnh-sát, đã cho ta thấy sự đắt đỏ quá nặng nề và sự nặng nề ấy nhân loại đừng nên làm tăng thêm nữa.

Hãy đạt cho được ít nhiều kiến thức chuyên môn mới nên bắt tay vào việc. Đó là một cách gián tiếp thực hành tư tưởng nhân đạo và công bằng để phụng sự an ninh cho xã-hội.

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

CHƯƠNG THỨ HAI

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIET NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

KHOA-HỌC CẢNH-SÁT LÀ GÌ ?

Khoa-học cảnh-sát hay là cảnh-sát chuyên-môn là cách hiểu biết để áp dụng những phương-pháp của nhiều khoa-học trong việc truy tầm thủ phạm gây ra tội ác. Mỗi tội lỗi đều có tính cách riêng biệt của nó, vì vậy nhà chuyên môn cần phải biết phân biệt những vụ phạm tội để áp dụng nguyên tắc khám phá hợp với tính cách của vụ án.

Áp dụng phương pháp khoa-học cảnh-sát bằng cách thực hành là một điều công bằng và nhân đạo vì phương pháp này đem lại cho chúng ta những dẫn chứng cụ thể thiết thực với pháp lý làm cho sự buộc tội đúng với nghĩa hai chữ công-lý giữa giai đoạn mà tinh thần nhân loại là căn bản của cuộc sống và tự do cá nhân cần phải được tôn trọng.

Cho nên một nhân viên cảnh-sát cần phải có nhiều kiến thức về chuyên môn.

KHÁM-XÉT NƠI XẢY RA VỤ ÁN HAY LÀ « CÔNG-CHỨNG »

Khi một vụ án xảy ra thì điều quan trọng là nơi xảy ra vụ án cần phải được giữ gìn không cho một người ngoài lọt vào và người trong thì phải ngồi yên một chỗ cho đến khi nhà chức trách đến làm « công-chứng » xong. Những biện pháp phải thi hành trước và trong khi làm « công-chứng » là phải giữ gìn không được sờ mó vào các đồ vật, tử thi của nạn nhân. Nếu vụ án xảy ra trong một căn phòng thì các cửa ngõ đều được để y nguyên và không ai được vào trong căn phòng ấy. Nếu vụ án xảy ra ở giữa đường thì khoảng đường ấy phải được ngăn cấm

không cho qua lại chung quanh nơi xảy ra vụ án ít nhất là ngoài phạm vi năm mươi thước. Tất cả mọi người có mặt chung quanh nơi xảy ra vụ án đều được ghi tên tuổi và được giữ lại, chờ tùy sự định liệu của nhà điều tra.

Chụp ảnh. — Công việc làm đầu tiên là chụp ảnh quang cảnh nơi xảy ra vụ án, chụp ảnh tử thi, chụp ảnh vết thương. Những tấm ảnh này là một tài liệu quý giá của sự thật để cho các nhà điều tra thấy rõ luôn luôn quang cảnh linh động trước mắt và để làm chứng sự thật. Ví dụ nếu thủ phạm đã bắt được và đã cung khai thì lời cung khai sẽ được công nhận nếu ăn khớp với quang cảnh trong tấm ảnh. (Ảnh chụp bằng cách đo lường Photographie-Métrique).

Xác-định tính cách vụ án.— Khi đến nơi xảy ra vụ án nhà chuyên môn cần phải quan sát xem đó là một vụ trộm lén, vụ cướp, vụ giết người, vụ tử tự, hay là tai nạn.

Dấu xô xát.— Những dấu xô xát như các bàn ghế bị ngã lỏng chỏng, chén bát khung kính bị vỡ v.v... Cũng có khi tất cả đồ đạc được xếp lại trật tự sau một cuộc xô xát. Nhưng, nhà chuyên môn có thể biết được sau khi quan sát với những dấu hiệu bởi bụi bặm, bởi các đồ vật rách nát hay gãy mẻ. Ví dụ một vật thường ngày để ở góc bàn, nhưng, hung thủ trong lúc hốt hoảng đã để sai chỗ cũ một đôi tý, bụi bặm ở mặt bàn sẽ tố cáo cho ta biết vật ấy đã để sai chỗ cũ. Hoặc một vài dấu rách của tấm màn treo, hoặc một vài dấu nứt rạn hay mẻ vỡ mới ở vài thứ đồ dùng ; hoặc một vài mảnh vỡ nhỏ ở trong sọ v.v... Những thứ ấy tố cáo cho ta biết đã có sự xô xát, nhưng được xếp đặt lại nguyên chỗ cũ. Ở ngoài rừng những dấu vết xô xát là lá tươi rụng, cành cây gãy v.v... Ở đất ướt thì những dấu chân loạn xạ, những dấu trượt, những dấu ngồi ; Ở đất khô cứng thì những dấu trượt giài của gót giày và mũi giày ; một tấm thảm bị sô lệch, dấu trượt sâu hay cạn,

dài hay ngắn, dấu gót chân, dấu bám của ngón chân v.v... đều tố cáo cho ta biết được cách xô xát của hung thủ.

Khám xét thi thể nạn nhân.— Quan trọng nhất là cách nằm ngồi của nạn nhân. Nhìn cách nằm ngồi ta có thể biết nạn nhân tự tử hay bị giết và bị giết trong trường hợp nào. Cũng có thể nạn nhân bị giết mà hung thủ xếp đặt bằng cách cho nạn nhân là tự tử. Cách xếp đặt nằm ngồi và khí giới giết người ở trong tay nạn nhân sẽ tố cáo cho ta biết rõ ràng nạn nhân bị giết hay tự tử.

Cách trói buộc.— Người ta thường hay gặp những vụ giết người bằng cách trói nạn nhân trước rồi giết sau. Những nhà chuyên môn cần phải quan sát cách trói buộc và cách thắt nút. Đó là một điểm quan trọng để có thể biết một cách chắc chắn, nạn nhân bị trói hay tự trói để tự tử. Những vụ treo cổ, sợi giây và cách thắt nút cũng là một điểm quan trọng ; nhà điều tra cũng cần phải biết sợi giây ấy từ đâu mà có.

Những dấu vết trên mình nạn nhân.— Dấu thâm tím, dấu cào cấu, quần áo nạn nhân được khám xét kỹ trước khi cởi ra. Phải cần quan sát xem áo quần mặc sốc sếch hay ngay thẳng, lành hay rách đã lâu, dấu rách như thế nào.

Vết thương và những dấu hiệu của sự chết.— Vết thương do khí giới gì gây ra, vết nào là vết tử thương hay sơ thương. Ở sác chết có nhiều dấu hiệu cho ta biết vì sao mà chết, chết lúc nào, giờ nào ở trong trạng thái nào. Những dấu hiệu của sự chết cho ta một con đường để điều tra.

Biện pháp để tìm kiếm các dấu vết.— Muốn tìm kiếm những dấu vết thì cần phải phác họa một chương trình tùy từng vụ án và tùy từng nơi xảy ra vụ án trên nguyên tắc tìm kiếm có thứ tự và theo giả thuyết đã định : cách vào, cách hành động, và cách rút lui của hung thủ. Sau khi đã tìm theo cách phác họa của chương trình thì lại cần

phải tổ chức một lần tìm kiếm thứ hai nữa : chương trình tìm lần thứ hai này chia nơi xảy ra vụ án làm thành nhiều khoảng để tìm. Lần tìm này cốt yếu tìm những nơi kín đáo vì vậy cần phải gõ xuống nền nhà, mặt bàn, mặt ghế, mặt tường... để tìm các khoảng rỗng hay những nơi hóc hiểm kín đáo.

Ví dụ : một cái cửa được người làm chứng công nhận đã lâu ngày không mở, thì nhà điều tra cần phải kiểm soát lại dấu bụi, dấu màng nhện ở khung cửa và ở bản lề. Một vài cái sác khô của con dán hay con thạch-thùng rơi ở cánh cửa, cũng là một dấu vết cho ta biết cánh cửa vừa được mới mở v. v...

Mỗi vụ án đều có mỗi biện pháp để tìm dấu vết : Vụ trộm. — Tìm các dấu vết ở nơi các chỗ có thể mất được nhiều thứ như ngăn kéo ở tủ, ở kho chứa hàng v. v...

Vụ cướp. — Cách tìm dấu vết cũng như vụ trộm, thêm những dấu vết phá phách v. v...

Vụ thuốc độc. — Cần nhất phải tìm kiếm chất thuốc độc còn lại trong chai, lọ, hay ở trên khóe miệng v. v... trong thức ăn ở bếp, trong nước uống ở bể, các thứ rau cỏ cây cối ngoài vườn, các thứ nấm v. v... Những bã thức ăn của nạn nhân nôn ra, nước bọt, khăn tay lau mồm, nước tiểu, phân v. v... Những vết nôn mửa ra quần áo, ra nền nhà, ra bàn ghế, giường chiếu đang còn thấy vết hoặc đã lau sạch v. v... Nhà điều tra cần phải xem và xét đoán tất cả những dấu vết từ đâu mà đến và tại sao lại có.

Vụ cháy. — Những vụ cháy nhiều khi do tai nạn, nhiều khi vì có kẻ gây nên, đó là điểm quan trọng mà nhà điều tra cần phải xác định. Nơi bắt đầu phát ra ngọn lửa là nơi mà có thể tìm thấy những dấu vết quan trọng của thủ phạm để lại, như giấy để làm mồi, dầu hỏa, dầu săng, thuốc súng, rẻ rách, đuốc v. v... dấu tay, dấu chân thang để leo, sào, gậy, bàn, ghế v. v...

Vụ cưỡng dâm. — Những dấu vết cần tìm gồm có : dấu tinh khí, lông ở chỗ kín, dấu vết sô sát, sức

chống cự của người đàn bà, kẻ tình nghi trong vụ án này được đem ngay vào phòng thí nghiệm để kiểm soát và nhà điều tra thường tìm thấy những vết cào cấu, vết cắn, cúc áo long ra hoặc đứt đi, hoặc rách, hoặc tuột chỉ.

Tất cả những dấu vết, những vật tìm thấy đều được ghi vào biên bản, vào hồ sơ những chi tiết về vị trí, về hình thù, về số v. v... thì mới có giá trị.

Những người tình nghi. — Khi tình nghi một kẻ nào trong vụ án, nhà điều tra cần phải chú ý những điểm như sau :

Đầu tiên ta phải xem áo quần của kẻ tình nghi xem có dấu vết gì không. Sự xem này không phải dùng bằng mắt mà cần, nhiều khi, phải dùng bằng mũi vì có thể dấu vết đã bị tẩy xóa đi chỉ còn để lại « mùi tẩy xóa » của nó hoặc thơm, hoặc thối, áo quần mới thay hay nhầu nát ;. giầy mới đánh, râu mới cạo v. v... Cần thiết nhất là phải xem kỹ trong túi quần, túi áo, là nơi mà nhà điều tra hy vọng tìm được nhiều dấu vết nhất ; gấu quần, gấu áo, vành mũ, đất bùn, cát, dưới đế giày đều được khám xét. Trong móng tay, chung quanh móng tay là những nơi còn để lại những dấu vết, dù thủ phạm đã tắm rửa rồi. Những vết thương, những vết cào cấu, những vết bầm tím v. v... áo quần sốc sếch, hay mặc ngay thẳng, đầu tóc rối bù hay mới chải v. v... tất cả đều được ghi vào biên bản. Những người tình nghi được lấy sơ cung ngay tại chỗ.

Các dấu-vết

Trong khi hành-động, hung thủ không thể nào tránh khỏi để lại những dấu vết, vì sự hành động ấy khi nào cũng ở trong vội-vàng hấp-tấp kinh-hoàng.

Tất cả những dấu vết ấy đều khác nhau và ở trên một phạm vi rất rộng lớn, cần phải có một sự hiểu biết chuyên môn và sáng ý mới tìm thấy và xác-định được những dấu-vết ấy là động cơ của sự hành động nào, của trường hợp nào, của trạng thái nào v. v... trong vụ án.

Dấu vết còn gồm có những vật lạ để lại ở nơi xảy ra vụ án. Những vật ấy, hoặc là của hung-thủ trong lúc vội vàng để sót lại, hoặc là của nạn nhân nhưng không phải là nơi nằm đúng với vị trí của nó.

Những vật lạ này cũng gọi là dấu vết, cho nên trong cuộc điều tra nhà chuyên môn cần phải phân tách dấu vết trên ba điểm quan trọng như sau :

« Dấu », « Vết », và « Vật Lạ ».

Dấu = Phân tách về hình thể (Một bàn tay in lên tường gọi là dấu tay).

Vết = Phân tách về chất (Dấu tay in lên bằng máu gọi là vết máu).

Vật-lạ = Phân tách về hình thể và chất (Trong vết máu có dính một sợi tóc ; sợi tóc ấy gọi là vật lạ).

Cách chụp ảnh các dấu vết. — Chụp ảnh theo cách đo lường (Photographie-Métrique) hoặc bằng máy ảnh đo lường hay là khi chụp một vật gì thì để một cái thước bên cạnh vật ấy để làm cỡ cho vật ấy. Phải biết cách chụp nơi thiếu ánh-sáng (hay là phải có đèn chiếu, xin xem cuốn khoa-học cảnh-sát thực hành sắp xuất bản).

Cách lấy khuôn ở dấu chũng.— Lấy khuôn ở đất mềm, ở bùn khô. Đầu tiên quét qua một lớp cánh kiến (cánh kiến hòa với cồn) nếu không có cánh kiến thì quét bằng dầu nhớt. Chờ độ mười lăm phút (nếu quét dầu thì không phải chờ) lấy bột Plâtre de Paris (bán ở hiệu thuốc tây) hòa với nước thành một chất nhão. Rót một lớp mỏng bột xuống dấu chũng bằng một cái thìa. Xong rót xuống dần dần cho đến khi đầy (trong khi rót nửa chừng thì thêm vào mấy sợi giây thép để làm cốt như cốt sắt bê tông vậy). Để cho Plâtre cứng rồi lấy lên (nhẹ và khéo tay) dùng mũi dao con để lấy hết đất đi (phải nhớ là trong khi lấy đất thì không được đụng chạm đến Plâtre).

Lấy khuôn ở đất bùn ướt. — Cũng theo nguyên tắc trên nhưng không quét cánh kiến hay dầu.

Lấy khuôn ở cát mịn. — Chộn một thìa Plâtre de Paris với 250 gr. nước, quấy thành một chất sữa, dùng thìa rót xuống rất nhẹ nhàng.

Lấy khuôn ở bụi bặm. — Dùng một cái ống tròn ta có thể úp chụp ngoài dấu. Lấy bột Plâtre cho vào bơm (bơm nước hoa) bơm bột vào trong thành ống cho đến khi nào bột dày đến độ một phân tây thì bơm nước vào theo như cách bơm bột vậy.

Khi lấy khuôn xong thì nên chụp hình khuôn ngay theo lối đo lường. Đo và ghi tất cả các chi tiết để phòng sau này khuôn có bị vỡ.

So sánh. — (Ví dụ một dấu giày) Cần phải lấy ngay các dấu chân, dấu tay của người tình nghi để so sánh. Nếu để lâu ngày giày, guốc của thủ phạm có thể bị mòn đi, hoặc thay đổi giày khác. Cần phải so sánh : khuôn với khuôn, ảnh với ảnh mới có thể sác định được chắc chắn. Những điểm quan trọng trong sự so sánh : bề ngoài dài từ mũi đến gót, bề ngang của đế giày, hình của gót giày, sự mòn của đế và gót giày, hình vẽ, số đinh, miếng sắt, vết sứt mẻ của đế và gót giày, đế da, cao su hay crêpe thuộc về hiệu gì, chi tiết về hình vẽ của đế và gót giày.

Sự dè dặt của nhà chuyên-môn. — Dấu vết thường có thể « thêm » hoặc « bớt » vì có khi dấu vết bị thay đổi, xóa mờ, vì mưa gió hay thời gian hoặc thêm vào, vì những kẻ ra vào sau lúc xảy ra vụ án.

Vì vậy nhà chuyên-môn cần phải thận trọng trong lúc điều tra, phải luôn luôn thọc hai tay vào túi quần. Phải chùi giày thật sạch trước khi vào nhà, không nên hút thuốc vứt tàn bậy bạ, đừng nên mặc áo quần rộng rãi quá.

Dụng cụ nhẹ nhàng và cần-thiết.—Như máy ảnh, đèn chiếu, thước đo, giấy vẽ họa đồ, dao nhỏ nhọn, kéo, dao cắt kính, vài ba ống thủy tinh nhỏ để đựng bụi bặm, bột Plâtre lấy khuôn, bột và giấy phản-ứng để làm nổi dấu tay, vết máu, mực và giấy để lấy dấu tay của người có mặt ở nơi xảy ra vụ án.

Tất cả đều bỏ vào trong một cặp da nhỏ để dễ mang đi lại.

Dấu mặt.— Trường hợp này rất hiếm, nhưng cũng có thể xảy ra. Ví dụ, trong lúc vội vàng hoặc xô-xát thủ phạm có thể ngã sấp mặt xuống một đám cát, nhỏ, mịn ; hoặc in xuống khăn giải giường, gối, bởi mồ-hôi hoặc máu. Dấu mặt ở cát mịn được lấy khuôn và chụp ảnh. Những dấu mặt in bằng mồ hôi hoặc máu ở các vật bằng vải hoặc giấy đều được đem về phòng thí nghiệm để về sau đem nghiên cứu so sánh với dấu mặt của hung thủ hoặc của kẻ tình nghi.

Dấu môi.— Có thể dùng để phân biệt được dấu môi này và dấu môi khác, vì dấu môi có thể thay đổi nhưng rất chậm. Dấu môi của hung thủ có thể để lại ở trên mẩu tàn thuốc lá ở vai áo của nạn nhân, ở má (trong trường hợp nạn nhân bị giết sau một cuộc giao hoang). Dấu môi cần được chụp hình.

Dấu tay.— Có những dấu tay không rõ chỉ, vì tay hung thủ đang đẫm máu, hoặc mực, hoặc dầu, hoặc nước v.v... Những dấu này thường thấy ở tường, ở tay vịn cầu thang, ở cánh cửa, ở quả đấm khóa, ở mặt cạnh bàn, ở giữa đất, ở những nơi có nhiều bụi bặm v.v... Những dấu này cần phải được chụp hình và ghi chép bề dài, bề ngang của mỗi ngón tay, các chỉ bàn tay, các tật của bàn tay (hoặc ngón tay cụt, hoặc đeo nhẫn, hoặc sẹo v.v...) Các dấu tay này tùy theo hình thức, vị trí mà ta có thể biết được : trong lúc để lại dấu tay hung thủ làm gì, hoặc ngồi, hoặc bò, hoặc leo trèo, hoặc đang xô xát, hoặc đang bị thương

v.v... Dấu tay chia làm hai loại : dấu in và dấu chứng. Dấu chứng cần phải được lấy khuôn, chụp hình và ghi chép như dấu in vậy.

Dấu chân.— Dấu chân có thể là chân đi giày, đi guốc, hoặc đi đất, hoặc đi bằng bí-tất. Dấu chân chia làm hai loại : dấu in và dấu chứng. Dấu in thường gặp ở trên nền nhà bóng loáng, trên đất cứng, trên thảm màu nhạt, trên bàn ghế (có khi hung thủ dùng ghế hay bàn để trèo lấy một vật trên cao), trên tấm giấy rơi dưới đất, trên mặt tường, trên đầu tường (nếu có sự leo trèo) v.v... Những dấu chân này cần được chụp hình, lấy khuôn và họa đồ với những chi tiết và hình dạng tự nhiên của dấu giày, guốc, bí tất, hoặc chân không. Cần phải đo khoảng cách nhau từ dấu chân trái sang chân phải, khoảng cách ấy cho ta đoán được bề cao của chân hung thủ. Bề dài của chiếc giày cho ta biết bề cao của người, theo theo thể thức như sau :

22 phân	=	cao	...	1 thước	43
23 «	=	«	...	1 «	50
24 «	=	«	...	1 «	57
25 «	=	«	...	1 «	64

Hai lần bề dài của dấu bàn chân ngang với một bước và hai lần bước ngang với bề cao của chân (đó là độ-chừng mà thôi, không được đích sác lắm).

Dấu gậy chống.— Nhiều khi hung thủ có cầm gậy chống. Dấu gậy chống thường đi theo với dấu chân, mỗi dấu chân có một dấu gậy hoặc bốn dấu chân mới có một dấu gậy. Dấu gậy thường cho ta biết đầu gậy có bịt sắt hay không, gậy bằng gỗ hay bọc cao su v.v... Dấu gậy đã mòn hay mới, người chống gậy đi đứng cách nào.

Dấu ngồi. — Tìm dấu ngồi ở ghế có bụi, ở dưới đất mềm, ở cát ẩm, ở nệm ghế giường, dấu này được chụp hình và ghi chép bề rộng, bề ngang bề sâu. Xem

dấu ngồi ta có thể sác-định được : hung thủ ngồi trong trường hợp nào, hoặc ngồi chờ, ngồi nói chuyện, ngồi bất chợt, ngồi vì bị ngã v.v...

Dấu tất cả thân mình.— Có thể gọi là dấu nằm, dấu này tìm ở nơi có nhiều bụi bặm, ở đất mềm, ở cát, ở giường có nệm. Ta có thể đo từ lỗ chũng của đầu đến đít và từ đít đến lỗ chũng của gót chân để biết bề cao của thủ phạm. Dấu nệm trên giường còn cho ta biết thủ phạm có một hay người đàn ông hay đàn bà (theo sự kinh nghiệm thì dấu đàn ông nằm có nếp răn sát nhau (theo bề dài) đàn bà thì nếp răn thưa và rộng).

Dấu răng. — Dấu răng có thể tìm thấy ở da người, ở thức ăn như bánh mỳ, quả cây v.v... Những dấu này được lấy khuôn bằng cách cho các vật có dấu vào một cái hộp giấy rồi rót bột Plâtre, hoặc những chất :

Blanc de Baleine	}	â â 25 gr.
Parafine		
Talc		50 gr.
Eosine Q. S. pour teindre en rose.		

Trộn lẫn với nhau trên lửa nóng hầm (khi nguội thì chất này sẽ cứng như Plâtre vậy). Cần phải nhớ khuôn thì phải so sánh với khuôn. Vì vậy cần phải bắt người tình nghi hoặc thủ phạm cắn vào một vật mềm hay cứng tùy theo dấu răng đã lấy được ở trên vật cứng hay mềm : đem lấy khuôn theo như cách trên để có khuôn mà so sánh với khuôn. Những cách so sánh này đều đặt dưới mặt kính hiển vi. Ta sẽ phân biệt được hình dạng của răng, răng nằm cách nhau xa hay gần v.v... (chụp ảnh cả hai khuôn thì dễ so sánh hơn).

Dấu móng tay. — Dấu móng tay thường tìm thấy ở trên da, tức là dấu cào, trên tường, trên các đồ vật... Cần phải chụp ảnh bằng cách đo lường. Những dấu móng tay cho ta biết hình thù của móng tay, hoặc

cứng, mềm, nhọn hay tròn. Cần phải có sự so sánh ngay với dấu cào cấu của người tình nghi theo điều kiện cào cấu trước để phân biệt (vì sợ móng tay mọc dài thêm hoặc cắt đi, hoặc dấu cào ở da thành sẹo).

Dấu áo, quần. — Hung thủ ngồi trên ghế có bụi, hoặc ở đất ẩm, để lại dấu in của áo quần. Dấu này được chụp ảnh bằng cách đo lường và phóng lớn bằng dấu thực. Muốn so sánh, đem áo quần của kẻ tình nghi, tẩm mực in và in vào giấy. Nếu dấu chũng thì lấy khuôn bằng bột Plâtre và có thể so sánh ngay với áo quần của kẻ tình nghi.

Dấu chỉ hay dấu vải rách. — Vì sự xô xát hay leo trèo mà hung thủ để lại một vài sợi chỉ trong áo quần hoặc mẩu vải rách. Những thứ này được chụp ảnh và đem so sánh với ảnh chụp sợi chỉ hay vết rách của áo quần kẻ tình nghi bằng cách đem phóng đại cả hai ảnh lên.

Dấu thú-vật. — Để ý dấu chân, dấu răng, lông, phân. Dấu chân cho ta biết thú vật thuộc giống gì ; bước chân cho ta biết con vật lớn hay nhỏ ; lông và phân thì để phân biệt từ giống này tới giống khác. Các thứ dấu trên đều được lấy khuôn và chụp ảnh như những nguyên tắc trên.

Dấu xe-cộ. — Dấu xe cộ gồm có dấu bánh xe và dấu dầu nhớt, xem các thứ này ta có thể xác định được dấu hiệu bánh xe, sẹo, vết của bánh xe, đường kính bề tròn của bánh xe, bề mòn của bánh xe, xe chở nặng hay không, chạy nhanh hay chậm, xe bắt đầu chạy ở đâu, xe đứng lâu hay chóng, xe to hay nhỏ, cũ hay mới (cần lấy khuôn và chụp ảnh theo cách đo lường).

Dấu cạy. — Lấy khuôn bằng sáp vàng, khuôn sẽ cho ta biết hung thủ đã dùng dụng cụ gì để cạy. Dấu cạy thường có ở cửa, tủ, ngăn kéo v. v... Cần phải chụp ảnh bằng cách đo lường.

Vết máu. — Vết máu rất quan hệ và rất khó tìm vì vết máu khô hay thay màu đúng với màu nền nhà hay đất; vết máu đã được lau chùi sạch; vết máu của hung thủ rây rắc để đánh lừa nhà điều tra; vết máu của thú vật; vết máu của nạn nhân; vết máu của hung thủ v.v... đó là tất cả những điểm quan hệ, để phân tách và phân chất. Những vết máu này thường hay tìm thấy ở những nơi xảy ra án mạng, hoặc trên tường, hoặc trên mặt đất, dưới hay trên mặt bàn, mặt ghế, mặt đệm, khăn bàn, khăn giường, màn treo cửa, khăn chùi nhà, áo quần (những vật này phần nhiều hung thủ hay dấu ở chỗ kín đáo). Những đồ vật nào có vết máu đều được đem về phòng thí nghiệm phân chất để hiểu: vết ấy có phải là máu không, máu người nào hay là máu của thú vật, máu ở chỗ nào trong thân thể chảy ra và chảy từ bao giờ. Ngay ở chỗ xảy ra vụ án ta có thể dùng một phương pháp giản tiện để biết vết ấy có phải máu hay không để khỏi phải mất thì giờ về sau: lấy giấy Joseph (một thứ giấy thấm) dúng nước lạnh và để ở trên vết nghi ngờ là máu, nếu đúng máu thì giấy thấm sẽ hút được máu lên trên giấy.

Vết máu còn cho ta biết cử động của người bị chảy máu. Máu giọt xuống đứng và gần thì vết máu hình tròn, nếu giọt từ trên cao xuống thì vết máu hình tròn có tia nhỏ chung quanh. Nếu máu ở vết thương còn cử động được thì vết máu hình dài ít hay nhiều tùy theo vết thương cử động nhanh hay chậm. Vết máu còn cho ta biết người bị thương từ chỗ nào, đi đến đâu, vết máu còn cho ta biết nạn nhân bị thương bằng thứ khí giới gì, trong khi bị thương còn sống hay chết ngay, trong lúc bị thương còn chống cự được, còn đứng hay gục xuống ngay.

BIBL. CENTRALE

Trong vết máu có thể có những vật như tóc, lông, xương vụn, chỉ, vải v.v... Những vật này tố cáo cho ta biết máu chảy ở đâu ra. Các vết máu đều được chụp hình bằng cách đo lường và ghi chỗ nằm của vết.

Vết tinh-khí.— Vết khí thường thấy ở áo quần khăn giường, chăn màn v.v... Vết này thường thành hình như cái bản địa đồ. Ở trên các vật cứng thì đóng thành một lớp màng mỏng. Các vết này phải giữ gìn cẩn thận vì vết khí dễ biến thành bụi, người ta sác-định tinh khí của người nào hay của thú vật bằng cách phân chất ở tinh-trùng.

Những vết mũi, đờm, nước tiểu, nước bọt, phân.— Sác định của người nào bằng cách phân chất những vi trùng bệnh để khám ra hung thủ ; ví dụ như hung thủ có bệnh lao, bệnh ghẻ, bệnh hoa liễu v.v...

Vết sơn.— Thủ phạm nhiều khi trong lúc xô-xát hoặc hốt hoảng có thể chạm vào tường, vào cửa, làm bột sơn ở tường, ở cửa dính vào quần áo hay móng tay v.v... hoặc một chiếc xe đâm phải người bỏ chạy dính một đôi tý bột sơn ở nạn nhân. Những vết sơn này thường thấy ở trên người thủ phạm hay nạn nhân. Cần phải khám xét cẩn thận các dấu sơn, bụi sơn ở trên người tình nghi để so sánh với sơn và bụi sơn ở nơi xảy ra vụ án.

Vết các thứ màu sắc.— Hung thủ có khi sơ ý làm đổ lọ mực vào áo quần, hoặc dùng các màu sắc để in bạc giả, tem, văn bằng giả v.v... Những màu sắc này thường tìm thấy trên người hay trên áo quần của thủ phạm. Vì vậy những người bị tình nghi cần phải khám xét, những vết màu sắc trên tay và áo quần (mực, các dấu vết sẽ được phân tách và phân chất rõ ràng trong cuốn khoa-học cảnh sát thực hành sắp xuất bản)

Các thứ bụi bặm.— Bụi bặm ở trong áo quần một người có thể tố cáo cho ta biết người ấy làm nghề nghiệp gì. Bụi

bặm dính ở giày dép, tay chân, áo quần, đầu óc, người ấy có thể tố cáo cho ta biết người ấy vừa ở đâu đến.

Khám xét xe-cộ, khí giới. — Khám xét cẩn thận đầu mũi xe. Những vết xây xát, long sơn, những chất máu, tóc, một vài sợi chỉ v.v... dính ở mũi xe tố cáo cho ta biết xe ấy vừa chẹt phải người.

Một thứ khí giới để lâu không dùng hay vừa mới dùng đều có thể biết được, nếu khám xét cẩn thận.

KỸ-THUẬT DẤU TAY

Kỹ thuật dấu tay là cách áp dụng khoa học dấu tay để điều tra bằng cách nhìn nhận dấu tay mà có thể tìm ra người có dấu tay ấy. Dấu tay là một dẫn chứng vô cùng giá trị cho sự buộc tội. Tất cả các nhà chuyên-môn của khoa-học cảnh-sát thế giới đều công nhận: dấu tay là một chữ ký mà không thể giả mạo được.

Dấu tay có ba đặc điểm quan hệ:

1°) Dấu tay giữ nguyên không bao giờ thay đổi từ tháng thứ ba kể từ ngày đẻ cho đến khi thi-thể lũa nát. (Sự thay đổi chỉ về hình-thể tức là rộng lớn ra chứ không thay đổi về dấu). Dù lớp da này mòn đi, lột đi thì lớp da khác sẽ nổi lên và nét vẽ dấu tay cũng vẫn giữ nguyên như cũ. Vì dấu tay là do sự thành lập của lớp da trong.

2°) Dấu tay không khi nào giả mạo được, dù làm cho cháy, cho lột đi hoặc cho mòn đi.

3°) Không có hai dấu tay giống nhau. Giáo-sư GALTON đã sác định: «trong 640 triệu dấu tay mới có hai dấu tay giống nhau». Nhưng sự thật thì không khi nào giống nhau được; hai dấu tay có thể giống nhau về hình dạng nhưng về chi tiết thì không khi nào giống nhau được. Mỗi dấu có những đặc điểm khác nhau.

Cách tìm kiếm dấu tay. — Thường thường những dấu tay hay tìm kiếm được ở nơi xảy ra vụ án. Có ba oại dấu tay :

1°) Dấu chúng xuống.

2°) Dấu nhìn thấy.

3°) Dấu vô hình.

Dấu chúng xuống. — Là những dấu tay ở những chất mềm như ở vết nến chảy, ở mastic mặt kính, ở keo phong bì thư, ở trên mặt keo của tem thơ, ở nơi miếng xà-phòng, ở sơn ướt v.v...

Dấu nhìn thấy. — Là những dấu do tay đang bẩn, hoặc dẫm máu, hoặc tay bị dầu máy, mồ hôi đã chạm phải những vật có mặt lì và màu sáng ; như trên mặt giấy, mặt tường v.v... in thành dấu. Dấu tay trông thấy phần nhiều không rõ rệt vì những dấu tay rõ rệt chính là dấu tay mờ. Những dấu tay trông thấy trên giấy đều có ích lợi (phần nhiều những thư nặc danh có thể khám phá ra nhờ những dấu tay ấy).

Những dấu vô hình. — Là những dấu tay trộng thường thì không thể nhìn thấy được. Những dấu tay này phần nhiều tìm thấy trên các đồ-vật bóng loáng như trên mặt kính, trên chai, lọ, cốc, chén, trên các vật bằng sắt láng như dao, súng ; trên mặt các vật sơn láng như trên vỏ xe ô-tô. Trên mặt da láng, ở trên áo quần, trên da người (trừ cổ cứng tay áo hồ cứng), trên gỗ không đánh bóng thì không thể có dấu tay vô hình được.

Trong công cuộc điều tra, dấu tay là một dẫn chứng rất quan hệ mà thủ phạm hay để lại nơi xảy ra vụ án. Cũng có những thủ phạm khôn ngoan khi hành-động hay mang bao tay, tránh khỏi phải để dấu tay ở lại. Nhưng mang bao tay vào thì hành động không được nhanh nhẹn, nhất à trong bóng tối ở một nơi không quen thuộc, hoặc sự

hành động ngẫu nhiên không kịp đề phòng mang bao tay. Vì vậy phần nhiều trong các vụ án người ta hy-vọng tìm được nhiều dấu tay.

Dấu tay vô hình rất quan trọng mà mắt thường không tài nào thấy được. Muốn thấy dấu tay vô hình ta chỉ cần đem các vật bóng loáng để nghiêng lên ánh sáng thì nhìn thấy rõ ngay. Tiện nhất là tìm dấu tay vô hình trong bóng tối với ngọn đèn bấm. Dấu tay vô hình trên giấy thì không thể nào trông thấy rõ được cần phải nhuộm màu khác bằng bột hóa-học (xin xem ở Cảnh-Sát Khoa-Học thực hành).

Vì vậy những vật nghi ngờ có dấu tay có thể đem đi được thì nên đem về phòng thí nghiệm ngay. Người ta có thể tìm một dấu tay vô hình trên mặt tờ giấy đã nhầu nát, (hoặc hung-thủ dùng để châm lửa, hoặc lau tay rồi vất ở chỗ hoạt-động) mà giáo-sư REISS gọi là danh-thiếp của hung-thủ.

Giữ gìn những dấu tay. — Các dấu tay vô-hình rất dễ mất nếu không cẩn thận gìn-giữ. Phải làm thế nào để cho nơi có dấu tay không đụng chạm vào một vật gì, không gặp sức nóng, ví dụ cầm một cái cốc thì chỉ có thể lấy hai ngón tay đỡ dưới đít cốc và trên miệng cốc, cái chai thì cho ngón tay vào miệng chai và một ngón tay vào đít chai v.v... Tóm lại, tay của người điều-tra phải để vào nơi mà chắc chắn rằng thủ phạm không mó vào chỗ ấy ; các tờ giấy thì cần phải có díp để gắp. Nếu những vết không thể đem đi được thì cần phải chụp ảnh ngay tại chỗ. Cần phải cho ánh sáng đi xiên vào dấu tay mới chụp được ; nhiều dấu tay vô hình ở ngoài không trông thấy nhưng đến khi chụp ảnh và rửa ra giấy thì trông rất rõ (phải chụp ảnh theo lối đo lường).

Sau khi chụp ảnh xong thì rắc bột màu vào để cho dấu tay nổi lên ; ở mầu thẫm thì rắc bột nhạt như bột nhôm (poudre d'aluminium), ở màu sáng thì rắc bột thẫm như

bột Sulfure de Plomb. Ở mặt kính, chai, cốc, lọ thì dùng bột diên phấn (céruse) hay bột Sesquioxyde de fer. Dùng một bút lông để quét các thứ bột lên dấu tay.

Trong những lúc không có đủ các thứ bột thì ta có thể dùng giấy đốt và cho khói bay lên dấu tay, khói có thể làm cho nổi dấu lên. Hoặc hà hơi vào dấu tay cũng có thể hiện lên trong vài giây đồng hồ, đủ thì giờ cho ta chụp ảnh lại một lần thứ hai (nhiều phương pháp làm dấu tay thành hình, xin xem cuốn Cảnh sát khoa-học thực hành.)

Đem các dấu tay đi. — Nếu một vật không thể đem về phòng thí nghiệm được như tủ sắt, tường nhà v.v... thì nhà điều tra cần phải đem các dấu tay ấy về phòng thí nghiệm. Làm thế nào để đem đi được? Đó là một cách in dấu tay ấy lên giấy để đem đi. Cách in lại dấu tay để đem đi có nhiều phương pháp (xin xem cuốn Cảnh-sát khoa-học thực hành.) Ở đây tôi xin chép lại một phương-pháp dễ nhất: lấy giấy ảnh (papier photographique débromuré) cho vào nước nóng ba mươi độ thấm khô nước, áp giấy vào dấu tay, (sau khi đã làm dấu tay nổi rõ lên rồi), (áp một lần và lột ra ngay). Dấu tay hoàn toàn rõ ràng trên giấy ảnh.

Một phương pháp chuyên môn khác của phòng thí nghiệm cảnh-sát ở Lyon:

Các thứ:	Cellulose transparente	1,5
	Acétone	0,5
	Fulmicoton	7,0
	Alcool rectifré à 95°	15,0
	Ether	76,0

đem chộn lẫn vào chai, đậy nút kín, khi nào dùng đem đổ lên trên mặt dấu tay một lớp mỏng và để khô lột ra, thành như miếng phim ảnh. Dấu tay hiện rõ ràng trên miếng phim.

Lấy dấu tay của những người có một nơi xảy ra vụ án. — Sau khi đã tìm tòi hết cả những dấu tay ở nơi xảy ra vụ án rồi thì nhà điều tra cần phải lấy dấu tay của những người có mặt tại nơi xảy ra vụ án, như: người nhà của nạn nhân, người khám phá ra vụ án, các nhân-viên canh gác nơi xảy ra vụ án trước khi nhà điều tra đến, dấu tay nạn nhân v.v...

Những dấu tay tìm tòi ra nơi xảy ra vụ án đem so sánh với những dấu tay của những người có mặt nơi xảy ra vụ án và trừ những dấu tay này ra thì còn lại dấu tay lạ, tức là dấu tay hung thủ, hoặc ít ra là dấu tay của kẻ lạ nào đã có ít nhiều liên-can đến vụ án.

Cách chuyên-chở dấu tay đem về phòng thí nghiệm. — Các vật có dấu tay cần phải được giữ gìn cẩn-thận, gói-ghém, bao-bọc thế nào mà dấu tay không phải bị vật gì chạm phải có thể làm cho lu mờ hoặc tẩy xóa đi được.

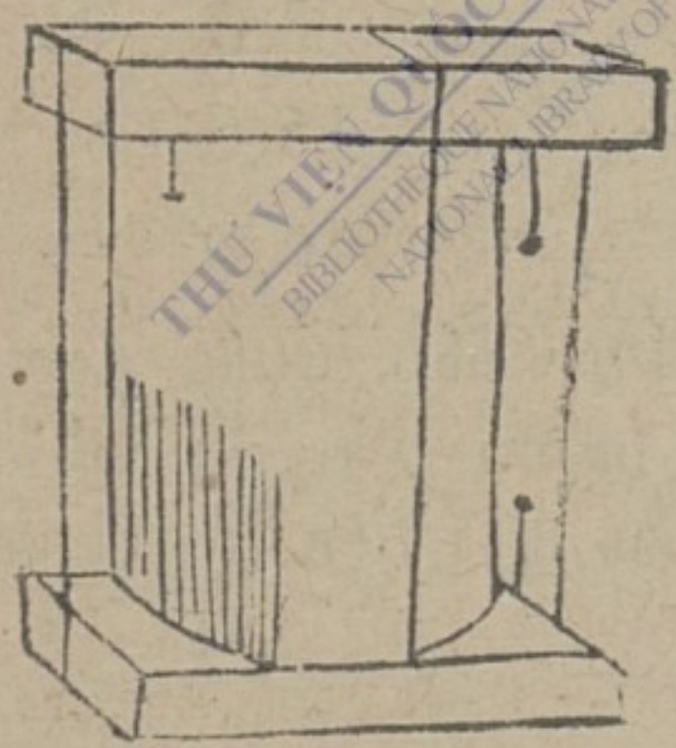

Cách đóng khung cái cốc hoặc cái chai có dấu tay.

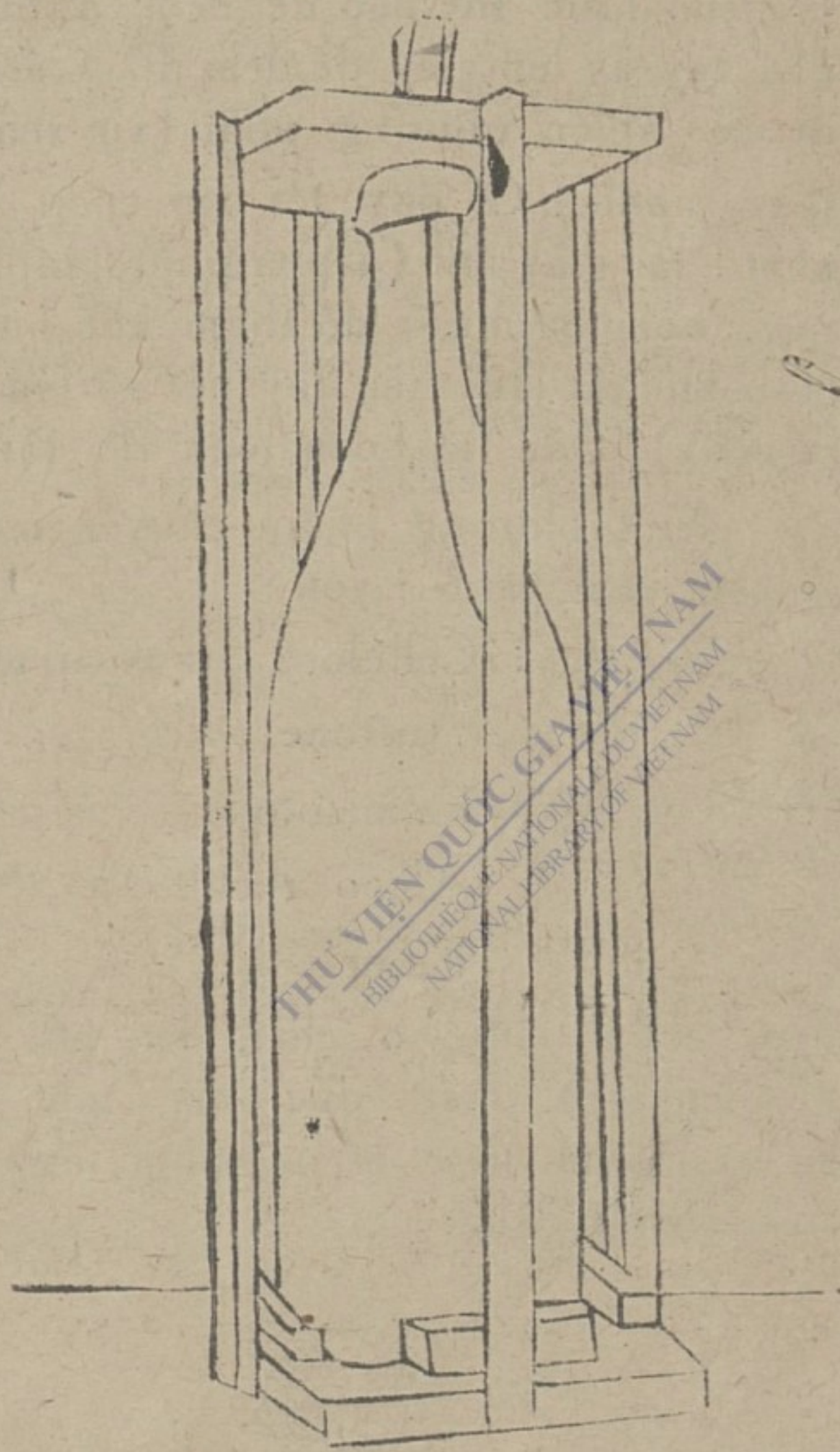

Những cách làm cho dấu tay nổi lên để chụp ảnh. — Khi các vật có dấu tay đã đem về phòng thí nghiệm rồi thì cần phải làm cho dấu tay hiện lên rõ ràng để chụp ảnh. Nhiều cách làm cho dấu tay hiện lên, tùy từng trường hợp dấu tay nằm trên một vật bằng gì ?

Trên mặt kính, trên chai, cốc, thì dùng bột Oxyde de zinc, de cuivre, d'aluminium, sulfure de plomb, céruse v. v...

Trên mặt gương soi ; thì dùng chất ngan-dich.

Trên mặt đồ sứ thì dùng bột brouze hoặc aluminium.

Trên mặt kim khí thì dùng bột céruse hay sulfure de plomb, de titharge, de massicot.

Trên mặt da (cuir) thì dùng bột kaolin.

Trên mặt gỗ thì dùng (tùy theo mầu sắc gỗ), có thể dùng céruse, minium, ocre jaune, sulfure de plomb.

Trên giấy thì có thể dùng acide iodhydrique và iode métalloidique giọt xuống cát nóng để lấy hơi xông lên giấy, dấu tay sẽ nổi lên và mờ ngay nhưng cũng đủ thì giờ để khi chụp ảnh lại.

Chụp ảnh dấu tay là một kỹ-thuật, nhà nhiếp ảnh cần phải điêu luyện trong nghề. Mỗi thứ thuốc làm nổi dấu tay lại phải có một cách chụp riêng. (Ta có thể dùng tạm kính Panchromatiques de Capelli và sang ảnh bằng ánh sáng mầu xanh cho các trường hợp chụp ảnh dấu tay. Xin đón xem cuốn Cảnh sát khoa-học thực hành sắp xuất bản).

Chụp ảnh trên mặt hình khum, hay trên mặt gương soi trên mặt giấy, v.v. Mỗi cách chụp đều mỗi khác nhau. (Ở trong cuốn sách nhỏ bé này không thể nào chép cả chi tiết được.

Cách so sánh dấu tay. — Khi đã có dấu chỉ tay chụp thành ảnh rồi thì ta chỉ còn lấy dấu tay của những người tình nghi là thủ phạm hay tòng phạm để so sánh với

dấu tay đã tìm được ở nơi xảy ra vụ án. Hoặc không có người đáng tình nghi thì ta đem dấu tay đến phòng lục hình hay phòng lý-lịch căn-cước để tìm dấu tay giống như dấu tay đã tìm ra ở nơi xảy ra vụ án. Muốn cho cách so sánh dễ dàng và có hiệu quả thì cần phải biết cách phân biệt dấu tay này với dấu tay khác.

Cách phân biệt dấu tay.— Muốn phân biệt các dấu tay thì cần phải biết tất cả hình vẽ của dấu tay, những đặc điểm của các dấu tay và cách phân loại dấu tay.

Hình vẽ dấu tay.— Khi ta nhìn một dấu tay, ta sẽ nhận thấy có những đường thẳng hoặc đường cong cách nhau độ nửa ly khi thì nối liền nhau, khi thì bị đứt quãng, khi thì chia những đường tẻ. Nhưng những đường ấy bao giờ cũng nằm song song với nhau, không chọi nhau hoặc cắt đứt ngang nhau bao giờ.

Trong một dấu tay ta nhận thấy có ba loại hình vẽ :

1)— **Loại hình nằm ngang.**— Là những đường song song nằm ngang ở phía dưới đốt của đầu ngón tay.

2)-- **Loại hình cong vành ngoài.** — Là những đường cong lên rồi hạ xuống và song song với những đường loại nằm ngang.

3)—**Loại nằm khoanh bên trong.**—Là những đường nằm khoanh bên trong loại hình cong nằm ngoài. Loại nằm khoanh bên trong có nhiều hình thức khác nhau là : hình tròn, hình chôn ốc, hình cong, hình quai sách, v.v... Những hình này thường ngả về bên trái, hay bên phải, hay vòng chôn ốc, hay tròn và tụm chung quanh một trung tâm điểm.

Phía dưới đốt đầu ngón tay, ở giữa loại hình nằm ngang và loại hình cong vành ngoài thường có hình tam giác.

Trung-tâm điểm và hình tam giác là đặc điểm của dấu tay.

Những đặc điểm của hình dấu tay. — Mỗi hình dấu tay đều có những đặc - điểm. Những đặc điểm ấy hoặc khác nhau, hoặc giống nhau nhưng « vị trí nằm trên dấu tay không bao giờ giống nhau ».

Những hình vẽ của loại nằm khoanh bên trong. — Loại nằm khoanh bên trong có những hình vẽ khác nhau, nhờ những hình khác nhau này mà ta có thể phân loại để sắp đặt một tư thẻ dấu tay có quy củ.

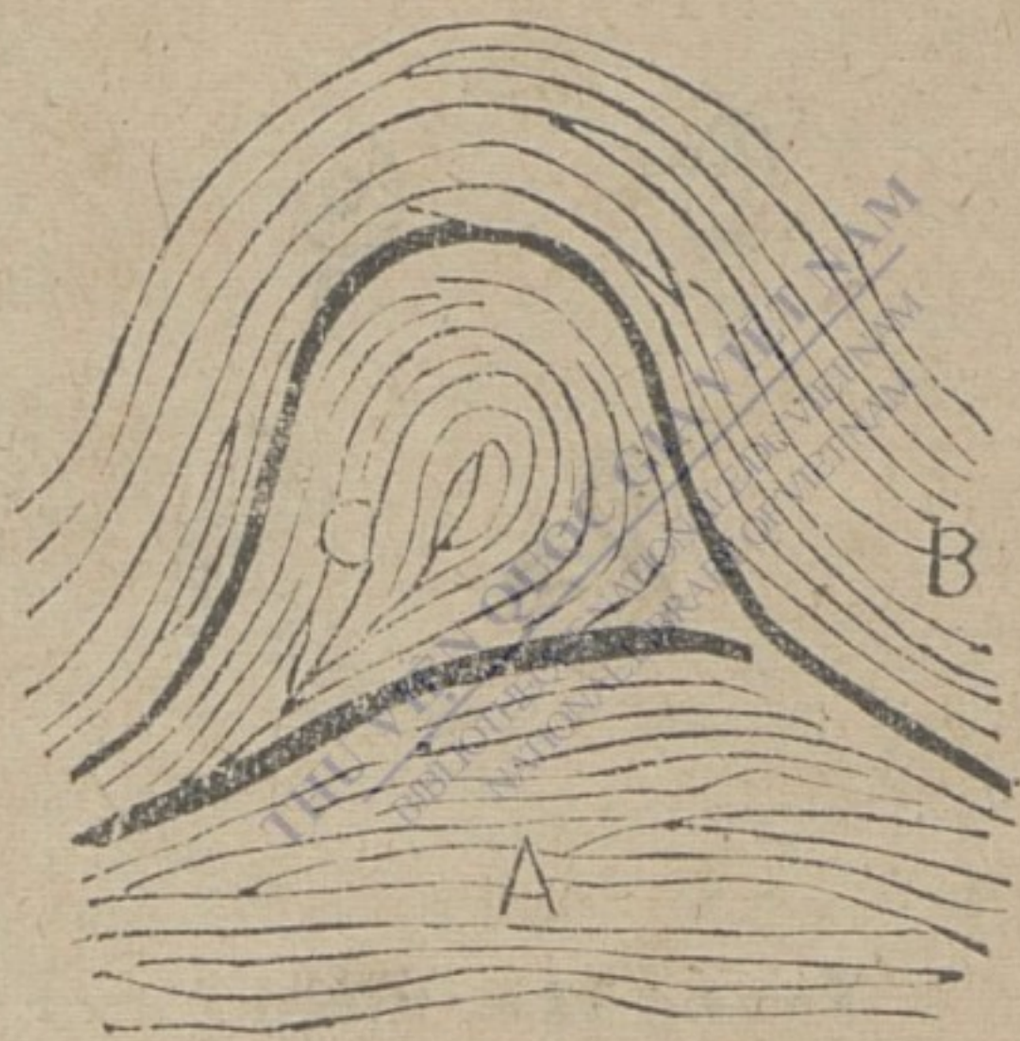

A.— Loại hình nằm ngang

B.— Loại hình cong vành ngoài

C.— Loại nằm khoanh bên trong

Những hình của loại nằm khoanh bên trong có :

1·) — Hình vòng cung.

2·) — Hình cong vút lên như đỉnh núi.

3·) — Hình cong mở ra phía trái.

4·) — Hình cong mở ra phía phải.

5·) — Hai hình cong đều mở ra phía trái.

6·) — Hai hình cong đều mở ra phía phải.

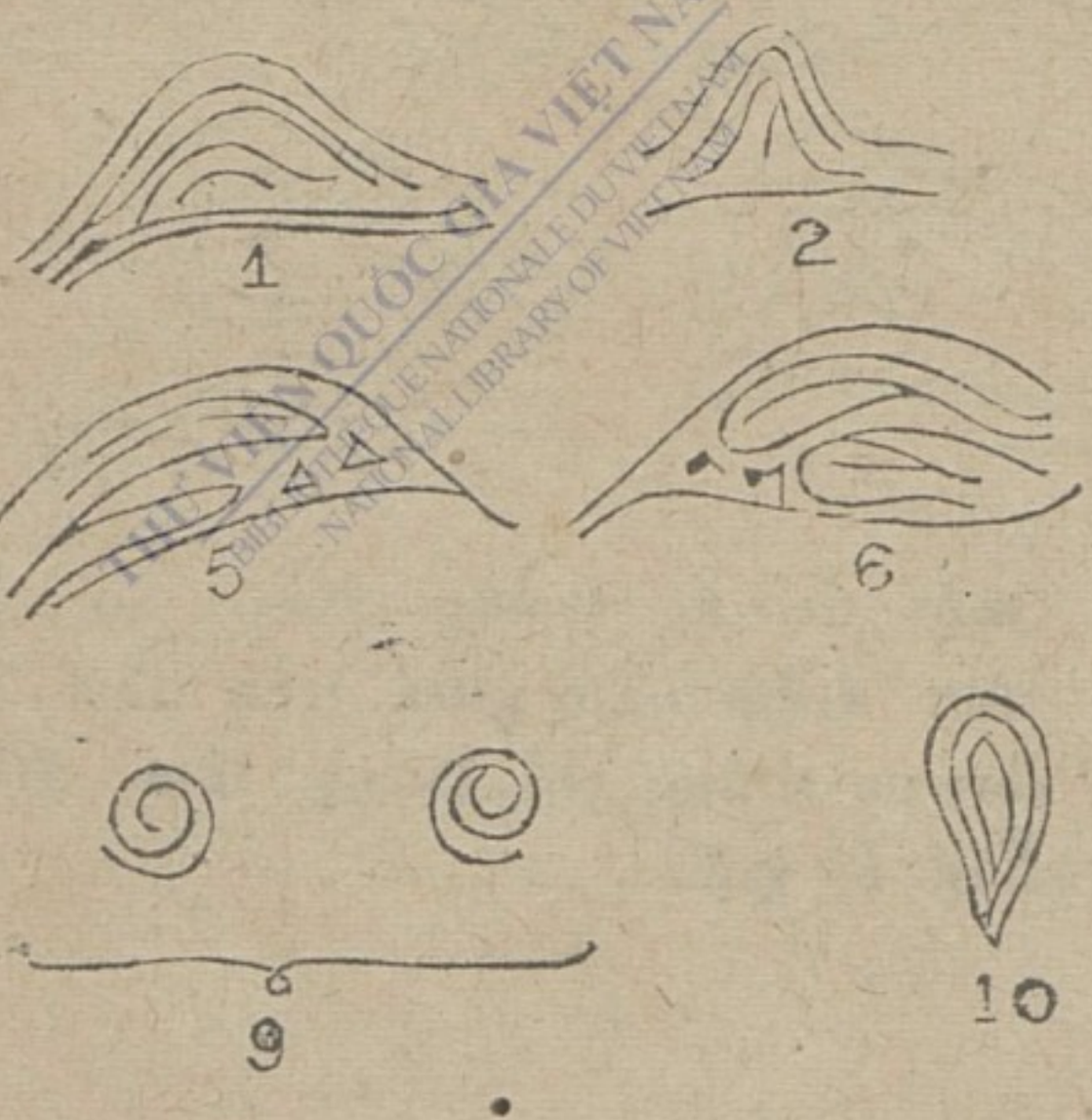

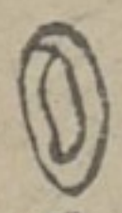

7.) — Hình cong giáp múi.
8.) — Hình tròn.
9.) — Hình khoanh xoay chôn ốc.
10.) — Hình lá cây.
11.) — Hình chữ S.
12.) — Hình cái bị.

Trung tâm điểm. — Trung tâm điểm là điểm ở giữa của hình cong loại nằm khoanh bên trong.

Trong hình cong «vòng cung» thường không có trung-tâm điểm, trừ ra một vài trường hợp.

Trong những hình cong mở ra phía trái hay phía phải thì trung tâm điểm nằm ở trong đường cong trong cùng. Nếu có một hay hai đường thẳng ở giữa đường cong trong cùng thì trung tâm điểm nằm trên chóp

đường thẳng ấy nếu có một đường thẳng. Nếu có hai đường thẳng thì trung tâm điểm nằm giữa trên đầu hai đường thẳng ; nếu có ba đường thẳng thì trung tâm điểm nằm trên chóp đường thẳng ở giữa . . . .

Trong những hình cong vòng tròn thì trung-tâm-điểm nằm giữa vòng tròn trong cùng.

Trung-tâm-điểm

Trong hình khoanh chôn ốc thì trung-tâm-điểm nằm ở đầu đường bắt đầu khoanh chôn ốc.

Khi có hai hình cong trong một hình vẽ loại nằm khoanh bên trong thì dấu tay ấy có hai trung-tâm-điểm. Nếu có nhiều hình cong thì có nhiều trung-tâm-điểm.

Hình tam giác. — Hình tam giác, nằm ở giữa loại hình nằm khoanh bên trong, loại hình cong vành ngoài và loại nằm ngang (trường hợp dấu tay chỉ có một hình tam giác).

Hình tam giác có nhiều đặc điểm khác nhau : hình ba góc, hình chữ Y (mà ba gạch không chấm nhau), hình chữ Y, hình tam giác mà ba góc không chạm nhau, hình tam giác như ba dấu chữ V gặp nhau, hình tam giác có điểm ở giữa, hình tam giác thừa nét hay thiếu nét v.v...

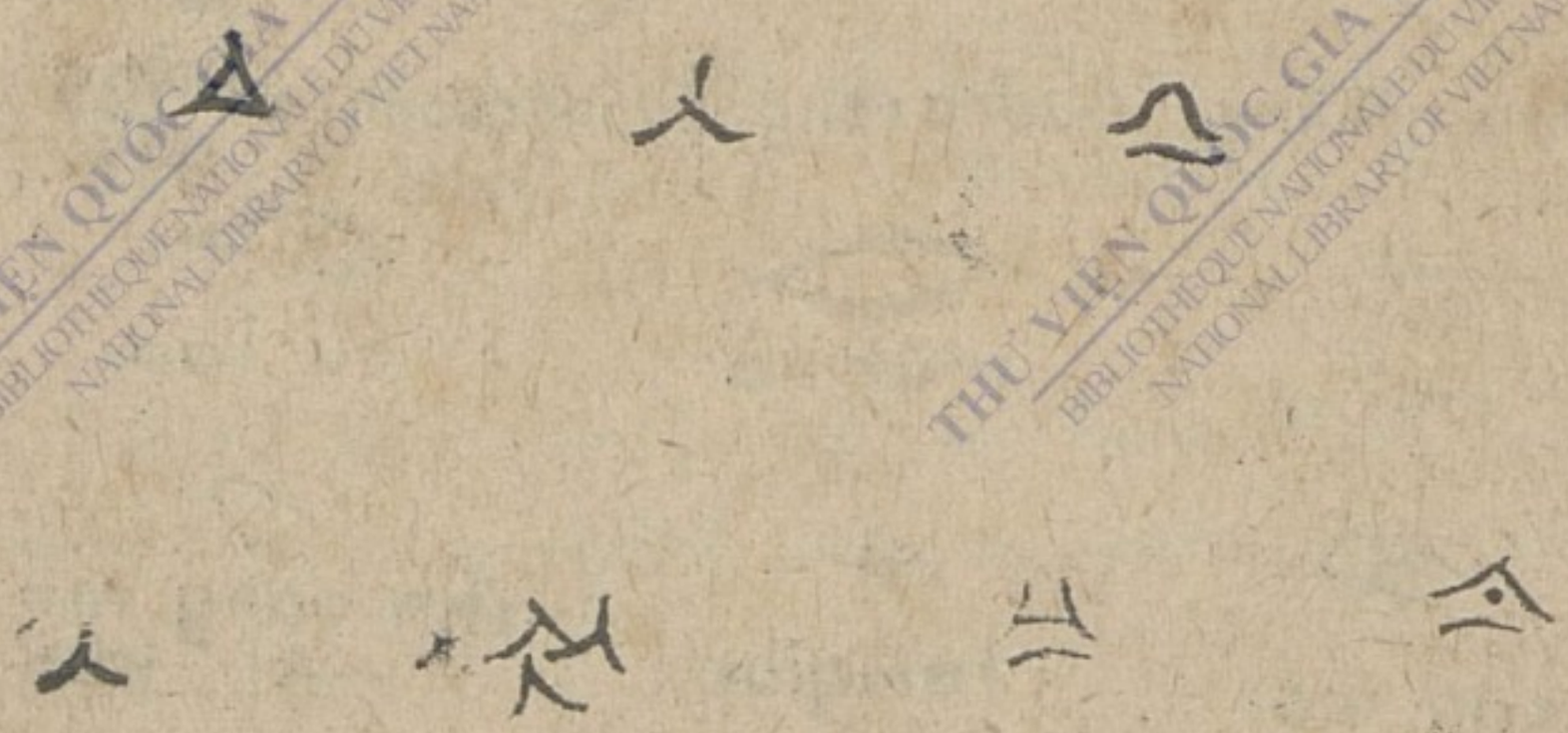

Tính cách đại-yếu của đường vẽ dấu tay. — Nhờ những tính cách đại-yếu của đường vẽ dấu tay mà không có dấu tay của người nào có thể giống người nào được mà cũng nhờ đó mà ta có thể truy tầm kẻ phạm tội một cách chắc chắn «đúng» nếu ta có dấu tay để làm dẫn chứng.

Những tính cách đại-yếu ấy là :

Đường thẳng (Trực-tuyến)

Đường cong (Khúc-tuyến)

Đường quanh co, đường gãy (Chiếc-tuyến) đoạn đường ngắn nối nhau, đường gián đoạn, chấm, mặt hồ, cù-lao, đường rẽ làm đôi, đường rẽ làm nhiều, đường nhánh, câu-móc, tam giác, hình cong mở ra một bên, vòng tròn.

Mỗi dấu tay có rất nhiều tính cách đại-yếu như trên, trong mỗi dấu tay ta có thể tìm ra trên một trăm tính cách đại-yếu của dấu tay ; thoạt trông thấy trưởng rằng giống nhau nhưng sự thật không khi nào hai dấu tay cùng có một tính cách đại-yếu giống và cùng nằm một vị trí.

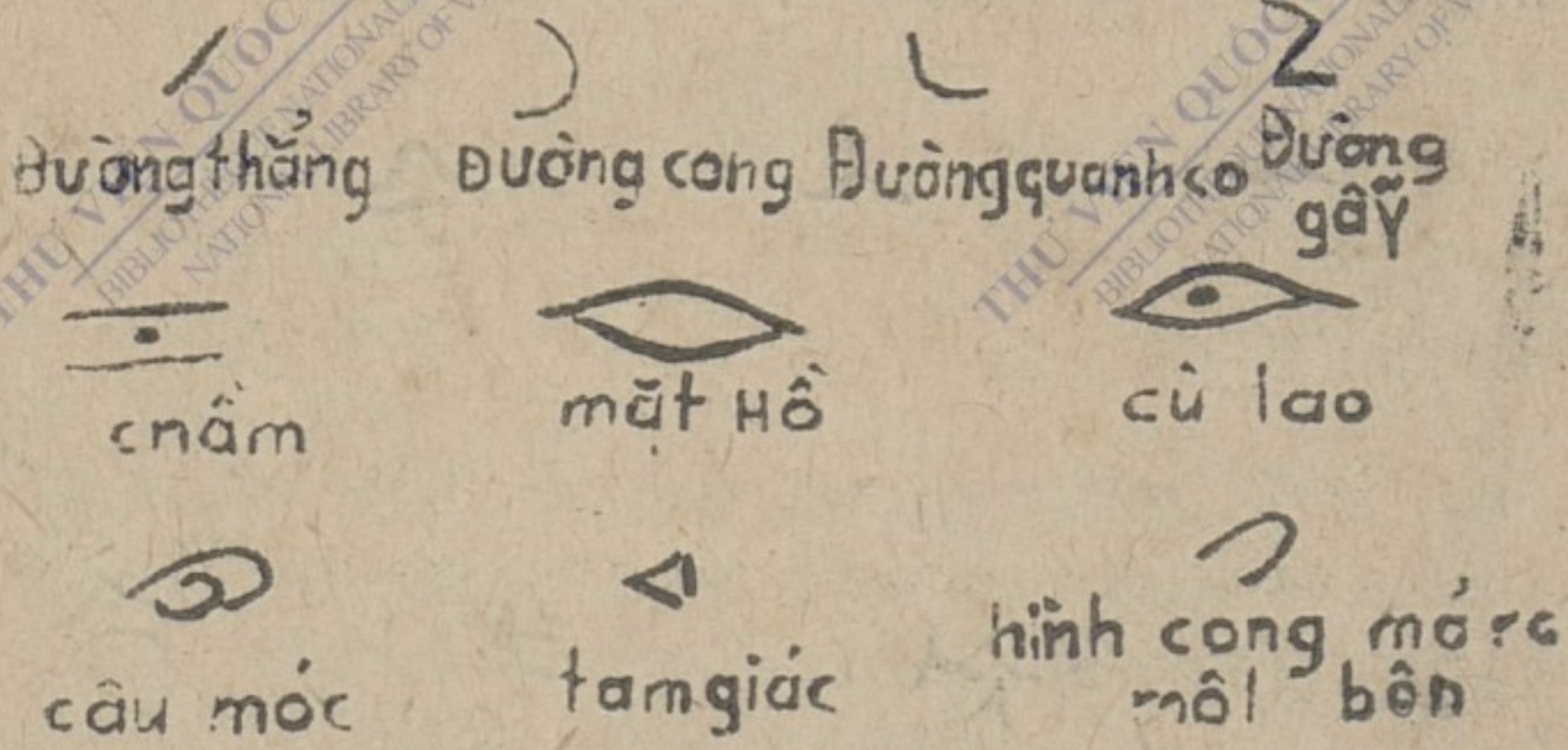

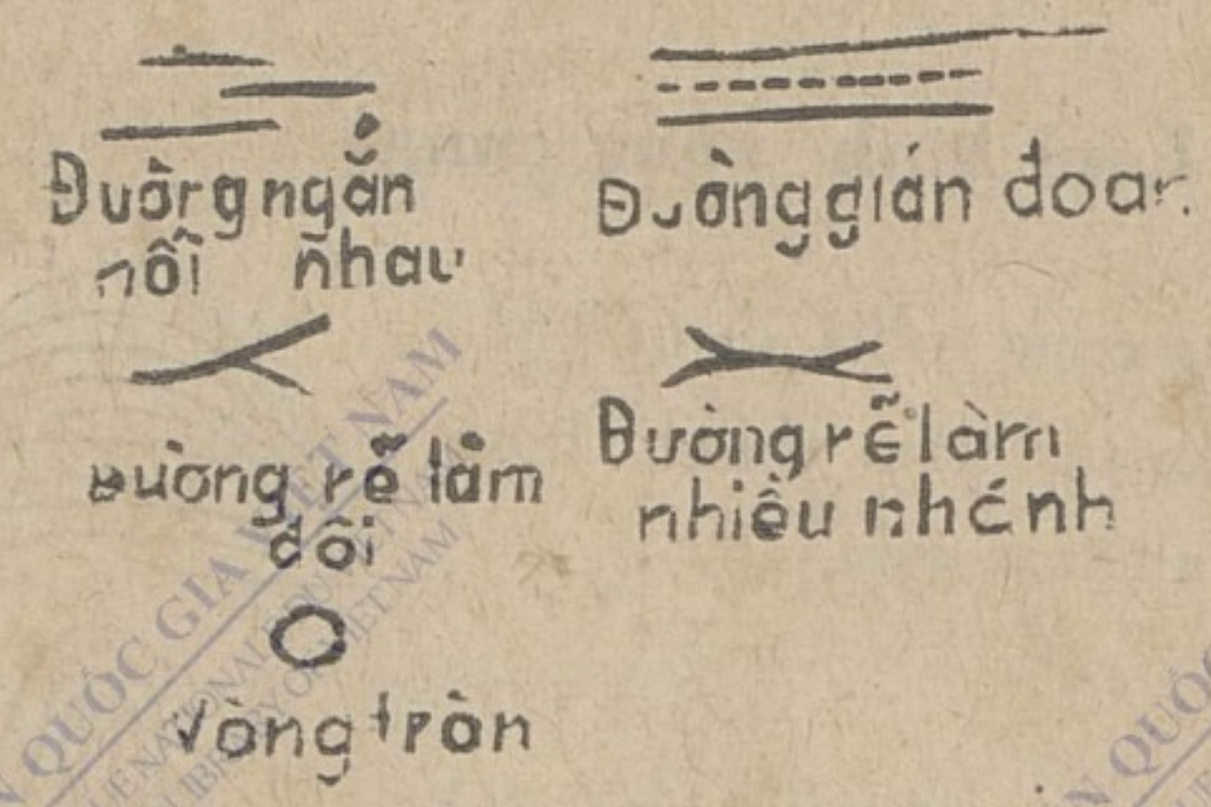

Phương pháp phân loại dấu tay. — Mỗi một nước đều có một phương pháp phân loại dấu tay tùy theo sự nghiên-cứu cách thức nhận biết người bằng dấu tay, mỗi phương pháp đều có sự lợi và sự hại của nó. Hiện nay có độ ba mươi phương pháp được công dụng trong các châu thành lớn của thế giới.

Phương pháp dưới đây là phương pháp của sở lục hình Ba-Lê đã nghiên cứu ròng rã trong 15 năm với số 20.000.000 người ở thành phố Ba-Lê trong thời kỳ ấy (độ 600.000 dấu tay).

Với phương pháp này sở lục hình Ba-Lê có thể tìm một cái dấu tay trong trên vài triệu chiếc thẻ dấu tay trong sở lục-hình, trong chốc-lát.

Trong số dấu tay của sở lục-hình Ba-Lê thu thập được chia làm năm nhóm, có hai mươi mốt hình thức khác nhau :

Nhóm I (Loại hình vòng cung)

A .— Đường cong phía dưới của mỗi đốt chót ngón tay làm thành hình cong ; không có hình tam giác.

B .— Đường cao vút lên như quả núi ; có hình tam giác.

C .— Một đường cong độc-nhất mở ra bên trái, một hình tam-giác nằm bên phải phía dưới.

D .— Một đường cong độc nhất mở ra bên phải một hình tam-giác nằm bên trái phía dưới.

Nhóm II (Loại đường cong mở ra bên trái)

E .— Một nhóm đường cong mở ra bên trái (ít nhất là hai đường) một hình tam-giác bên phải, phía dưới các đường cong.

F .— Một nhóm đường cong mở ra bên trái (ít nhất hai đường) nhưng những đường cong này « phình » ra ; một hình tam-giác bên phải phía dưới.

G. — Một nhóm đường cong mở ra bên trái (ít nhất hai đường) nhưng những đường cong này « eo » ở phía dưới; một hình tam giác bên phải.

H. — Hai nhóm đường cong mở ra bên trái; một hình tam giác nằm bên phải và một hình tam giác nằm ở giữa, dưới những nhóm đường cong ấy.

Nhóm III (Loại đường cong mở ra bên phải)

I — Một nhóm đường cong mở ra bên phải (ít nhất hai đường) một hình tam-giác bên phải, phía dưới các đường cong.

J. — Một nhóm đường cong mở ra bên phải (ít nhất là hai đường) nhưng những đường cong này «phình» ra; một hình tam-giác bên trái phía dưới.

K. — Một nhóm đường cong mở ra bên phải (ít nhất hai đường) nhưng những đường cong này « eo » ở phía dưới; một hình tam giác bên trái.

L. — Hai nhóm đường cong mở ra bên phải; một hình tam giác nằm bên trái và một hình tam giác nằm ở giữa dưới những nhóm đường cong ấy.

Nhóm IV (Loại hình khoanh đơn)

M. — Chính giữa một đường xoáy chôn ốc theo lối « quay » của kim đồng hồ; có hai hình tam giác một bên trái, một bên phải.

N. — Chính giữa một đường xoáy chôn ốc theo « ngược » lối « quay » của kim đồng đồ; có hai hình tam giác, một bên trái một bên phải.

O. — Chính giữa những đường hình « vòng tròn » quanh một trung-tâm-điểm (ít nhất có hai vòng), hai hình tam giác, một bên trái, một bên phải.

P. — Chính giữa những đường « vòng hình bầu dục » quanh một trung-tâm-điểm (ít nhất có hai vòng), hai hình tam-giác một bên trái, một bên phải.

Q. — Chính giữa những đường « vòng theo lá cây » hai hình tam-giác, một bên trái, một bên phải.

R. — Chính giữa những đường « vòng theo hình hạt đỗ » hai hình tam giác, một bên trái, một bên phải.

Nhóm V. (Loại hình khoanh kép).

S. — Chính giữa những đường cong theo hình chữ S bao bọc chung quanh hai trung-tâm-điểm; hai hình tam-giá, một bên trái, một bên phải.

T. — Chính giữa những đường cong hình chữ Z bao bọc chung quanh hai trung-tâm-điểm hai hình tam-giác, một bên trái, một bên phải.

U. — Chính giữa những đường cong «theo hình cái bị» có ba hình tam giác, một bên trái, một ở giữa, một bên phải.

Ngoài ra còn có những dấu tay cực hạn (dấu đặc biệt ít trông thấy) không thuộc trong năm nhóm này (xin xem trong cuốn khoa-học Cảnh-sát thực hành sắp xuất bản).

Những dấu tay cực-hạn. — Là những dấu tay thoạt mới trông thấy, tưởng có thể sắp vào một nhóm nào trong năm nhóm kiểu-mẫu, nhưng khi nhìn kỹ thì, không thể sắp vào được, vì thiếu những chi-tiết đặc điểm. Những dấu tay này được lập thành những nhóm khác và cách phân loại cũng căn cứ vào những đặc-điểm giống nhau. Những nhóm này người ta gọi là những nhóm tay cực-hạn và gồm có năm nhóm tất cả. Ngoài ra còn có một nhóm riêng để dành cho những dấu tay, méo mó, hư hỏng, hoặc những ngón tay kép, những ngón tay bị cứng khớp xương v.v...

Thể thức của dấu tay. — Muốn lập thành một tủ thẻ cần phải biết cách lập một thể thức cho mười dấu ngón tay

của một người. Đây là cách lập thể thức của sở lụ hình Ba-Lê :

Bàn tay trái kể từ ngón út, áp út, giữa, trỏ, cái viết tắt : U — A — G — T — C.

Bàn tay phải kể từ ngón cái, trỏ, giữa, áp út, út viết tắt : C — T — G — A — U.

Ví dụ (bàn tay trái) dấu tay của ngón út thuộc về nhóm một ; ngón tay áp út thuộc về nhóm hai ; ngón tay giữa cũng thuộc về nhóm hai ; ngón tay trỏ thuộc về nhóm một ; ngón tay cái thuộc về nhóm hai, như vậy ta đã có một thể thức của dấu tay về tay trái : 1 — 2 — 2 — 1 — 2 :

— (bàn tay phải) dấu tay ngón cái thuộc về nhóm hai, ngón trỏ thuộc về nhóm một ; ngón giữa nhóm hai ; ngó áp út nhóm ba ; ngón út nhóm hai ; như vậy ta đã c một thể-thức : 2 — 1 — 2 — 3 — 2 ;

Nghĩa là dấu tay của ta thuộc về thể-thức 12212 — 21232 .

Lẽ tất nhiên mỗi thể thức dấu tay đều ở trong phạ vi : 11111 — 55555 tức là ở trong năm nhóm mà thô Sự kết hợp của năm nhóm dấu tay ấy đã cho ta một co số là : 9.765.625 thể-thức khác nhau. Đó là chưa kể co số của những nhóm tay cực-hạn và nhóm tay khác thườn nữa. Tuy vậy, chưa có khi nào sở lục hình Ba-Lê d dùng hết tất cả thể-thức.

Người ta thường hay gặp những thể-thức 22222 — 33333 và ít khi gặp được thể-thức 55555 — 55555 ha 11111 — 11111. Đó là thể-thức dấu tay của một ngư (tức là mười đầu tay).

Cách phân chia các thể-thức. — Sau khi đã phân chia thẻ dấu tay của mỗi người ra từng thể thức giống nhau rồi. Người ta lại đếm từng thể thức giống nhau ra phân chia một lần nữa bằng cách đếm dấu số đường trong dấu một ngón tay.

Ví dụ : trong tủ ta có 300 cái thẻ theo thể-thức 33333 — 22222 và ta muốn phân chia lại những thẻ này một lần nữa cho sự « tìm kiếm » thẻ được dễ dàng thì ta đếm số đường trong ngón tay cái của bàn tay phải ra để làm căn bản cho sự phân chia. Ví dụ : trong 300 thẻ của thể thức 33333 — 22222 có 100 thẻ có 16 đường trong dấu ngón tay cái ; 100 thẻ có 10 đường trong dấu ngón tay cái ; và 100 thẻ có 8 đường trong dấu ngón tay cái.

Nếu ta cho con số 100 vẫn còn nhiều, chưa được tiện cho sự tìm kiếm, thì ta còn có thể phân chia 100 thẻ ấy ra một lần nữa bằng cách đếm đường ở ngón tay trỏ.

Ví dụ trong 100 cái thẻ theo thể-thức 33333 — 22222, 16 đường trong dấu ngón cái ; có : 20 thẻ mà ngón trỏ có 12 đường ; 20 thẻ ngón trỏ có 10 đường ; 20 thẻ ngón trỏ có 8 đường ; 20 thẻ ngón trỏ có 6 đường và 20 thẻ ngón trỏ có 4 đường.

Và nếu con số 20, ta vẫn cho là còn nhiều thì ta còn có thể-phân chia lại một lần nữa bằng cách đếm đường ở dấu tay ngón giữa ; ví dụ : trong 20 thẻ theo thể-thức 33333 — 22222 có 16 đường trong dấu ngón cái và 12 đường trong dấu ngón trỏ ; có : 5 thẻ mà ngón giữa có 8 đường ; 5 thẻ mà ngón giữa có 6 đường ; 5 thẻ ngón giữa có 5 đường ; 5 thẻ ngón giữa có 4 đường...

Đó là cách phân chia những thể-thức thành những nhóm phụ thuộc.

Phương pháp đếm số đường của dấu tay. — Chiếu thẳng từ trung-tâm-điểm của dấu tay ra đến hình tam giác của dấu tay mà đếm số đường (tức là gai chỉ dấu tay).

Cách đếm đường chỉ tay

Cách lấy dấu tay hay là lăn tay. — Lăn một ngón tay có tẩm mực vào giấy không phải là một sự dễ dàng. Cần phải có sự quen tay và phải tập dượt trước. Cách lấy dấu tay có những điểm cần thiết như sau :

— Ngón tay cần phải sạch, khô.
— Mực phớt qua rất mỏng và đều.
— Không được ấn mạnh ngón tay xuống quá.
— Lăn ngón tay cho đều và chỉ lăn một lần thôi (không được lấy gân, ngón tay phải mềm và tự nhiên).
— Giấy dùng lấy dấu tay phải để trên mặt bàn thẳng và lì.

Những dụng cụ dùng để lấy dấu tay gồm có :

1 tấm thiết để trải mực.
1 tấm thiết để lót dưới giấy in.
1 ống trục bằng cao-su để lăn trải mực ra cho đều.
1 ống mực đặc-biệt để lăn tay.

Xác-định sự đồng nhất của hai dấu tay. — Xác-định sự đồng nhất của hai dấu tay là cách chỉ-rõ những sự phù

hợp của hai dấu tay với những điểm như sau :

1. — Hình dáng bao quát của dấu tay.
2. — Số đường của dấu tay.
3. — Những tính cách đại yếu của dấu tay (cùng một đặc-điểm và cùng một vị trí.)

Sự đồng nhất của hai dấu tay chỉ đúng khi nào hai dấu tay giống nhau về hình dáng bao quát (thuộc nhóm nào...) đồng số đường (gai chỉ dấu tay) đồng có những tính cách đại yếu và những tính cách đại yếu phải nằm cùng một vị trí và cùng một đặc điểm giống nhau. (Ít nhất phải tìm ra trên 14 tính cách đại-yếu như thế). Giáo sư Balthazard chứng nhận rằng : Muốn tìm hai dấu tay không giống nhau mà có 14 tính cách đại yếu giống nhau thì cần phải so sánh 248.435.456 dấu tay mới tìm thấy được.

Chắp nối lại dấu tay.— Dấu tay của hung thủ tìm thấy ra ở nơi xảy ra án mạng, thường không được hoàn-hảo rõ ràng. Hoặc chỉ rõ một nửa, một góc, hoặc tý dấu ngón tay hay khoảng giữa v. v... Trong trường hợp này nhà điều tra cần phải chắp nối lại dấu tay ; hoặc là bằng những mảnh dấu tay lượm lặt được ; hoặc là đem mảnh dấu tay tìm được để chắp nối và so sánh với dấu tay của kẻ tình nghi (xin xem những chi tiết ở cuốn khoa-học cảnh-sát thực-hành)

Cứu nghiệm bằng những lỗ mồ hôi.— Nếu mảnh dấu tay tìm được nhỏ quá, nhà điều tra có thể đem cứu-nghiệm lỗ mồ hôi ở đường chỉ dấu tay của người tình nghi. Cách cứu nghiệm này có 3 điểm cốt yếu :

— Hình dáng của lỗ.
— Kích tấc của lỗ.
— Cách nằm trên đường chỉ dấu tay.

Dấu tay thuộc về tay nào. — Sự nhìn nhận này không thể có một thể thức nhất định được. Dưới đây là vài điểm nhận xét của một vài nhà chuyên môn danh tiếng :

1 — Trong loại « đường vòng cung » thì những nét cong hạ thấp xuống phía trái ở bàn tay mặt ; những nét cong hạ thấp xuống phía mặt ở bàn tay trái.

2 — Trong loại đường cong, những nét cong mở ra bên trái ở bàn tay trái, những nét cong mở ra bên phải ở bàn tay phải (trừ ngón trỏ).

3 — Trong loại hình khoanh đơn, những đường xoáy chôn ốc theo chiều kim đồng hồ quay thì ở đầu ngón tay trái ; nếu đường xoáy « ngược » chiều kim đồng hồ quay thì ở đầu ngón tay phải (trừ ngón trỏ).

4 — Trong loại hình khoanh kép ; những nét giống chữ S ở trong dấu các ngón tay trái hay là trong ngón trỏ của tay mặt ; những nét giống chữ Z ở trong dấu các ngón tay phải hay là ngón trỏ của bàn tay trái.

5 — Những dấu tay của ngón cái thì bề ngang to lớn và những dấu tay của ngón út thì bề ngang nhỏ hơn những ngón thường.

Khi có nhiều dấu tay ở cạnh nhau thì sự nhìn nhận phân biệt phải trái dễ dàng hơn.

TÀI-PHÁN PHÁP Y-KHOA.

Tài-Phán pháp Y-Khoa là cách áp dụng sự hiểu biết y-khoa để xác định tình trạng của vụ án trong phạm vi y-khoa.

Dưới đây là những điểm quan trọng của khoa-học cảnh-sát liên quan đến y-khoa.

Những dấu hiệu của sự chết. — Ở thi thể sác chết có nhiều dấu hiệu cho ta biết vì sao mà chết.

1 — Chết vì bộ máy thần kinh ngừng hoạt động (mất hết cảm-giác, bộ dạng kinh-hoàng của người chết)

2 — Chết vì bộ máy tuần hoàn ngừng hoạt động (môi khô, ở cổ nổi ngấn v.v...)

3 — Chết vì bộ máy hô hấp ngừng hoạt động (người cứng chân tay còng queo).

Lúc chết « ngày giờ nào ». — Do sự phình thối của sác chết mà người ta sác định được (mùa hè một ngày, mùa đông tám ngày, tùy trường hợp sác chết nằm ở đâu (dưới nước, trên khô. . . .) Nói tóm lại người ta có thể sác định được chắc chắn khi chết không qua 48 tiếng đồng hồ. Đó là do khám nghiệm hoặc xem nhiệt-độ ở trong lỗ đít nạn nhân ; hoặc quan sát màu xanh xám của da mặt, sự mềm cứng của sác chết và dấu xanh ở da bụng dưới là dấu hiệu sự phình thối bắt đầu.

Chết ngay. — Do não cân, do tim, do guồng máy hô hấp, máy tiêu hóa, do thận, do bên trong các cơ quan bị hỏng mà gây nên.

Cái chết ghê gớm. — Do những vết thương ở ngoài gây nên.

Vết thương. — Do những vết thương, Bác sĩ hình pháp y-khoa có thể xác định được vết thương cố sát hay ngộ sát hay vết thương có thể tha thứ cho kẻ phạm tội và do những vết thương mà người ta có thể xác định ra khí giới của thủ phạm.

Những vết thương bầm tím, trầy da và khí giới gây ra những vết thương ấy. — Những vết thương này bị đỏ lúc đầu ; đen lại ngày thứ hai, ngày thứ ba ; xanh từ ngày thứ ba đến thứ sáu ; xanh nhạt từ ngày thứ bảy đến ngày thứ mười hai và vàng nhạt từ ngày thứ mười hai đến ngày thứ hai mươi ; qua ngày thứ hai mươi thì vết bầm không còn nữa.

Vết thương bầm tím có thể làm người chết rất nhanh. — Người chết về vết thương này thường có trạng thái :

Da mặt tái giá lạnh, mồ hôi đổ, bắp thịt không hoạt động được, thở đứt hơi, mạch nhảy nhẹ.

Vết thương do khí giới nhọn, sắc, bén. — Vết thương do mũi nhọn đâm vào thì nhỏ và sâu, vết thương do dao chém thì giài, vết thương cào cấu thì nông.

Những vết thương do đạn súng ngắn gây nên. — Nếu tầm súng ngắn, sức đạn đi mạnh và nhanh vào thẳng người, trúng chỗ chỉ có da và xương thì vết thương chỉ có một lỗ tròn. Nếu viên đạn vào xiên thì chỗ đạn vào dù xương dù thịt cũng bị rách toét ra. Nếu đạn vào chỗ mềm như bụng và đường đạn đi thẳng thì vết thương rất nhỏ.

Tầm súng gần thì chung quanh vết thương có dấu đen của thuốc súng bám vào. Dấu đen ấy chỉ có khi tầm súng cách xa không quá 50 phân. Người ta phân chất thuốc súng ở dấu đen để phân biệt được chất thuốc súng gì.

Người ta nhận thấy: (với súng Brownings 7-65) vết thuốc súng rộng 6 phân đường kính, vết thương rộng 3 ly 2 thì tầm súng cách 5 phân.

Vết thuốc súng rộng 6 phân 8, vết thương rộng 5 ly thì tầm súng cách 10 phân.

Vết thuốc súng rộng 8 phân, vết thương rộng 5 ly thì tầm súng cách 20 phân.

Vết thuốc súng rải rắc rộng 15 phân thì tầm súng cách 30 phân. Cách 50 phân trở lên thì không có dấu thuốc súng.

Vết thương khi đạn ra khỏi người. — Thường vết thương rộng lớn hơn khi đạn vào và da thì bị rách, nhờ đường đạn đi trong người, nhờ vết thương đạn ra mà người ta biết hung thủ đứng ở hướng nào xa hay gần bắn lại.

Những vết thương khi nào cũng được chú ý quan-trọng để nghiên cứu. Nhiều khi tìm trong vết thương có mẩu gỗ con, mảnh sơn, mẩu giấy làm cho người ta biết đạn phải đi qua một lần giấy, gỗ v. v... mới vào người nạn nhân.

Cắt cổ. — Vết thương do những con dao sắc bén, những vết thương này phần nhiều là bị giết hơn là tự tử. Vết thương của người tự tử bao giờ cũng ở từ trái sang phải và hơi lệch lên.

Mất máu. — Vết thương ở mạch máu làm máu ra nhiều mà chết.

Bị lộn nhào. — Thường ở trên cao hỗng chân lộn xuống đất. Trạng thái của tử thi và vấn-đề tâm-lý xác định bị giết hay tự vận.

Chết đuối. — Nước vào đầy phổi mà chết. Người ta có thể phân biệt được bị giết hay tử tử, nhờ những dấu vết thương-tích ở trong và ngoài người nạn nhân.

Người ta theo dấu hiệu dưới đây để định ngày giờ của sự chết : da tay trắng nhợt, thân thể lạnh, nổi da gà. Da tay trắng nhợt chết từ 5 đến 8 giờ về mùa hạ và từ 3 đến 5 ngày về mùa đông.

Da mình trắng tái, chết từ 24 giờ về mùa hạ và 15 đến 8 ngày về mùa đông.

Da dăn ở tay và chân, chết từ 4 ngày về mùa hạ và 15 ngày về mùa đông.

Da dăn và lũa, chết từ 10 ngày về mùa hạ và 20 ngày về mùa đông.

Chết treo. — Cần phải khám nghiệm tử thi một cách cẩn thận để tìm dấu vết ở trong và ở ngoài. Khám nghiệm nút thắt có thể xác định được cách nạn nhân đút đầu vào thòng lọng dây.

Chẹt cổ. — Do tay hoặc dây, chết bằng chẹt cổ là do bị giết.

Thuốc độc. — Khám-nghiệm tất cả các chai lọ, đồ-ăn, nước uống ; khám móng tay, quần áo của những người tình nghi. Tìm dấu tay ở các chai lọ, chén bát v. v... Lục soát các thơ từ giấy má v. v... Tất cả các thứ đều được đem về phòng thí nghiệm.

Nạn nhân thường hay có trạng thái nôn mửa, mình mẩy tím, bụng sưng to, cào cấu cổ họng, máu rỉ ra ở mũi, tai, miệng.

Hiếp dâm. — Trong những vụ án hiếp dâm, sự khám nghiệm có 6 điều quan trọng :

1·) — Tìm xét dấu vết xô xát.

2·) — Dấu hiệu bị hiếp dâm.

3·) — Bệnh truyền nhiễm, khám nghiệm « vi trùng »

4·) — Sức kháng cự của người đàn bà mạnh hay yếu.

5·) — Khám nghiệm lông và tinh-khí.

6·) — Tình trạng của người bị hiếp dâm.

Trục-thai — Có 4 điểm phải điều tra :

1·) — Trục thai tự nhiên hay hữu ý.

2·) — Trục thai vì tính mạng của người mẹ hay trục thai vì không thích đẻ con.

3·) — Thầy thuốc chịu trách nhiệm về việc cho thuốc trục thai.

4·) — Bằng cớ trục thai : uống thuốc. bị mêt, bị tai nạn ngã, bị đánh đau v. v... (các dấu vết của thứ thuốc, của vết thương v. v....)

Thầy thuốc khám nghiệm người mẹ có thể biết trục thai bằng cách gì ?

KHÍ-GIỚI VÀ CHẤT NỔ

Những khí giới tìm thấy trong các vụ án, cần phải được khám nghiệm cẩn thận.

Trước hết quan sát xem có dấu tay trên báng súng hoặc nòng súng và nhất là trong chargeur đạn, nơi mà dấu tay thường còn nguyên vẹn. Cán dao, lưỡi dao, gậy v. v... đều có thể có dấu tay. Các dấu tay cần phải được làm nổi lên thành màu khác để chụp ảnh (vì khí giới cần phải giao cho bác sĩ khám nghiệm để so sánh với vết thương.)

Thường thường ít khi hung thủ để khí giới lại nơi xảy ra án mạng; vì vậy ta cần phải lục soát ở những nơi có thể dấu được như : hồ ao bên cạnh, giếng nước, chuồng tiêu v. v...(như ta đã nói ở phần trên có thể nhờ vết thương, vỏ đạn, hòn đạn, bột thuốc súng mà có thể xác định khí giới của hung thủ dùng bằng thứ gì.)

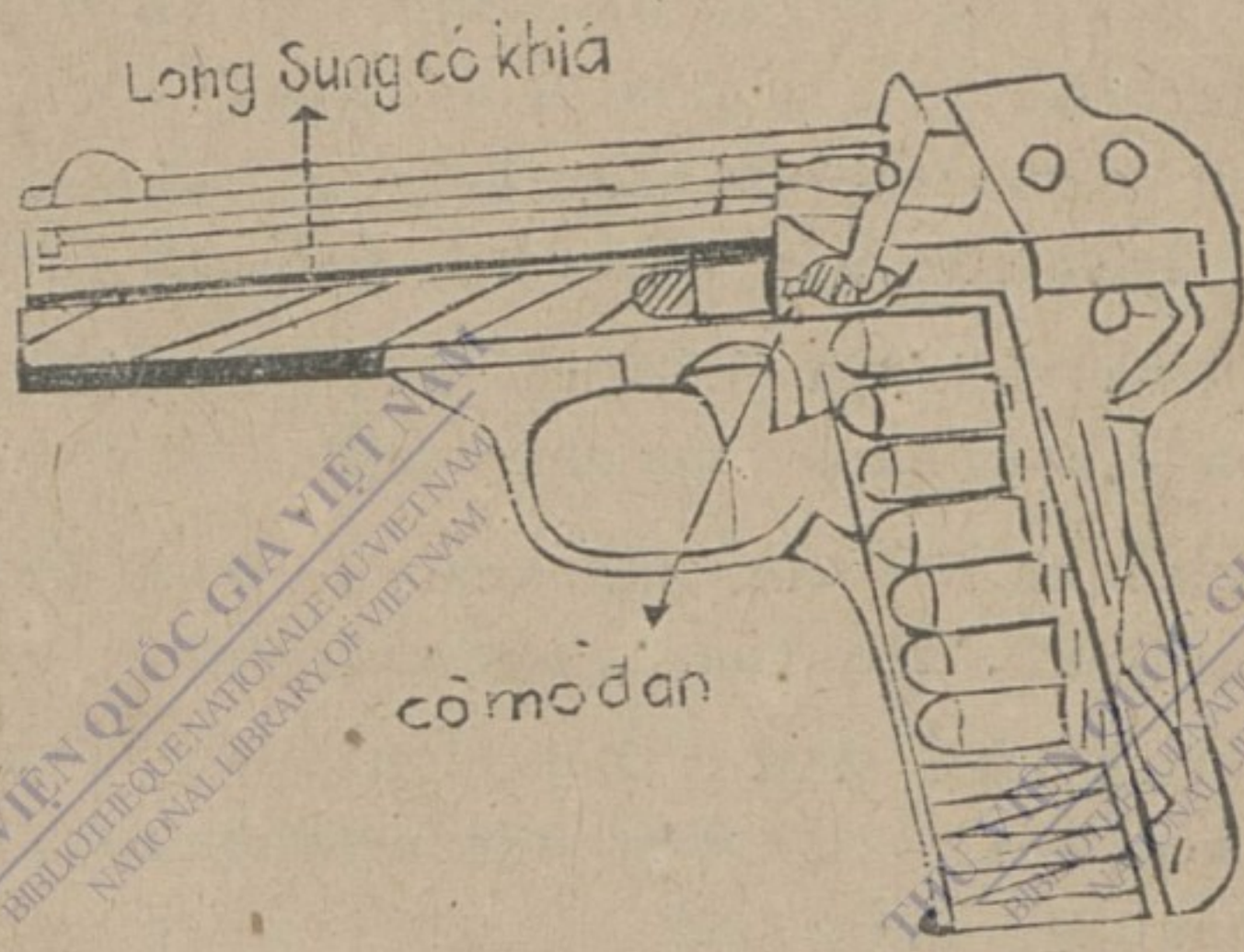

Cách phân tách viên đạn. — Có 5 điểm quan hệ :

1o. — Sức nặng của viên đạn.

2o. — Thuộc về nòng súng to hay nhỏ.

3o. — Hình thù của đạn.

4°. — Cách chế ra viên đạn.

5°. — Biến hình của viên đạn.

Sức nặng của viên đạn — Cân viên đạn lấy trong người nạn nhân và cân viên đạn của người bị tình nghi.

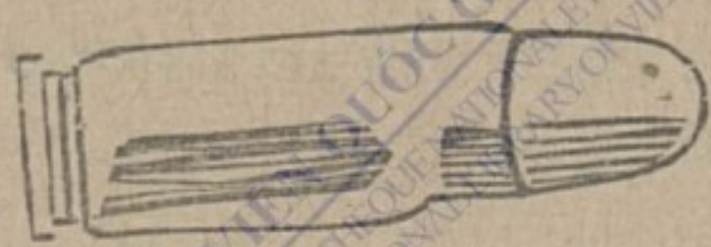

Mỗi viên đạn đã bỏ vào nòng súng thì khi nào cũng có dấu vết gây ra bởi nòng súng.

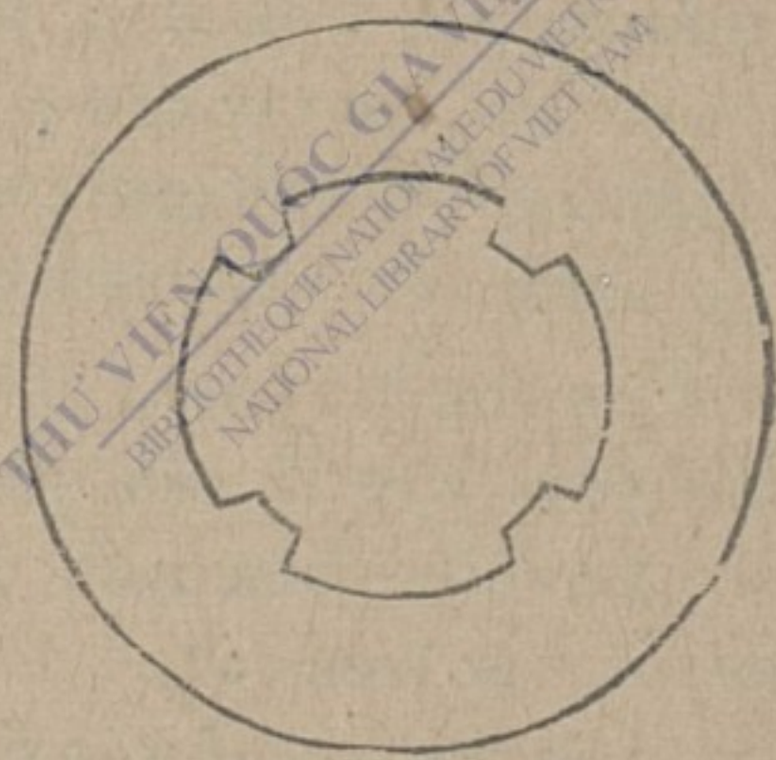

Lòng súng có khía.

Đo bề đường kính của viên đạn và nòng súng của kẻ bị tình nghi (xin nhớ viên đạn sau khi bắn ra khỏi nòng thì to hơn trước.) Đạn 5 hay 6 ly thì có thể to hơn 2/10 của ly. Đạn 9 ly và trên 9 ly thì to hơn 4 hay 5 / 10 của ly.

Hình thù : Đạn có thể hình tròn đầu nhọn, đầu bằng, hoặc tròn lư, hoặc nhọn hình chúp nón.

Cách chế ra : Phân chất xem có bao nhiêu chất chì, đồng, hợp kim.... Độ chảy (point de fusion)

Biến hình của đạn : Biến hình của đạn cho ta biết được súng hiệu gì, hoặc cho ta biết hai nạn nhân cùng một hung thủ giết hay hai hung thủ v. v...

— Sự biến hình chia ra 3 loại :

1° — Biến hình vì nòng súng.

2° — Biến hình vì gặp sức cản cứng.

3° — Biến hình vì đạn đi chệch một bên nòng súng.

1° — **Biến hình vì nòng súng.** — Viên đạn khi chui

qua nòng súng thì bị biến hình theo nòng súng. Nòng súng có khía thì viên đạn cũng biến thành có khía, nòng súng hơi méo một tý thì viên đạn cũng biến hơi méo một tý. Vì vậy sự xem xét viên đạn cẩn thận để nhận được ra súng đã bắn ra viên đạn ấy.

So sánh viên đạn ở người bạn nhân với viên đạn bắn thử ở súng người bị tình nghi (bắn thử vào bể nước sâu.)

2o. — **Biến hình vì gặp sức cản.** — Đạn biến hình nhiều khi thành ra méo mó, hoặc giẹp, hoặc có dấu vải (khi đạn vào người gặp áo quần).

3o. — **Biến hình vì đạn đi chệch nòng súng.** — Thường súng cối thì 6 viên đạn thế nào cũng có một viên bị chệch nòng một tý. Vì vậy đạn hay bị vết một tý ty. So sánh tý vết này trong lúc bắn thử súng của người bị tình nghi (mỗi cái súng mỗi cách chệch khác nhau.)

So sánh bằng cách đặt dưới mặt kính hiển vi, hoặc lăn viên đạn trên mẩu giấy bạc (bạc dát mỏng như giấy) theo đường thẳng góc 50o.

Vỏ đạn. — Vỏ đạn thấy ở nơi xảy ra vụ án cho ta biết chỗ đứng bắn của thủ phạm và những dấu vết trên vỏ đạn cho ta phân biệt và tìm ra súng của hung thủ dùng.

Dấu cò mổ trên dấu vỏ đạn. — Mỗi cái súng, dấu cò mổ trên dấu vỏ đạn một cách khác nhau : có dấu sâu, đứng giữa, có dấu cạn hơi chệch một bên, có dấu sâu nhọn vào, hoặc không nhọn v. v...

Vì vậy ta bắn thử súng của người bị tình nghi và đem so sánh dấu cò mổ ở dấu vỏ đạn sẽ nhận thấy và phân biệt được rõ ràng dưới mặt kính hiển vi.

Dấu mỏ trục vỏ đạn ra ngoài nòng súng. — Trên đầu vỏ đạn một bên cạnh thường khi nào cũng có dấu mỏ trục vỏ đạn ra ngoài nòng súng. So sánh dấu này dưới kính hiển vi

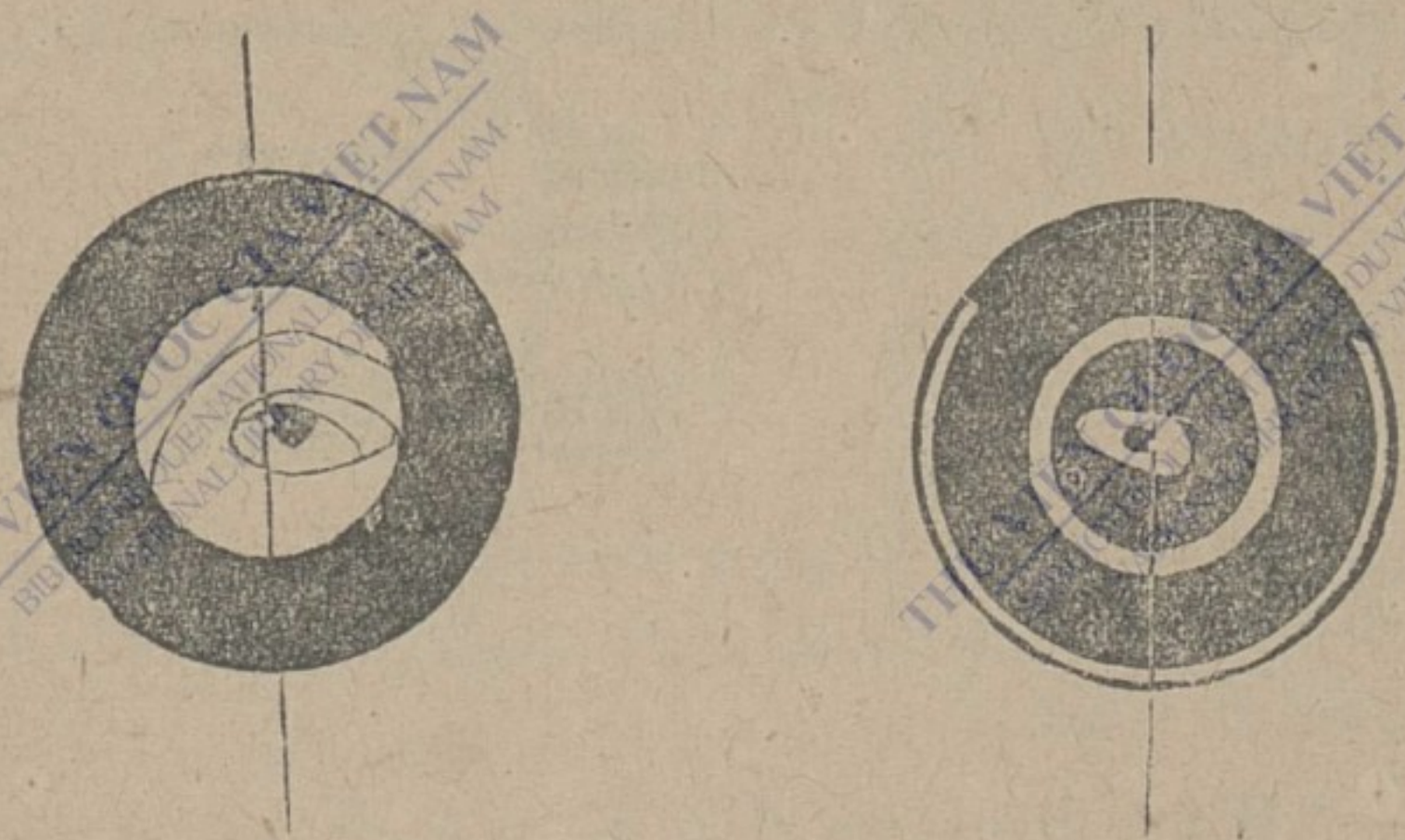

Hai dấu cò mổ cùng một thứ súng

hoặc lấy khuôn bằng sáp rồi đổ Plâtre để lấy khuôn lại và đem so sánh.

Dấu thân vỏ đạn. — Vỏ đạn vào nòng và khi rơi ra ngoài nòng đều bị sự cọ xát mà có dấu vết. Quan sát cẩn thận dưới kính hiển-vi ta sẽ so sánh và phân biệt rõ ràng hai cái vỏ đạn cùng bắn một cái súng thì dấu cọ xát ấy giống rất đúng nhau.

Dấu hiệu của vỏ đạn. — Dấu của hãng nào làm cũng có chua dấu hiệu rất nhỏ ngoài vỏ đạn.

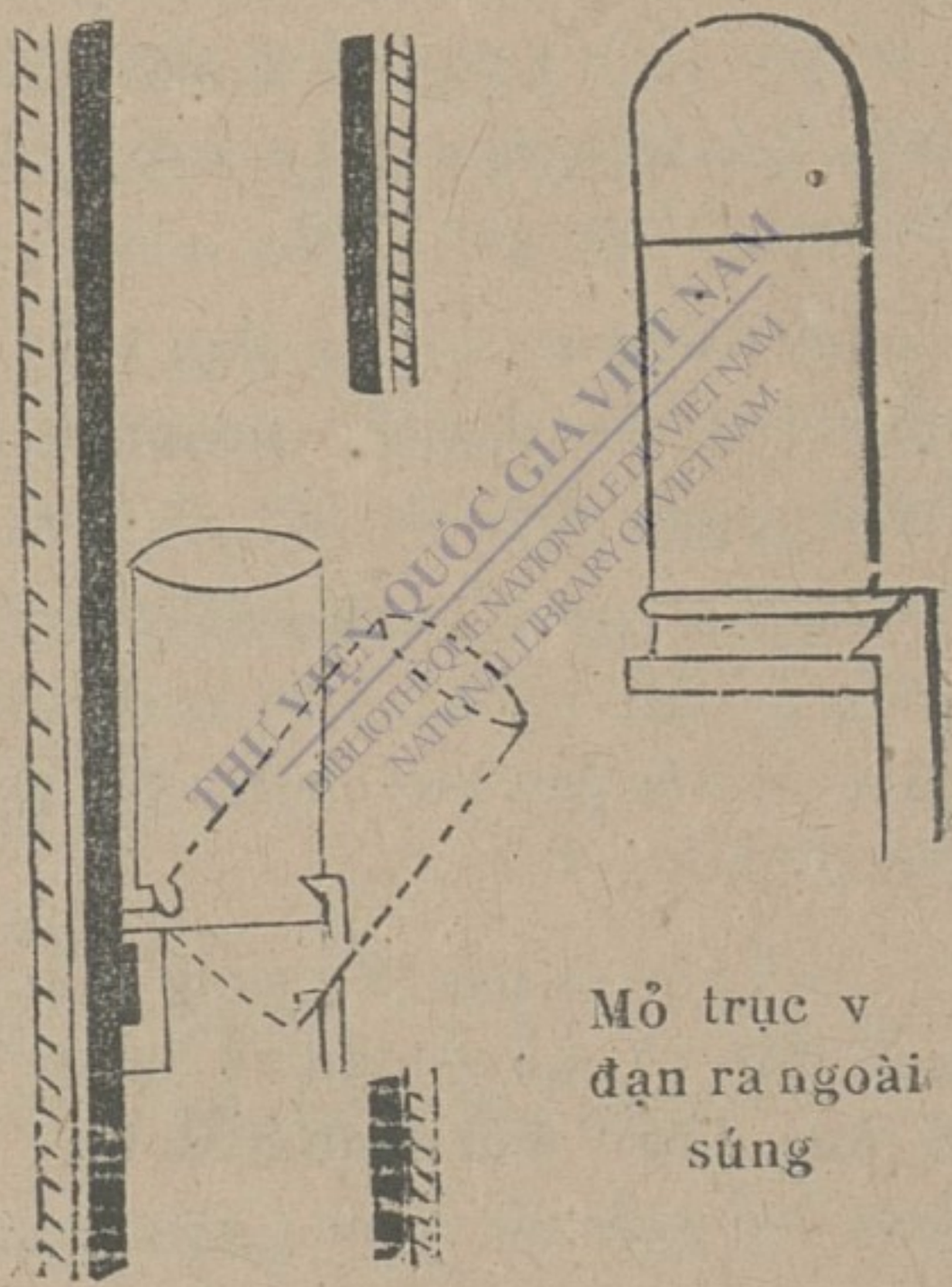

Mỏ trục v đạn ra ngoài súng

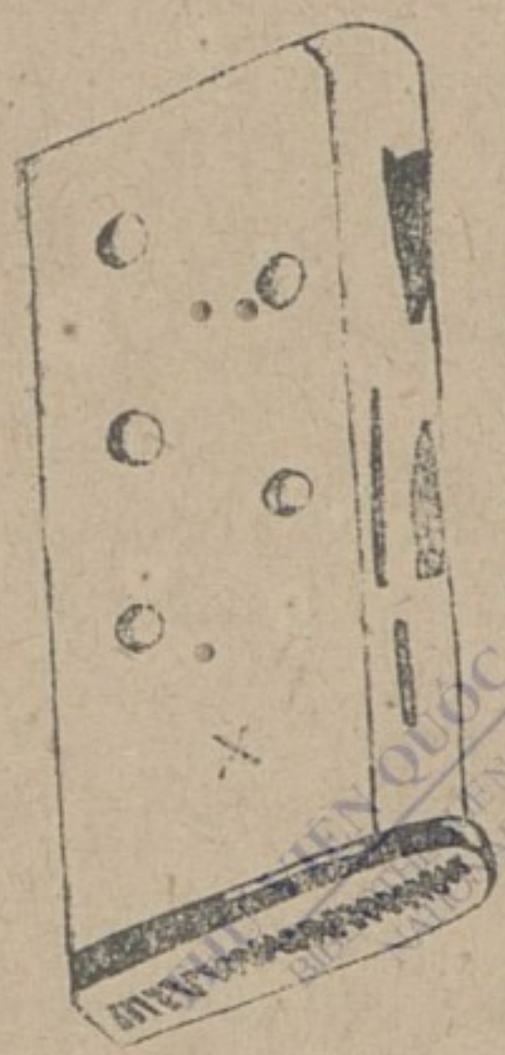

Dấu × ở hình vẽ là nơi hay thấy dấu tay

Dấu ở chargeur đạn. — Nhiều khi hung-thủ dùng hết đạn hay vứt chargeur súng ở chỗ xảy ra án mạng, hoặc vô ý để rơi chargeur còn đạn. Ở chargeur khi nào cũng có dấu cọ xát do sự đun vào và khi rút ra. Dấu cọ xát ấy mỗi súng mỗi khác nhau. Ở chargeur thế nào cũng tìm được dấu tay. Những dấu tay ấy không chắc là của thủ phạm vì nhiều khi dấu tay của người bắn súng hoặc của một người khác nhưng dù sao dấu tay cũng rất ích lợi cho ta dù là dấu tay của một người khác.

Giấy lót trong vỏ đạn

Giấy lót trong vỏ đạn. — Giấy hoặc bằng nút điền lót trên lớp thuốc súng. Giấy này cho ta biế nòng súng to hay nhỏ, nhãn hiệu gì, do tự tay hung thủ làm hay mua ở cửa hiệu v.v...

Dấu đạn để lại trên tường, trên mặt gỗ, trên kính nhiều khi báo cho ta biết một dấu hiệu có ích : như biết được đích xác chỗ đứng bắn của hung thủ. Vì sao hung thủ phải bắn phát súng ấy v.v...

Dấu gỉ ở nòng súng. — Nhìn nòng súng ta có thể phân chất để biết được súng đã bắn phát cuối cùng trong ngày nào và giờ nào. Bột thuốc súng đã biến màu nòng súng từ lúc mới bắn cho đến khi trải qua thời gian lâu, mỗi giai đoạn mỗi khác.

Chất nổ. — Chất nổ có nhiều loại :

— Loại nổ khi chạm mạnh vào.

— Loại phải đốt ngòi.

— Loại nổ chậm.

— Loại nổ bằng điện.

— Loại nổ đúng giờ.

Phân chất thuốc súng, phân chất bộ phận trong quả nổ để biết rõ gốc ở đâu làm ra quả nổ.

Khi bắt gặp quả nổ, không được mó tay vào, cần phải báo cho nhà chuyên môn quân-sự về pháo binh biết để họ đến lấy và đem đi.

Khi thấy ngòi thuốc súng cháy thì phải dập tắt hoặc cắt ngòi đứt ngay.

Các vụ cháy. — Trừ những cớ cháy vì các tai nạn tự nhiên do điện-khí, hơi nổ, sấm sét, ta phải cần quan-sát xem ngọn lửa phát bắt đầu tự đâu và cần quan sát rất cẩn thận nơi bắt đầu ngọn lửa. Những dấu vết ở nơi đây sẽ cho ta những điều hữu ích như những thứ để làm mồi để đốt, nhiều khi hung thủ vứt gần nơi phát ngọn lửa. Trong những thứ ấy đều có dấu vết để ta truy tầm ra thủ phạm.

GIÁM-ĐỊNH CÁC THỨ CHỮ :

Có nhiều cách giả-mạo một bản tài-liệu bằng chữ viết : chữa, tẩy, viết thêm, viết giả-mạo lối chữ, cầm tay bắt viết, viết khác lối chữ của mình hàng ngày.

Nhà điều-tra cần phải biết tất cả các thứ giấy, thứ mực, cách pha chế ra thứ giấy và mực ấy. Hiểu biết cách làm mực bí mật và cách làm cho chữ viết bằng mực bí mật hiện lên v.v...

Giả mạo bằng cách tẩy cào đi. — Cách giả mạo này rất dễ nhận ra dù tẩy cào khéo đến đâu đi nữa, đưa tài liệu lên ánh sáng xem xét cẩn thận sẽ nhận thấy chỗ tẩy cào. Cũng có những kẻ khéo tay đã cho những chất giấy và hồ thế vào chỗ tẩy cào, mắt thường không thể nhìn rõ

được, hoặc đưa lên ánh sáng cũng không chắc nhận thấy. Vì vậy người ta có thể đo bề dày của giấy bằng thước đo nhỏ nhất (micromètre) những chỗ thường và những chỗ tình nghi, hoặc nhỏ một giọt An-tức-du (Benzine) vào gần chỗ tình nghi; vết loang của Benzine sẽ chạy vòng quanh nơi tẩy cào, hoặc chụp ảnh chỗ tình nghi và phóng đại lớn ra thì sẽ nhận thấy dễ dàng hơn.

Nếu tài-liệu ấy để trong phong bì, hoặc giữa hai tờ giấy trắng thì tất cả bản tài-liệu đã in thấm qua bên phong-bì hay tờ giấy trắng. Vì vậy ta có thể đem phong-bì hay tờ giấy trắng ra làm nổi chữ lên (chữ ngược) để xem chỗ cào tẩy ấy trước đã viết chữ gì.

Cách làm cho nổi chữ lên rất dễ: lấy phong bì hay tờ giấy trắng ấy, áp mặt (bề đã áp vào tài-liệu) vào với một tờ giấy có chất Ninh-Mông-Toan-Diêm (Gitrate) để cả hai vào một cái ép (giữa hai tấm kính và chất nặng sách lên) trong nửa giờ đồng hồ thì chữ nổi lên. Hoặc đem tài-liệu chụp hình lại trong phòng tối với ánh đèn chiếu rất sáng.

Giả mạo bằng cách rửa chùi. — Có nhiều chất hóa-học như: Acide chlorhidrique, acide oxalique (hòa lẫn với nước), eau oxygénée, corrector v.v... để dùng chùi rửa những chữ viết bằng mực. Nhưng, những chỗ bị rửa chùi, màu giấy bị thay đổi mà mắt thường không trông thấy được. Ta có thể lấy một tấm kính ảnh để lên chỗ nghi ngờ bị rửa trong một chốc (thời gian tùy theo kính ảnh) xong đem rửa và ta sẽ thấy kính ảnh có chỗ chong hơn. Chỗ ấy tức là vết bị chùi rửa ở tài liệu.

Cách đọc những tài-liệu bí-mật bị rửa chùi cũng giống như cách đọc những tài-liệu bị tẩy cào.

Giả mạo bằng cách viết thêm. — Có 4 loại:

a) Viết thêm để sửa một ý nghĩa.

b) Viết thêm trên chỗ tẩy cào.

c) Viết thêm giữa hai chữ hay hai hàng, hay cuối thơ trước chữ ký.

d) Viết thêm để làm khó đọc những chữ cũ; rất dễ nhận ra nếu đọc bản tài-liệu bằng kính hiển-vi. Ta sẽ nhận thấy hoặc hai thứ mực khác nhau, hoặc hai nhát bút đậm nhạt khác nhau, hoặc nét đè lên đang còn để hở nét dưới, hoặc hai nét bút cũ mới gặp nhau sẽ sinh ra nhòe v.v...

Viết thêm sau khi tẩy cào thì nét bút có răng cưa.

Một bản tài-liệu bị làm nhòe khó đọc hoặc bị mực đồ lấp kín không đọc được. — Ta chỉ lấy dầu Vaseline bôi một lớp mỏng sau lưng bảng tài-liệu và chụp ảnh lại.

Giả mạo bằng cách đồ lại. — Dưới kính hiển-vi hoặc chụp ảnh rồi phóng đại lớn 5 lần ta sẽ nhận thấy rõ ràng nét «run», đồ đi đồ lại, không đều nét, đậm nhạt, chỗ bắt đầu sai, cao thấp khác nhau, không tự nhiên v.v... hoặc nếu giả mạo bằng cách đồ lại trên giấy than, thì dưới nét mực còn lại dấu than đồ, hoặc dấu tay làm xấu mặt giấy.

Giả mạo bằng cách chữa lại. — Ví dụ chữa con số 5 ra số 3 hoặc 1 ra 4 v.v... Đem bảng tài-liệu chụp ảnh lại, bằng cách bôi sau lưng bản tài-liệu một lớp dầu Vaseline hay là chụp sau ánh sáng đèn (Photographie par Transparence).

Giả mạo bằng cách cắt gián và đồ lại. — Kẻ giả mạo cắt gián những chữ, những câu theo ý muốn bằng chữ của người mà kẻ giả mạo cần dùng.

Dưới kính hiển vi hoặc phóng đại to gấp 5 lần bằng cách chụp ảnh thì ta sẽ nhận rõ ràng: dấu ghép, dấu đồ v.v...

Giả mạo bằng cách bắt người viết. — Có ba loại:

— Cầm tay người bắt viết.

— Cầm tay người để giúp viết.

— Bắt buộc người viết bằng đe dọa ; trường hợp này có 3 điểm cần nghiên cứu :

1. — Không được tự nhiên.

2. — Hai loại chữ và nét run.

3. — Không được rõ ràng, nét bút có khớp.

Giả mạo bằng cách bắt chước. — Nét chữ không thể tránh được những thói quen hàng ngày. Vì vậy những thói quen hiện lên thỉnh thoảng trong các chữ. Bằng kính hiển-vi hoặc phóng đại lên 5 lần, ta sẽ nhận thấy các nét do thói quen làm ra.

Giả mạo bằng cách làm cho chữ mình khác đi. — Thường thấy ở thư nặc danh. Cách khám phá cũng như giả-mạo bằng cách bắt chước. Ví dụ ta có tính viết khác đi nhưng thói quen vẫn hiện lên trong các nét chữ.

Viết bằng tay trái. — Tay trái viết tập nhiều lần thì thói quen nét chữ của tay phải lại hiện lên. Nếu lần đầu viết thì nét chữ sẽ thấy ngay những đặc-điểm mà chữ tay phải không thể nào có được.

Giả mạo chữ ký. — Khám phá bằng cách chụp ảnh lại và phóng đại to lên ; nét đậm, nhạt, tròn, gãy, cao, thấp, bắt đầu nét phóng, sẽ khác nhau với chữ ký thật.

Giả mạo chữ đánh máy. — Khám phá bằng cách chụp ảnh và phóng đại. Chữ nằm cao, thấp, chênh lệch, gần xa nhau, đậm, nhạt, nét to, nét sắc, sẽ hiện lên rõ ràng.

Chữ viết bằng mực bí mật — Là một cách viết cũ kỹ nhưng vẫn được dùng. Phần nhiều viết giữa hai hàng chữ mép tờ báo, mép sách, nắp hộp, giấy trên phong bì, cuối thơ, cổ áo hồ, khăn vuông v.v...

Mực bí mật.— Có thể chia làm hai loại : một loại lấy ở các chất thường dùng và dễ có ; một loại lấy ở các chất hóa học.

Các thứ mực lấy ở chất thường dùng mà nhà chuyên-trách hay khám phá ra được ở trong các vụ liên lạc từ nhà giam ra ngoài :

Sữa. — Là một phương pháp cũ nhưng vẫn được thường dùng. Lấy chất sữa không có chất «kem» dùng để viết. Khám phá ra bằng cách lấy những thứ bột màu và mịn xoa lên bản viết.

Nước tiểu. — Nước tiểu viết trên giấy hay trên vải, khám phá ra bằng hơi nóng hay bằng các thứ bột có sức nặng.

Tinh khí. — Có thể khám phá bằng cách soi lên ánh sáng hay chiếu bằng quang tuyến.

Nước bọt. — Đó là một thứ mực bí mật rất tiện lợi cho những người bị giam cầm, có thể khám phá ra bằng cách cho vào mực thường để viết, rồi đem rửa ở dòng nước chảy (để tờ giấy có chữ bí-mật viết bằng nước bọt, vào trong một chậu thau có mực thường, xong đem tờ giấy ra bỏ vào bể nước hoặc một giòng nước chảy cho chất mực phai đi, thì chữ bí mật sẽ hiện lên).

Dấm. — Phải là thứ dấm ở rượu, khám phá bằng hơi nóng.

Nước chanh quả. — Khám phá bằng hơi nóng, chữ bí-mật sẽ hiện lên bằng màu nâu.

Nước củ hành. — Khám phá bằng hơi nóng, chữ hiện ra màu đen. Tất cả những thứ nước lấy ở các thứ quả hay ở rau cỏ đều có thể khám phá bằng hơi nóng.

Nước lã. — Nước lã là một thứ nước rất dễ kiếm, khám phá bằng hơi nóng, chữ sẽ hiện lên màu vàng nhạt.

Sà phòng. — Khám phá bằng hơi nóng và bằng bột màu nâu.

Mỡ. — Khám phá ra bằng các thứ bột màu.

Phèn chua. — Thuốc sốt rét, dầu hỏa, dầu xăng, nước muối v.v.. đều có thể dùng làm mực bí mật được, những chất này bị phơi ra ánh sáng trong 15 phút (ngoài mặt trời hay dưới bóng đèn 500 w) khi đem vào chỗ tối chữ bí-mật sẽ hiện rõ lên và có thể đọc được như xem kim đồng hồ có chất lân tinh trong ban đêm.

Những mực bí mật làm bằng chất hóa-học có rất nhiều loại mà thủ-phạm cần phải biết về khoa-học mới dùng đến được. Mực bí mật dùng chất hóa-học thì có thể dùng một thứ phản ứng như sau :

— Solution Aqueuse de Nigrosine à 2/20.. 100c
— Solution Aqueuse de gomme arabique concentrée 30c
— Acide Chlorhydrique à 50% 50c

hoặc bằng hơi nóng để khám phá.

Cho tờ giấy có viết chữ bí mật bằng chất hóa học vào trong chậu đựng chất thể thức hóa-học nói trên, trong 30 giây chữ bí mật sẽ nổi lên.

CHỮ BÍ MẬT :

Hung thủ thường dùng những cách bí mật để liên-lạc với nhau, nhiều khi dùng bằng mực bí mật, nhiều khi dùng những chữ bí mật.

Chữ bí mật rất nhiều cách viết ta có thể chia ra làm 3 loại :

1°) **Loại chữ thay thế.** — Tức là dùng những chữ khác để thay thế cho 25 chữ tự mẫu, hoặc thay thế bằng chữ số, hoặc bằng cách đảo lộn tự-mẫu với một cách xếp hạng khác nhau, hoặc bằng dấu hiệu khác (như chữ tốc-ký).

2°) **Loại chữ tự-vị.** — Dùng một cuốn sách làm tự-vị để lấy chữ trong sách dịch thành chữ số.

3°) **Loại chữ đảo lộn.** — Lấy chữ trên thay xuống chữ dưới, lấy chữ dưới lên trên, hoặc giữa lên trên hay xuống dưới.

Người ta áp dụng phương pháp dưới đây để tìm ra các loại chữ trên :

a) Nếu bản viết bằng chữ, thì tìm chữ nào được dùng nhiều nhất. Nếu chữ được dùng nhiều nhất cũng giống như chữ dùng nhiều thường lệ (thường lệ của chữ Pháp thì tự-mẫu « E » được dùng nhiều nhất, thường lệ của chữ Việt-Nam thì tự-mẫu « U » được dùng nhiều nhất) thì bản viết dùng loại chữ đảo lộn ; hoặc chữ thay thế nếu chữ dùng nhiều thường lệ lại ít được dùng.

b) Nếu bản viết dùng số và một tiếng có nhiều số ngang nhau thì bản viết dùng loại chữ tự vị.

c) Nếu bản viết chữ có những dấu hiệu thì bản viết dùng loại thay thế.

Tự-mẫu thay thế bằng tự-mẫu khác trong 25 tự-mẫu.— Nếu sự thay thế không đảo lộn ; ví dụ a thay thế bằng b hay g hay h v.v... và cứ thay thế như vậy tiếp theo, thì ta có thể viết tiếp luôn xuống dưới tự-mẫu thay thế với những tự-mẫu liên tiếp thứ tự khác cho đến khi đọc được thì ta sẽ tìm thấy chữ muốn tìm. Ví dụ :

Bản viết bí mật : IDXRXQVDXVOCDX

Những tự-mẫu chắp thêm cho đến khi đọc được

I D X R X Q V D X V O C D X
J E Y S Y R X E Y X P D E Y
K F Z T Z S Y F Z Y Q E F Z
L G A U A T Z G A Z R F G A
M H B V B U A H B A S G H B
N I C X C V B I C B T H I C
O J D Y D X C J D C U I J D
P K E Z E Y D K E D V J K E
Q L F A F Z E L F E X K L F
R M G B G A F M G F Y L M G
S N H C H B G N H G Z M N H
T O I D I C H O I H A N O I

Bản viết rõ ràng : Tôi đi chơi Hà-Nội.

Nếu sự thay thế bằng cách đảo lộn thì ta có thể khám phá bằng cách :

1.— Tìm những tự-mẫu được dùng nhiều nhất để so sánh tự-mẫu dùng nhiều nhất của cách viết thường. Ví dụ: cách viết thường thì tự-mẫu I dùng nhiều nhất rồi đến tự-mẫu T, rồi đến tự-mẫu U. Cách viết bí mật ; ví dụ : tự mẫu Z được dùng nhiều nhất rồi đến tự mẫu J, rồi đến tự-mẫu F. Kết luận tự-mẫu được dùng nhiều nhất trong cách viết thường = tự-mẫu được dùng nhiều nhất trong cách viết bí mật.

2.— Tìm những tự-mẫu hay đứng liền nhau trong cách viết thường để so sánh với những tự-mẫu hay đứng liền nhau trong cách viết bí-mật, ví dụ : TH, NH, KH, TR, NG v.v... hay đứng liền nhau trong cách viết thường, BV, RX, MN, EK, RS v.v... hay đứng liền nhau trong cách viết bí mật. Kết luận tự-mẫu hay đứng liền nhau trong cách viết thường TH, NH, KH, TR, NG, v.v... = tự-mẫu hay đứng liền nhau trong cách viết bí mật BV, RX, MN, EK, RS...

Những loại chữ bí mật viết bằng dấu hiệu hoặc chữ số cũng khám-phá như cách trên.

Một bản bí mật càng viết dài chừng nào càng dễ khám phá ra từng ấy (xin đón coi cuốn Cảnh-sát Khoa-học thực hành sắp xuất bản để biết được tất cả phương pháp khám phá ra những loại chữ bí mật, dù khó đến đâu.)

Đọc chữ trên tài-liệu đã bị cháy.— Khi tìm thấy một tài liệu đã cháy rồi hoặc đang cháy xảy ra ở nơi vụ

án, thì cần phải dập tắt lửa bằng cách thổi tắt đi (rất khéo nếu không tài liệu sẽ bị nát). Khi đã tắt rồi, ta lấy miếng kính và lừa thế nào cho tài liệu lên nằm trên miếng kính mà không vỡ ra (thổi nhẹ cho tài liệu bay hơi lên và luồn tấm kính xuống dưới). Khi tài liệu đã nằm trên tấm kính rồi, thì lấy chai bơm dầu xức tóc (Brillantine nước, hoặc dầu lạc, bơm nhẹ vào và để bơm ra xa).

Để một chốc sau lấy một miếng kính khác «rất trong» bôi vào một lớp rất mỏng thứ Collodion (chất có «keo» bán ở hiệu thuốc hoặc ở hiệu máy ảnh). Cho tài liệu sang qua tấm kính có chất collodion và lấy một tấm kính khác bôi chất collodion. Xong bơm một ít Ether (rất ít) lên tài liệu, rồi ép hai tấm kính lại với nhau.

Đem chụp ảnh và rửa bằng giấy contraste ta sẽ có bản tài liệu chữ đen trên nền trắng.

Giấy bạc giả và tem.— Phân tách và so sánh hoặc bằng kính hiển vi hình ảnh và chất giấy của bạc giả và của bạc thật. Hoặc bằng cách chụp ảnh và phóng đại. Khám nghiệm răng cưa chung quanh tem, chất keo trên mặt tem, chất giấy. (Các nước Âu-Mỹ, vấn đề bạc giả và tem rất quan trọng. Nhưng ở Việt-Nam ta, sự chơi tem chưa được thịnh-hành và bạc giả làm chưa được tinh-tế, vì vậy mục này chỉ nói sơ qua (Xin xem rõ chi tiết ở cuốn Cảnh-sát Khoa-học thực hành.)

PHÂN-TÁCH CHẤT GIẤY.

Chất giấy có 5 loại :

1 — Có sợi tròn nổi gân.
2 — Có sợi tròn lì.
3 — Có sợi khoanh từng nhóm một.
4 — Có sợi giẹp.
5 — Chất đều bằng phẳng và không có sợi.

Phân tách bằng kính hiển-vi soi lên ánh sáng.

PHÂN-TÁCH CÁC THỨ MỰC.

Có hai cách : phân tách bằng chất hóa học ; phân tách bằng kính hiển vi.

Phân tách bằng kính hiển-vi. — Trong mực có hai chất :

— Mực màu nguyên chất.

— Cặn bã do bụi ở ngoài vào mực, hoặc chính do mực sinh ra.

Dưới mặt kính hiển vi to gấp mười lần, ta sẽ nhận thấy nét chữ chia làm hai đường do ngòi bút có hai mũi nhọn. Giữa hai đường có khoảng trống mà màu mực nhạt dần vào giữa. Và có khi để lại một khoảng trắng. Trong khoảng giữa ấy, màu mực gồm có những chấm nhỏ đen, là mực cũ ; có những chấm nhỏ đen lẫn lộn với chấm xanh đỏ là thứ mực mới chế tạo. Người ta phân biệt các thứ mực bằng cách xem hình dáng, to nhỏ, màu sắc, rời hay sát nhau của những chấm nhỏ ấy để phân biệt các thứ mực. Những chất cần trong mực do mực sinh ra hoặc bụi bặm ở ngoài vào làm cho khi viết vào giấy thành màu sắc khác nhau, dù là cùng một thứ mực trong chai nhưng thời gian viết cách xa nhau.

Người ta còn có thể nghiêng nét chữ dưới ánh đèn để phân biệt các thứ mực ; vì có thứ mực nhiều chất keo thì nét chữ bóng loáng hơn thứ mực ít chất keo.

Phân tách bằng chất hóa-học. — Phân tách bằng hóa học thì chắc chắn đích xác hơn, nhưng bản tài liệu sẽ bị hư hỏng. Vì vậy trước khi đem ra phân chất, cần phải chụp ảnh bản tài liệu để làm di-tích trước.

Người ta cho những chất hóa học phản-ứng mực để làm mực hóa màu dưới sự so-sánh quan-sát của kính hiển vi (xin xem những chi tiết rõ ràng ở cuốn Cảnh-sát Khoa-học thực hành).

PHÂN CHẤT BÚT CHÌ.

Muốn phân chất được bút chì cần phải biết trong mỗi hiệu bút chì, chế mỗi chất có bao nhiêu phần :

1 — Chất than.
2 — Chất khuê-toan-diêm.
3 — Chất sắt.

Phân tách bằng kính hiển vi một nét bút chì ngang hoặc đứng với ngọn đèn rất sáng và chiếu xiên, người ta sẽ nhận thấy (nếu hai nét viết bằng hai thứ bút chì khác hiệu nhau) nét to, dày, mỏng và đậm nhạt khác nhau, bóng, lờ hoặc sắc nét.

VẤN-ĐỀ NHẬN-BIẾT NGƯỜI.

Sự chứng - nhận nhân - cách và phân biệt lý lịch của một cá nhân là một điều cần-thiết bắt buộc trong mỗi xã hội.

Một chứng-chỉ khai sinh, khai tử, một hợp đồng bảo hiểm v.v... đều có liên-quan mật thiết đến vấn đề nhận biết người ; đó là vấn đề dân sự.

Ngoài ra trong hình phạt vấn đề nhận biết người rất cần thiết cho sự điều tra và cho và sự luận tội. Những kẻ phạm tội luôn luôn thay đổi lý lịch để dễ hành động và để phòng lúc bị bắt khỏi phải bị sự trừng trị nặng nề vì đã tái phạm.

Cho nên trong vấn đề hình phạt, sự nhận biết người là một vấn đề rất được chú trọng.

Ngày xưa ở các nước bên Âu-châu người ta đóng dấu vào phạm-nhân (dấu bằng sắt nung đỏ đóng lên vai hoặc lên trán) để dễ nhận biết những kẻ đã phạm tội, đến đầu thế kỷ thứ XVIII thì luật lệ ấy bị bãi bỏ.

Thông tư ngày 23-8-1849 của bộ Nội-Vụ nước Pháp gởi đến cho các ông Giám-Đốc Cảnh-Sát :

« Yêu-cầu các ông thông đạt cho các giám thị nhà lao biết là cần phải ghi chép tất cả những đặc-điểm của mỗi phạm nhân trong nhà lao. Những đặc-điểm ấy là những hình vẽ mỗi phạm nhân đã trổ trên mặt da ».

Biện pháp này cốt ý để thay thế cho sự đóng dấu sắc đỏ trên da, nhưng nó chưa phải là một phương pháp.

Đến khi « nhiếp ảnh » được phát minh người ta liền nghĩ cách chụp ảnh những phạm nhân, để lưu-trữ trong hồ-sơ.

Nhưng, phương-pháp này cũng không thể trường cửu được vì nét mặt có thể bị thay đổi theo thời gian, hay bị thay đổi về bệnh tật. Không những thế, sự lưu trữ hình ảnh không thể cho người ta một cách xếp đặt hoàn toàn để dễ dàng khi muốn tìm ra một cái ảnh của phạm-nhân. Người ta bắt buộc phải xếp đặt theo tên họ của cái ảnh, nhưng nếu không biết tên họ thì thật khó mà tìm ra một cái ảnh muốn tìm trong hàng vạn cái ảnh.

Vì sự quan-hệ là cần phải tìm những sự đồng nhất về hình dạng để xác định tên tuổi và lý lịch của kẻ mà nhà chức trách muốn biết lý lịch hiện hữu là giả hay thật.

Năm 1885 nghị-viện nước Pháp bỏ phiếu để định một đạo luật về sự tăng gia hình phạt một cách nghiêm khắc đối với những kẻ tái phạm. Nhưng đạo luật không có hiệu quả vì phương pháp nhận biết người chưa được hoàn hảo. Cho mãi đến khi phương pháp nhận biết người của ông A. Bertillon ra đời.

Ông A. Bertillon sinh năm 1853 tại Montmorency nước Pháp, ông là con của bác sĩ Louis Aldophe Bertillon là người sáng lập ra hội nhân-loại-học, và là cháu một đời hai nhà tiên sĩ khoa học : Jean Bastiste Bertillon và Archille Guillard.

Năm 1871 ông đỗ tú tài và vì muốn du lịch nên ông xin làm giám thị ở một trường học nước Anh. Năm 1878 sau khi mãn hạn quân dịch, ông xin vào làm thư ký ở trong cảnh-sát-cục.

Trong khi xem lại những biên bản hồ sơ, ông Bertillon nhận thấy rất khó mà tìm ra tung tích của kẻ tái phạm.

Trong thời bấy giờ, dấu sắt đỏ đóng trong người phạm nhân đã bị bãi bỏ từ năm 1832. Sự ghi chép những dấu trổ trên hình phạm nhân và sự dán ảnh trên hồ sơ không công hiệu nữa. Các vị thanh tra cảnh-sát chỉ còn cách đón phạm nhân nào mới vào tù mà đã có vẻ thành thuộc thì họ nghi là « ngựa về chuồng cũ », họ đón lại hỏi với vẻ mặt tươi cười : « a, mày đã trở lại ! » Nhưng, nếu gặp kẻ tái phạm khôn ngoan lanh lợi thì chúng nó giả vờ ngơ ngác.

Làm thế nào để xác thực được sự nhận xét cho đúng không phải riêng gì sự luận tội mà trong việc điều tra kẻ phạm tội cũng rất cần có một phương pháp tuyệt đối về nhận biết người.

Nhờ sự xuy xét trên và nhờ ảnh hưởng của thân sinh là một nhà nhân-loại-học, ông Bertillon phát minh ra phương pháp nhận biết người trên nguyên-tắc : « Trong vũ trụ không bao giờ có hai vật giống nhau » (một định luật thiên nhiên do sự nghiên cứu của nhân-loại-học tìm ra.) Ông Bertillon xác định lại : «Mỗi người phải có những đặc điểm khác nhau. »

Ông đem vấn đề ấy đệ trình lên các vị giám đốc nhưng không được ai chú ý ; ông rất chán nản. Đến năm 1882 ông mới được vị giám đốc cảnh-sát thành Camescasse sẵn lòng giúp đỡ để ông có đủ phương tiện nghiên cứu ra phương pháp của ông.

Với một thước dài, một quy-phân-độ, một cái đo bề dày,

một cái đo bề chũng, ông Bertillon đã ghi chép được rất nhiều hình tích của phạm nhân trong thời kỳ ấy và ông sắp đặt những thẻ ghi hình-tích ấy theo cách phân loại của Quételêt trên nguyên tắc : « Vạn vật sống, tiến hay lùi đều biến chuyển giữa hai mực độ : tối cao và tối thiểu ; giữa hai mực độ này nở ra vô số hình thể trung-gian càng nhiều, càng gần lại mực trung bình, càng ít càng xa hơn ra. »

Định luật của Quételêt không những để cho hình thể mà để cho tất cả mọi sinh-hoạt, mọi mầu sắc, mọi khuôn-khổ trong vạn vật.

Lại có câu : Vạn vật đều khác nhau có chừng độ đều đều chứ không nhảy xa hẳn nhau (Natura non jacit saltus).

Trước tiên, cần phải định một mực trung bình và sau cứ theo mực trung bình ấy để định mực tối nhiều và tối thiểu hay tối cao và tối thấp.

Ông Bertillon áp dụng nguyên tắc trên để phân loại phương pháp « nhận biết người của ông ».

Phương pháp này, đầu tiên là phương pháp « trắc định nhân loại » (Anthropométrie) tức là do những ống xương tay, chân, xương đầu v. v...

Nhưng, phương pháp trắc-định nhân loại bị chỉ trích là vì phương pháp này không thể áp dụng với những kẻ phạm tội trẻ tuổi, chưa hết thời kỳ phát-triển của thân thể ; phương pháp này không thể áp dụng được với một kẻ phạm tội đang được tự do ; sự phân biệt trong phương pháp này không đúng, là vì có thể : có hai người cao bằng nhau.

Ông Bertillon lại tìm ra phương pháp « chân dung nói » để bổ sung thêm cho phương pháp « trắc định nhân loại ». Chân dung nói là cách miêu-tả đầu người như sọ, khuôn mặt, mắt, mũi, tai trán v.v... Phương pháp này được áp dụng và có giá trị từ năm 1884 và được xác-định

là công hiệu.

Phương pháp chân dung nói gồm có 2 phần :

— Phần quan-sát.

— Phần miêu-tả.

Ông Bertillon đã định ra những danh-từ để miêu-tả hình dạng một cách rất đúng với nguyên tắc Quételêt đã nói trên.

Ví dụ : Người Việt-nam số đông cao độ 1 thước 60. Một thước sáu tức là bề cao trung bình của một người Việt-nam.

Ông Bertillon định những danh-từ trong hai mực độ từ trung bình đến tối cao và từ trung bình đến tối thấp như sau :

Rất thấp	1	thước	45	
Thấp	1	»	50	
Hơi thấp	1	»	55	
Trung bình	1	»	60	(tức là vừa)
Hơi cao	1	»	65	
Cao	1	»	70	
Rất cao	1	»	75	

Muốn được tiện về sự biên chép trong thẻ, ông Bertillon lại thay những danh từ trên bằng chữ tắt :

t t (t) v (c) c c

t tức là rất thấp.

t tức là thấp.

(t) tức là hơi thấp.

v tức là vừa.

(c) tức là hơi cao.

c tức là cao.

c tức là rất cao.

Bảy mực độ trên kia được đem áp dụng trên tất cả cách tả nét mặt.

Những danh từ «vừa» ở mực-độ trung-bình bị cho là không có giá trị, trong phương pháp « chân dung nói » vì lẽ rằng khi áp dụng chân dung nói nhà điều tra cần phải quan sát những đặc điểm khác thường mới có ích trong việc nhận biết người.

Ông Quételet nói : «những điểm trung bình đều vô giá trị vì nó thông thường quá».

Như vậy, ta có thể nói tóm lại: phương pháp chân dung nói là phương pháp quan sát và miêu-tả những đặc điểm của « đầu » người.

Ông Bertillon xác-định những đặc điểm ấy theo 4 loại khác nhau :

1o) — Khuôn khổ thì được miêu tả bằng những danh từ : nhỏ, lớn, thấp, cao, rộng , hẹp v.v...

2o) — Mầu sắc thì được miêu tả bằng những danh từ : vàng, đen, hoe, hung đỏ v.v...

3o) — Nét mặt thì được miêu tả bằng những danh từ : sâu (cave), cong (vexe), gãy (busque), vẹo (ainueux), thẳng (rectiligne) v.v...

4o) — Khuynh-tà (inclinaisons) thì được miêu tả bằng những danh từ : ngang (horizontal), xiên (oblique), lồi (sailllant), trợt (fuvant), v.v...

Phương pháp chân dung nói gồm có 3 phần chính : trán, mũi và tai (bên phải).

1o) — Trán thì được miêu tả về :

a — Sự lồi của chân lông mày (hay là vành mày).

b — Khuynh tà của trán (trợt, trung-bình, gồ)

c — Bề cao của trán (thấp, vừa, cao v.v...)

d — Bề rộng của trán (hẹp, vừa, rộng v.v...)

e — Những đặc điểm như ngạch-đầu (Sinus-frontal) bứu tấy, lỗ chũng v.v...

TRÁN

Chân Lông Mày

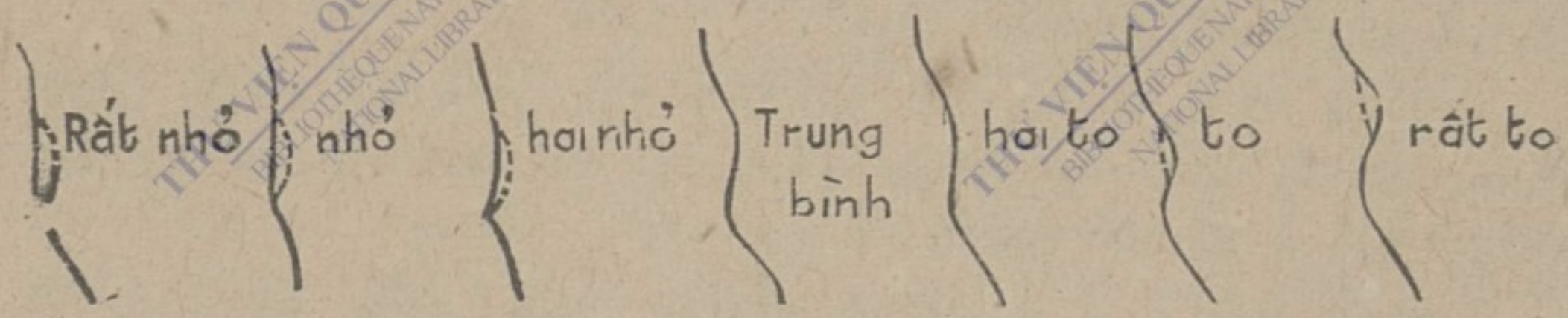

KHUYNH TÀ

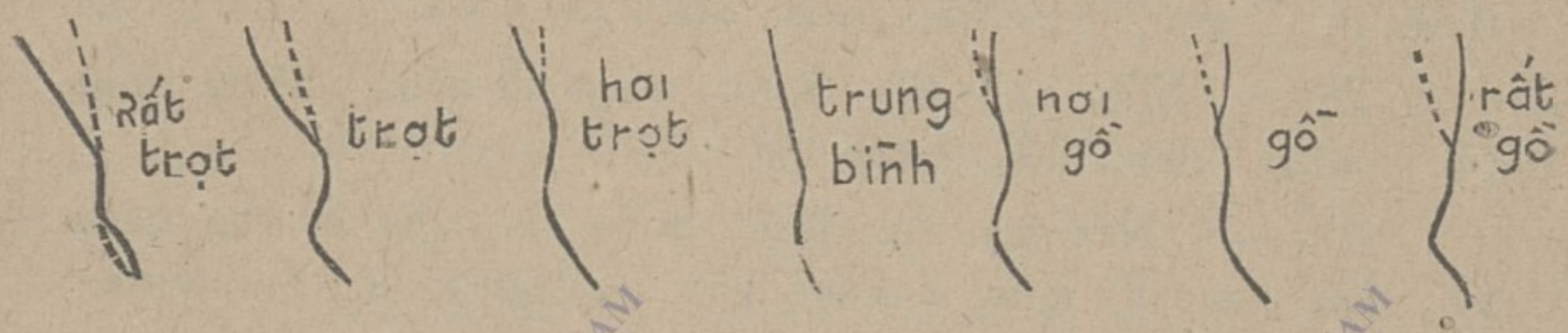

BỀ CAO

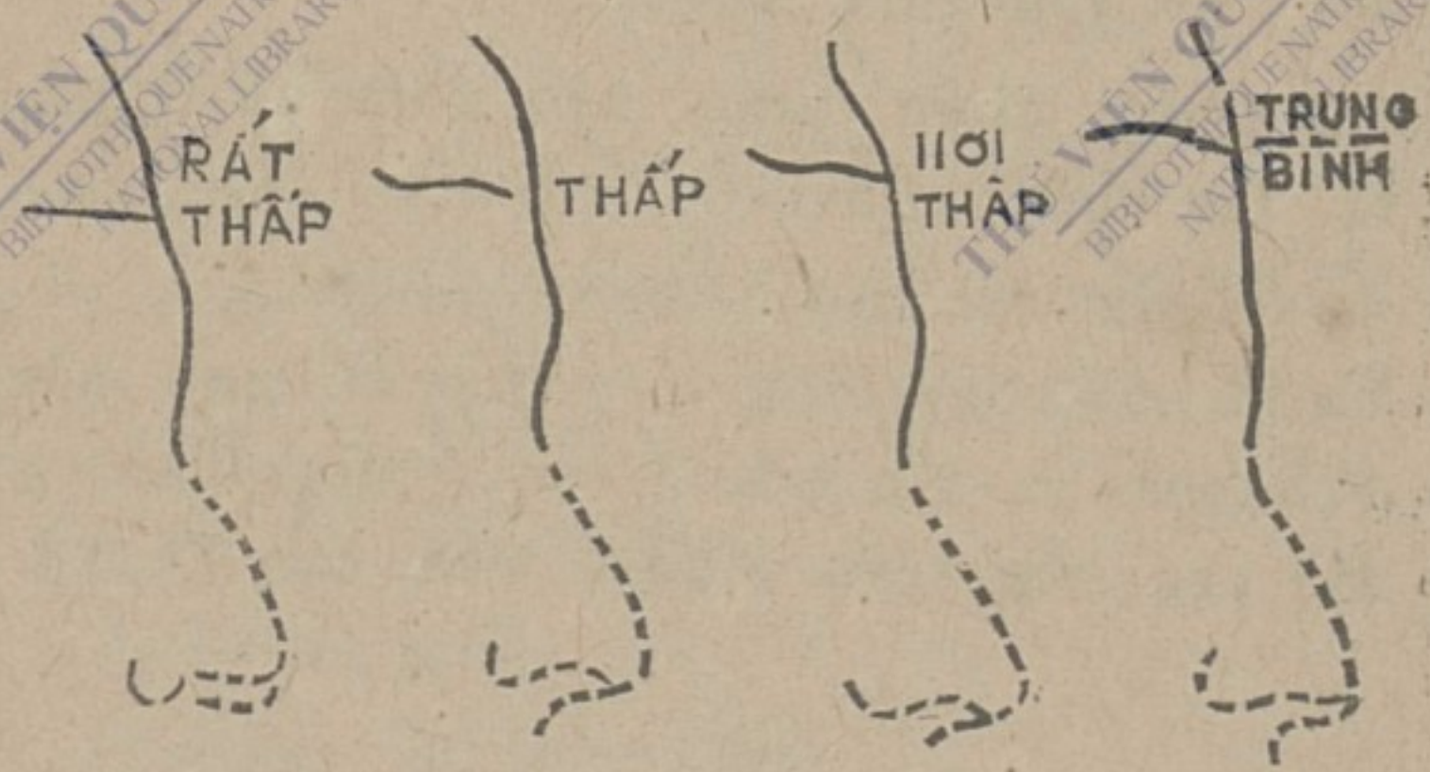

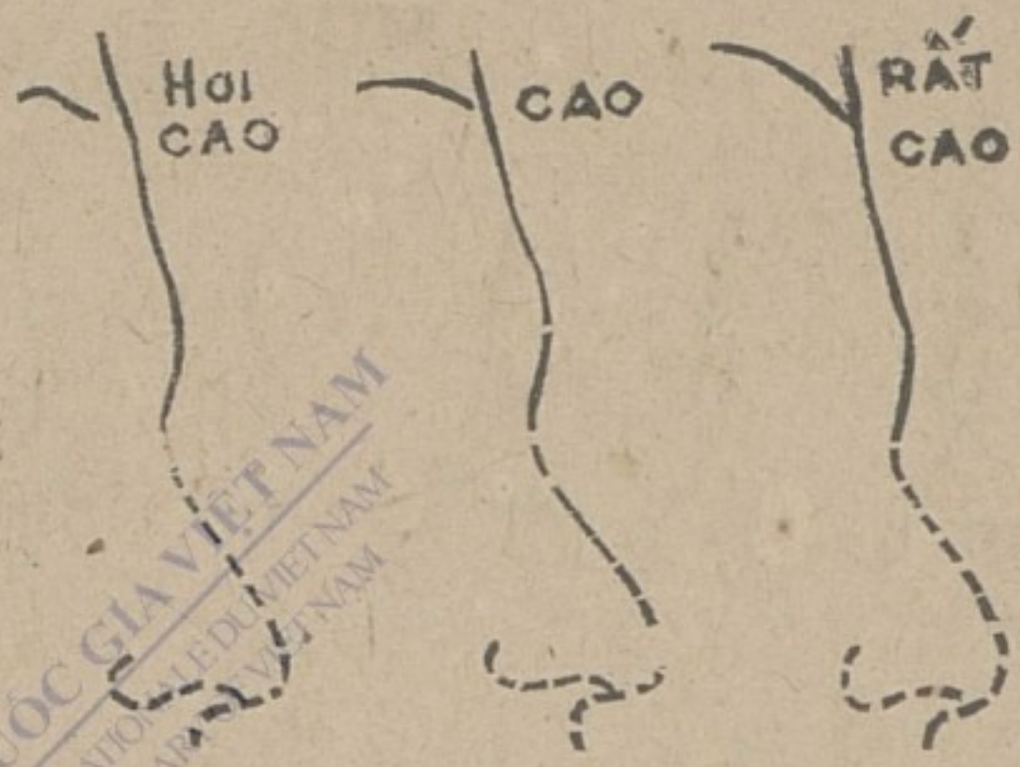

BỀ RỘNG

Rất hẹp — Hẹp — Hơi hẹp — Trung bình

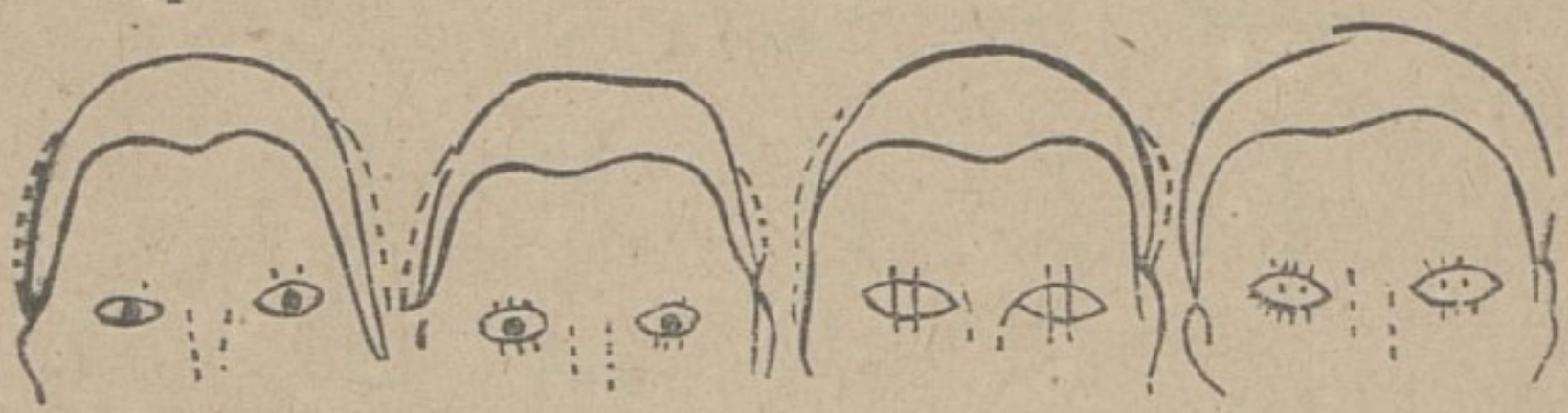

Hơi cao — cao — Rất cao

ĐẶC ĐIỂM

Tí xoang — Xương trán gồ — Trắc diện cong

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIÊT NAM

MŨI

Gốc mũi
RN
N
HN
V
HT
T
RT
Sống mũi
R
S
S
HS
V
HC
C
RC
Sống mũi
SV
IV
HV
RV
HG
G
RG
Chân mũi
RXL
XL
HXL
NG
NHX
HX
RHX
Bề cao của mũi
RNG
NG
HNG
TB
HG
G
RG

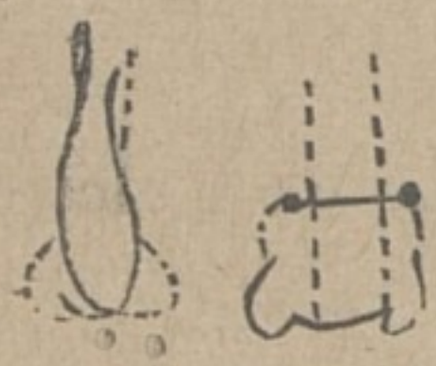

Bề ngang

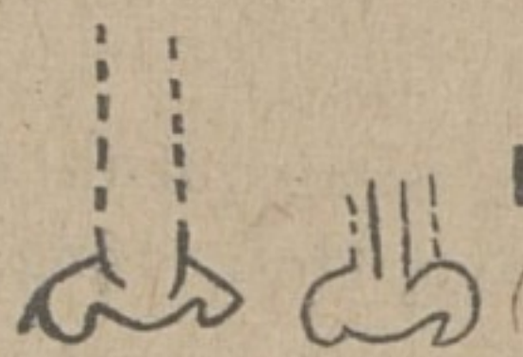

Lỗ mũi

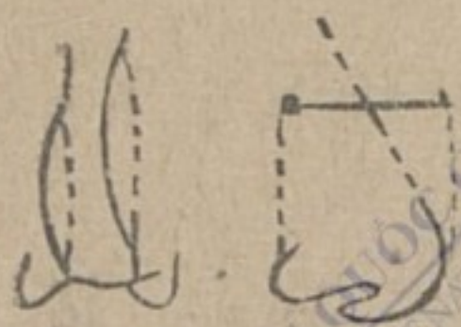

Phần lồi

Đỉnh mũi

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

(Những đặc điểm)

2o) — Mũi thì được miêu tả về :

a — Góc mũi (lõm, trung-bình hay sâu v.v...)

b — Sống mũi (sâu, thẳng, cong, vẹo gẫy v.v...)

c — Chân mũi (xếch, ngang, hạ, lên, xuống)

d — Bề cao của mũi « ta gọi là bề dài » (ngắn, trung-bình, dài....)

e — Phần lồi của mũi (lồi ít, trung bình, nhiều .....)

g — Bề rộng của mũi (hẹp, trung-bình, rộng...)

h — Đặc điểm của mũi (tẹt, phồng, ngược, lép, xếch.....)

3°) — Ta thì được miêu tả về :

a — Vành tròn (Bordure supérieure) hẹp, trung-bình, rộng (bề rộng)..

b — Vành trước (Bordure antérieure) hẹp, trung-bình, rộng.,,

c — Vành căn nguyên (Bordure originelle) nhỏ, trung-bình, nhọn (bề dài).

d — Vành sau (Bordure postérieure) dẹp, hẹp, trung-bình, rộng...

e — Đường trũng quanh vành trên (Fossette naviculaire) sâu, trung bình, rộng.

g — Đường trũng quanh vành trước (Fossette digitale) sâu, trung-bình, rộng.

h — Nếp trên (Pli supérieur) mờ, trung bình, rõ...

i — Nếp giữa (Pli médian) lõm, ngang, lồi.

k — Nếp dưới (Pli inférieur) sâu, trung-bình, lồi...

l — Nhĩ châu (Tragus) dính sát với vành trong, nhọn' rẽ làm đôi...

m — Phần sau nhĩ châu (Antitragus) ngang, trung-bình, xiên...

n — Đường lõm cạnh đằng sau nhĩ châu (Canal antitragier) lõm, ngang ,lồi...

o — Nối liên-kết của quả tai với gò má (Adhérence du lobe à la joue) chính sát, trung-bình, rời...

p — Quả tai (Lobe) sa xuống, hình thước nách, trung-bình, trũng...

q — Lỗ tai (Conque) xiên, thẳng, vẹo, nhỏ, lớn...

Mỗi phần được miêu-tả hình-dạng của nó và sau cùng là những đặc điểm của phần ấy.

Tất cả những hình-dạng đều được miêu-tả bằng những mực-độ từ trung-bình lên đến tối-cao và từ trung-bình xuống đến tối-thiểu.

Ngoài ba phần chính trên, phương-pháp chân-dung-nói còn gồm có những phần phụ như : Môi, miệng, hình-thái của đầu, trắc-diện từ chân tóc đến cằm, bề cao của sọ, đặc-điểm của sọ, lông mày, mí mắt, tròng mắt, khoảng cách xa giữa hai mắt, những vết dăn ở mặt, và cuối cùng là những dấu vết đặc biệt ở mặt. (Xin đón xem Khoa-học Cảnh-sát thực-hành).

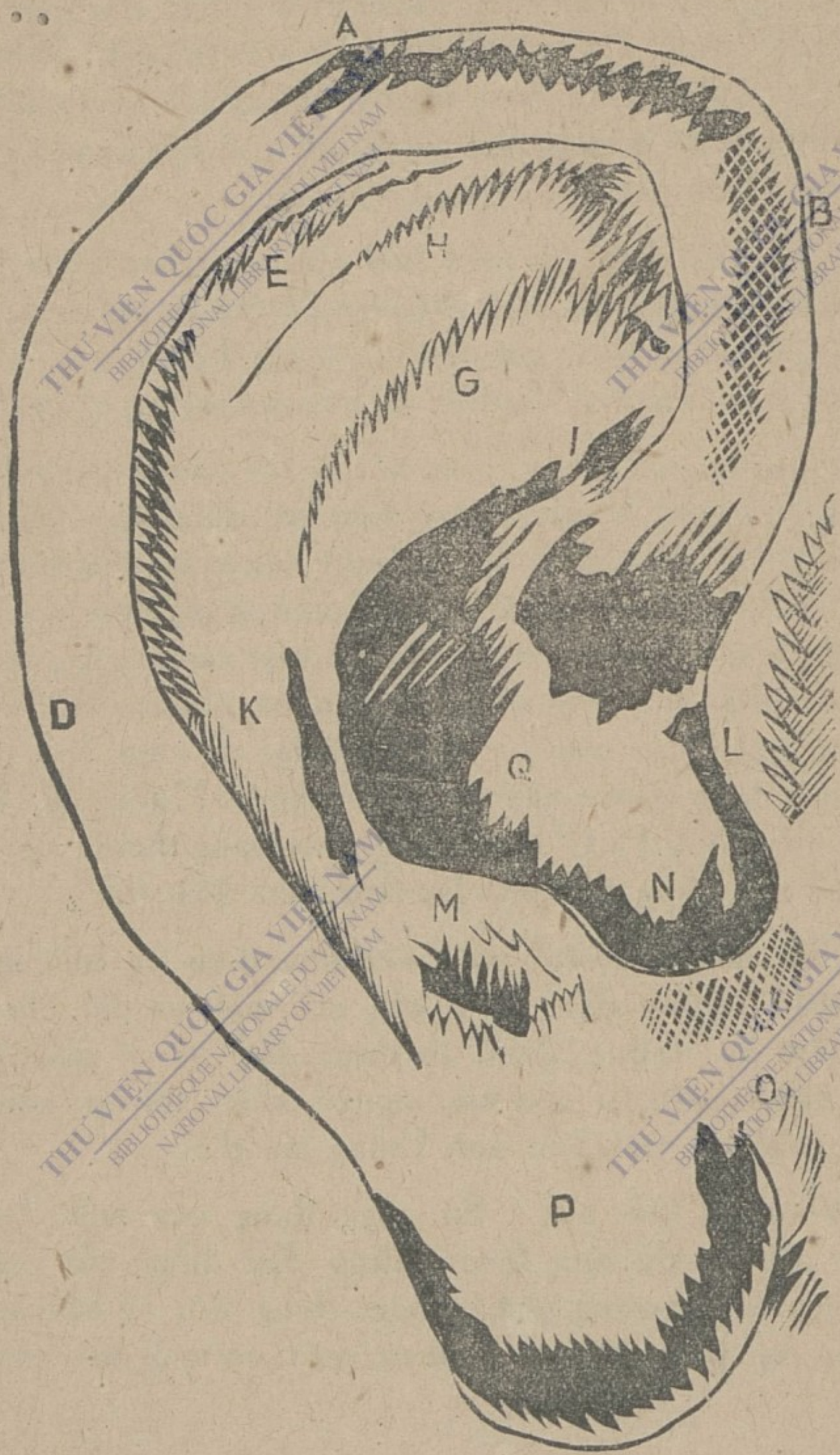

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

Sự ích lợi của chân dung nói.— Lúc ta muốn miêu tả một người nào vắng mặt, ta phải dùng đến danh từ thông dụng như : Mặt trái soan, cằm vuông, trán rộng, mũi cao, v. v... Những danh từ ấy không đủ để tả một hình thể xác thực. Cách miêu tả ấy chỉ là một cách nói chuyện thông thường mà thôi, nếu dùng trong phương pháp điều tra thì thật là một điều nhầm lẫn vì những danh từ không những không có một ích lợi gì về diện mạo, mà lại còn có hại nữa, vì khi hành động sẽ có nhiều sự nhầm lẫn.

Nếu nhà điều tra hiểu biết phương pháp chân dung nói một cách tường tận thì nhà điều tra có thể đi tìm một người lạ với một bức thư ở xa gửi đến mà trong thơ có tả diện mạo của người lạ ấy với những danh từ đã xác định trong phương pháp.

Phương pháp chân dung nói có thể cho là công dụng hơn cả một bức ảnh. Ví dụ : nhà điều tra dùng một bức ảnh để đến một nơi đông đúc dò tìm một người lạ, nếu nhà điều tra không hiểu cách phân tách trước những đặc điểm của người lạ ấy do bức ảnh chuyền đạt và nhớ một cách chắc chắn thì khi đến nơi nhà điều tra sẽ phân vân và nhầm lẫn không hiểu nên tìm một người nào ; chẳng nhẽ lại cứ cầm ảnh ra để so sánh luôn luôn người này với người khác. Huống gì, kẻ lạ ấy có thể thay đổi đôi tý hình dạng như mang thêm kính râm, để thêm bộ râu, cũng đủ đánh lạc được nhà điều tra.

Cho nên ta có thể nói : nếu nhà điều tra biết một cách chắc chắn những đặc điểm của nét mặt và đặt cho những đặc điểm ấy những danh từ đứng đắn và có phương pháp để có thể truyền lại cho một người khác, thì sự công dụng hơn là chỉ có một bức ảnh không mà thôi.

Và ta có thể nói : Sự công dụng của một bức ảnh chỉ có giá trị khi kèm theo những đặc điểm của nét mặt. Bởi vậy, hai phương pháp chân dung nói và bức ảnh cần phải có sự phối hợp với nhau mới có một sự công-dụng

hoàn toàn. Cho nên ở « thẻ » tả tướng mạo (Fiche signalétique) khi nào cũng có kèm theo một bức ảnh nếu có điều kiện.

Thẻ ở phòng lục hình hay ở phòng thí nghiệm. — Thường thường ở phòng lục hình hay ở phòng thí nghiệm đều lưu trữ hai thứ thẻ :

1 — Thẻ tướng mạo (Fiche signalétique) dùng để phân biệt một cá nhân nào mà nhà điều tra chỉ biết tướng mạo và không biết tên. Thẻ này xếp đặt theo thứ tự của sự phân loại dấu tay.

2 — Thẻ theo thứ tự của tự mẫu (fiche alphabétique) dùng để phân biệt một người nào mà nhà điều tra chỉ biết tên họ và không biết tướng mạo. Thẻ này xếp đặt theo thứ tự của tự mẫu.

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIET NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

CHƯƠNG THỨ BA

KHOA-HỌC CẢNH-SÁT PHẦN PHỤ-THUỘC

KỸ - THUẬT HỎI CUNG

Trong khoa học cảnh-sát, kỹ thuật hỏi cung chỉ là một khoản phụ. Vì phương pháp hoạt động của cảnh-sát khoa-học là căn cứ ở những dẫn chứng « câm » là những dẫn chứng cụ thể có giá trị hoàn toàn để điều tra kẻ phạm tội và để luận tội.

Tuy vậy, kỹ thuật hỏi cung cũng rất cần thiết cho một vài trường hợp mà nhà điều tra cần phải thực hành đến để bổ khuyết thêm cho cuộc điều tra của mình được hoàn toàn nhanh chóng hoặc để áp dụng trong những vụ án không có tính cách nghiêm trọng lắm.

Điểm quan trọng nhất của kỹ thuật hỏi cung là để thử lại bài toán của nhà điều tra đã đặt ra có đúng hay không, chứ không phải để căn cứ vào đấy mà luận tội.

Hoặc là bài toán ấy do kết quả của kỹ thuật hỏi cung mà nhà điều tra căn cứ vào bài toán ấy để làm đích cho cuộc điều tra.

Cho nên sự hỏi cung có giá trị hay không đều do sự điều tra đem những dẫn chứng cụ thể để định đoạt.

Điều khó khăn nhất của nhà điều tra là làm thế nào cho hung thủ nói rõ những sự thực, mà không phải dùng đến những sự tra tấn dã man vô nhân đạo, để khỏi thẹn làm loài người đang sống trong thời buổi khoa-học này.

Cảnh sát khoa-học là khoa-học để phụng sự cho an ninh của nhân loại, để phụng sự cho công lý, thì với mục đích cao quý như vậy, không lý gì đem một người tình nghi về để tra tấn đánh đập và thi hành mọi phương pháp dã man, để cho kẻ tình nghi không chịu nổi sự đau đớn mà cung khai ra những điều mà nhà điều tra không làm thế nào để xác định nổi sự thật hay không thật.

Đã hai nghìn năm nay sự tra tấn để lấy lời khai của

người tình nghi đều được áp dụng trong nền Công-An và Cảnh-Sát và trong hai nghìn năm không biết bao nhiêu những vụ án mà nhiều kẻ vô tội đã bị trừng phạt oan ức và cũng đã có nhiều kẻ có tội vẫn đứng ở ngoài vòng pháp luật.

Ở đoạn trước ta đã nói đến lời khai của thủ phạm không có giá trị nếu lời khai ấy không có dẫn chứng kèm theo, vì có thể cung khai vì đau đớn, hoặc vì bị sợ đánh đau, hoặc vì muốn bênh vực cho một người thân yêu, hoặc vì lòng thù oán ghen ghét v . v . . . cũng như những người làm chứng mà khoa học gọi là chất độc phá hoại vụ án, vì công lý không thể căn cứ vào những lời khai của người làm chứn gđược, tuy rằng những người làm chứng đã tuyên thệ trước khi cung khai. Ví dù người làm chứng nói toàn sự thật, nhưng biết đâu sự thật ấy là do sự sai nhầm mà ra, hoặc nghe nhầm, hoặc nhìn thấy nhầm, hoặc kể lại nhầm v. v. . . huống gì người làm chứng có thể vì lòng ghen ghét thù hằn, vì cảm tình, vì dùng sức tưởng tượng nhiều quá, vì bệnh tậtmà cung khai không đúng sự thật. Cho nên ta có thể nói : lời khai của bị cáo hay lời khai của người làm chứng đều không có giá trị, nếu không có dẫn chứng cụ thể.

Tất cả những lời cung khai đều cần phải được xét đoán một cách khoa học trên những điểm :

1. — Trạng thái của người làm chứng hay tình nghi, hay hung thủ.

2 — Lời cung khai trong những hoàn cảnh nào.

3 —Sự liên đới quan hệ của người làm chứng, của người tình nghi, của thủ phạm đối với nạn nhân của vụ án.

4 — Điều kiện vật chất của người cung khai : « lành mạnh, hay ốm yếu, bệnh tật ».

Vì sự tôn trọng tự do của cá nhân nên lời khaicần phải bắt buộc được ở trong khung cảnh, hoàn cảnh, trạng thái,

tinh thần hay vật chất phải hoàn toàn tự do và lành mạnh, thì sự thật mới được đảm bảo một cách tuyệt đối.

Vấn đề tìm ra sự thật ở tận miệng hung thủ, ở tận miệng người làm chứng là một vấn đề đã làm cho những nhà chuyên môn băn khoăn trong hai thế kỷ trước. Và, cả đến hiện nay, tuy là đã có nhiều phương pháp được đưa đưa ra ánh sáng, nhưng vẫn chưa có thể tin chắc được là tuyệt đối như những khoa-học khác.

Cho nên vấn đề này chưa được nêu ra là một khoa-học mà chỉ là một kỹ thuật và đã là kỹ thuật thì sự tuyệt đối không thể định đoạt được.

Dưới đây, chúng tôi lượm lặt một vài phương pháp được áp dụng trong các nước Âu-Mỹ để thêm vào đây một vài ý nghĩ cho độc giả :

Nhà tâm lý học Léonard-Keeler sáng chế ra một cái máy gọi là máy « lột trần sự thật ». Cái máy ấy gồm có một cái ghế ngồi, mà nệm ngồi, nệm tựa, tay tựa bằng cao-su rỗng chứa không khí. Ở những cái đệm này, có ống cao-su dài và ở đầu ống cao-su có kim cử-động bằng hơi do ở đệm ghế đẩy ra. Kim ấy có sẵn mực và đầu kim chạm vào trên 1 cuốn giấy.

Cuốn giấy này chạy lần lần qua kim bởi một cái máy như máy đồng hồ. Người ta đặt người bị hỏi ngồi lên ghế, hai tay để lên hai cái tựa tay, lưng dựa sát vào lưng ghế, ngực buộc ngang một đoạn ống cao-su và cũng có ống nhỏ có kim chuyền ra đến cuộn giấy. Khi người bị hỏi đã ngồi yên vị trên ghế, nhà điều tra báo cho người bị hỏi biết : « ông trả lời tôi thành thật và không có một điều gì đáng sợ, ông sẽ được ra về bình an, nếu ông không nói dối, vậy xin ông cứ bình tĩnh. »

Sau khi căn dặn rồi, nhà điều tra bắt đầu hỏi những câu không quan hệ ; chẳng hạn như ông thích xem phim gì ? thường ngày ông ngủ mấy tiếng đồng hồ, buổi sáng ông

có tập thể thao không, ông thích ăn những món gì nhất, ông đã có vợ chưa, ông có mấy con. Trong những câu hỏi khai đầu này, nhà điều tra cốt ý dò xem trạng thái của người bị hỏi. Trong khi hỏi ấy thì cuốn giấy vẫn chạy, mấy cái kim ở đầu ống cao-su vẫn vạch vào cuốn giấy thành đường mực ngoằn ngoèo, khi lên khi xuống ; năm phút đầu, nhà điều tra không cần ghi chép, đó là thời gian để cho người bị hỏi được bình tĩnh, sau khi qua 5 phút nhà điều tra hỏi thêm vài ba câu không quan hệ, xong bắt đầu từ đấy cứ hỏi một vài câu không quan hệ lại chen vào một câu liên quan với vụ án. Theo tâm lý thì khi người ta thành thực, cảm giác của người ta rất bình-tĩnh, nhưng khi nào người ta dối trá thì cảm giác của con người không được bình tĩnh, sự không bình tĩnh làm cho bắp thịt, hơi thở ở trong tình trạng bối rối, sinh những cử động bất thường. Những cử động bất thường ấy đã làm cho không khí trong cao-su đẩy kim cử-động ghi những sự bất thường lên mặt giấy. Người ta kiểm soát trên mặt giấy biết ngay là những lời khai của người bị hỏi thật hay là dối. Phương pháp này đã thu thập rất nhiều khả quan mà Bác sĩ Keeler cho ta biết trong 8 nghìn vụ chỉ có 6 vụ là không có kết quả.

Giáo sư H. Rosiard phát minh ra một nguyên tắc khác để thử thách xem người bị hỏi có ý tưởng gì ám muội không. Ông ta bày ra bàn nhiều vật như tờ bạc giấy, cái bút chì, cái thước kẻ, cái súng, cái dao, v . v . . . trên 50 thứ, ông đưa người bị hỏi ngồi trước bàn và cho người ấy chọn một vật ở giữa bàn. Ông ta ghi chép những cử chỉ, thời gian, cách chọn lựa và vật được chọn lựa của người bị hỏi. Thời gian chọn lựa của ông ta định là hai giây rưỡi. Nếu sự chọn lựa kéo giài tức là người bị hỏi không thành-thực hoặc người bị hỏi chọn lựa một vật mà

xa cách chỗ họ ; hoặc chọn vật này xong đổi vật khác với ý tính-toán thì giáo sư cho rằng họ có ý-tưởng gian dối. Phương-pháp này đã cho nhà điều tra loại lần lần kẻ tình nghi và xác định được người gian dối. Ở trường Đại-Học Columbia người ta đã áp dụng phương pháp này để tìm một người làm bậy trong 50 người học sinh. Các học sinh này lần lượt ra chọn một vật trên bàn, những người thành thực được loại lần ra bằng cách ghi những cử chỉ của họ trong lúc chọn lựa. Cuối cùng người ta tìm ra thủ phạm.

Phương pháp dùng mầu sắc cũng đã được bàn đến. Người ta đưa người bị hỏi vào trong một căn phòng, chung quanh, trên dưới, toàn gương. Đầu tiên ánh-sáng trong căn phòng rực rỡ, nhưng trong khi hỏi, ánh sáng được bớt dần và biến màu xanh nhạt mà kẻ bị hỏi không biết được ánh sáng đã bớt và đã biến màu. Nếu người gian dối thì tự nhiên đâm ra hoảng sợ tưởng rằng mặt mình tái đi, can đảm không còn nữa, câu trả lời sẽ bị lúng túng và cuối cùng phải nói thật.

Một phương pháp khác. Người ta dùng một chất hóa học gọi là «thuốc nói thật». Chất thuốc này làm cho giây thần kinh không liên lạc được mật thiết với trí khôn ở óc. Kẻ bị hỏi trả lời những câu hỏi thật thà như đứa trẻ con.

∴

Phương pháp hỏi cung.— Ông Louis Lambert, giáo sư trường Cảnh-sát quốc gia ở Saint-Cyr au Mont-D'Or nói : « Mọi lời thú tội đều có những căn nguyên động-cơ của nó. Biết rõ được căn nguyên ấy và khêu gợi thế nào cho căn nguyên ấy được chớm nổi lên thì mới thu hoạch được kết quả trong sự hỏi cung.

Dưới đây là những động cơ căn bản của lời thú tội :

Quyền lợi của sự thú tội.— Phải làm thế nào để dẫn giải nguồn quan hệ của sự thú tội, nếu đó là một sự khó khăn thì lại càng cố gắng để đi đến kết quả. Theo luật pháp thời xưa, thì sự thú tội là một dẫn chứng quan hệ cho sự buộc tội. Luật pháp hiện hành cũng giống như vậy, nhưng khác nhau là lời thú tội cần phải hợp lý, nghĩa là lời thú tội luôn luôn phải đi theo với dẫn-chứng của sự thú tội. Mỗi quan tòa đều có thể nghi ngờ một lời thú tội bòng lòng mà không thể làm cách nào thử lại được lời thú tội ấy có đúng hay không ; chẳng hạn như bị cáo khai : « ngày hôm qua lúc 11 giờ tôi có giết một người » ; nhà điều tra hỏi có gì làm bằng chứng cho sự giết người ấy không, chẳng hạn như bị cáo khai « tôi giết người có ông ấy làm chứng ; tôi giết người với thứ khí giới ấy v . v . . . Nhưng, đến khi hỏi người làm chứng thì người làm chứng không biết gì cả ; hỏi đến khí giới, bị cáo cũng không biết khí giới hiện để ở đâu và nếu có thì thứ khí giới ấy lại không đúng với vết thương v . v . . . Như vậy thì lời thú tội ấy có giá trị hay không ? hay chỉ là một lời khai để che tội cho một kẻ khác hoặc là một lời khai của kẻ mất trí.

Tóm lại sự thú tội chỉ có giá trị khi nào có dẫn chứng chắc chắn để có thể thử được rõ ràng. Sự « thử được » đó là then chốt của giá-trị thú tội. Các nhà điều tra cần phải lấy đủ chứng cớ chung quanh của lời thú tội để cân nhắc với lời thú tội. Lẽ cố nhiên sự thú tội không có giá trị khi mà sự cân nhắc ấy không ăn khớp ; không tương đối với lời thú tội. Cho nên nhiều trường hợp nhà điều tra có thể buộc tội một bị cáo không cần lời thú tội của bị cáo, chẳng hạn như một vụ trộm mà kẻ bị cáo chối cãi, nhưng khi lục soát chỗ ở của bị cáo thì có những tang vật và có những dẫn chứng biết rằng tang vật ấy là của bị cáo. Thí dụ bị cáo có chối cãi đi chăng nữa cũng

vẫn bị buộc tội như thường.

Sự thú tội không giá trị. — Cũng là một điểm rất lợi cho nhà điều tra. Nhà điều tra cần phải tự đặt câu hỏi : Vì sao kẻ bị cáo lại thú tội như vậy, nếu kẻ bị cáo không phải là kẻ loạn trí thì quyền lợi của sự thú tội là gì ? Đó là sự khởi đầu để đặt một lý thuyết tìm ra đúng kẻ phạm tội. Lý thuyết ấy khi đã được đặt ra chắc-chắn căn cứ ở quyền lợi của sự thú tội, nhà điều tra có thể đặt ra những câu hỏi làm cho bị cáo phải khai sự thật.

Những điểm quan trọng của sự thú tội. — Không có một thứ thú tội cũng như không có một thứ phạm tội vì tâm hồn của con người rất phức tạp. Theo sự kinh nghiệm của nhà chuyên môn thì sự thú tội có rất nhiều loại :

A — Thú tội vì sự bức bách như : không chịu nổi một cuộc tra tấn, một cuộc mệt nhọc v.v.....

B — Sự thú tội trong sự cần biện minh.

C — Sự thú tội vì trí khôn phản lại.

D — Vì không đủ sức nói dối.

E — Thú tội vì sự kiêu hãnh.

G — Thú tội vì hy vọng một sự tha thứ.

Thú tội vì sự bức bách. — Sự bức bách do vật-chất như một cuộc tra tấn hoặc vì mệt nhọc.... Ngoài phương diện vật chất ấy thủ phạm không thể chịu đựng nổi sự thúc bách của lương tâm. Sự thúc bách của lương tâm làm cho mệt nhọc trí khôn, vì thần kinh hệ luôn luôn phải chịu đựng sự sợ hãi mà thủ phạm luôn luôn phải để ý giữ gìn sự bại lộ chân tướng của mình, và nhất là khi thủ phạm bị sự kiểm soát trông chừng của nhà chức trách. Thủ phạm luôn luôn phải giữ gìn ý tứ cho nên sự chịu đựng của thủ phạm không thể nào bền bỉ được. Vì vậy nhà điều tra hay kéo dài sự hỏi cung để đợi chờ giây phút thúc bách của thủ phạm và trong

lúc kéo dài, nhà điều tra tỏ những lời nói hay cử chỉ một cách xác-định rằng bị cáo chính là kẻ có tội. Sự xác định ấy làm cho kẻ bị cáo điên lên, ngờ rằng công việc của mình đã bại lộ hoặc lời khai của mình đã hớ hênh, đó là những giây phút mà nhà điều tra có thể lợi dụng để hỏi dồn làm cho bị cáo vì sự mệt nhọc đã sẵn, vì sự nghi ngờ là công việc mình đã bại lộ, mà phun ra tất cả sự thật. Sự tâm thần bất định này chỉ có những kẻ phạm tội là không chịu đựng nổi được mà thôi. Còn kẻ không phạm tội ít khi bị ảnh hưởng một sự mệt nhọc như vậy. Nhà điều tra cần phải biết lợi dụng sự thúc bách về tinh thần của kẻ phạm tội mà hỏi ngay những dẫn chứng, để đo-lường, cân nhắc, xem lời thú tội ấy có thực hay không ? Tóm lại phương pháp áp dụng kẻ phạm tội có một trạng thái thúc bách về tinh thần là kéo dài cuộc hỏi cung với những câu hỏi được đặt ra hợp với giây phút của trạng thái tinh thần người bị cáo, đó là kỹ thuật của nhà chuyên môn vậy.

Sự cần thiết biện minh.— Loại thú tội này, xảo diệu hơn loại thú tội trước, kẻ phạm tội có một trí óc minh mẫn hơn. Kẻ phạm tội này phần nhiều không phải kẻ phạm tội lành nghề, mà chỉ là kẻ phạm tội nhất thời, vì vậy cho nên lời khai luôn luôn tiếp với lời biện bạch để tỏ ra mình là vô tội. Trong trí óc của kẻ phạm tội này hay có ý nghĩ : « cho nhà chức trách và cả xã hội là bất công ». Lời phân trần biện bạch càng ra nhiều bao nhiêu thì sự tự tố cáo cho mình lại hiện ra bấy nhiêu. Trong lúc bị cáo cố tìm những lời nói, tỏ ra mình không phải là người như vậy, thì chính ở trong những lời ấy, nhà điều tra cần phải tìm những điểm mà bị cáo diễn tả ra để tránh lỗi mình, nhà điều tra cần phải hiểu sự tương phản của điểm ấy. Sự tương phản ấy là những lúc ngập

ngừng của bị cáo (ngập ngừng để cố ý tránh sự tương phản) ví dụ : bị cáo khai sự giết người, xảy ra trong giờ phút ấy mà giờ phút ấy tôi không có ở đấy, các ông nghi oan cho tôi : « trong đó đã có sự tương phản». Rồi bị cáo cố tránh những tương phản của mình, để tuôn ra bao nhiêu lời phân trần khác để tỏ ra mình không phải là kẻ phạm tội ; mà hoàn cảnh chỉ giống kẻ phạm tội mà thôi. Sự giống kẻ phạm tội, là sự tự tố cáo cho mình. Vì sao biết hoàn cảnh của mình, giống hoàn cảnh của kẻ phạm tội, hay đó là sự tự thú mà kẻ phạm tội có ý nghĩ là : tôi không phải là kẻ phạm tội mà tôi chỉ là một kẻ ở trong hoàn cảnh bị nghi ngờ là phạm tội. Trong giây phút này lẽ cố nhiên, trong trí óc của bị cáo có một tia hối hận, đó là sự cốt yếu mà nhà điều tra cần phải khôn khéo phân tách cho kẻ phạm tội hiểu : những điểm bằng chứng sác thực trong lời khai của kẻ phạm tội. Sự đuối lý của kẻ phạm tội đã làm cho kẻ phạm tội không chối cãi nữa mà phải nói sự thực. Cột vài điểm sự thật đã hiện ra thì sự chối cãi của thủ phạm sẽ mất hết hiệu quả. Bởi vậy cho nên khi bị cáo muốn giãi bày và biện minh thì nhà điều tra phải cần để cho họ có một sự tự do « nói ». Nhà điều tra nhớ rằng trong những trường hợp này mọi tội lỗi đều có nguồn gốc mà phần nhiều là do uất ức gây nên, vì vậy trước một người phạm tội, ta nên khêu gợi những uất hận ấy ra, mà cử chỉ của ta có ý cho rằng kẻ phạm tội không phải là một con người đáng ghê tởm. Những cử chỉ ấy có thể thay đổi lần lần và cho kẻ phạm tội biết rằng, hoàn cảnh phạm tội thật là rất thương hại và dù sao làm nên tội lỗi, thì sự cần thiết phải đền bù điều đã lỡ lầm. Nghiêm khắc với một tội lỗi mà kẻ phạm tội chưa hiểu đến, dễ dàng với một

tội lỗi và phân tách cho kẻ phạm tội hiểu rằng đó là tội lỗi, như vậy mới là một cách khôn khéo mà nhà điều tra làm cho thủ phạm có một tinh thần cách mạng hiểu biết bên trong, và nhất là trong khi thủ phạm tưởng rằng tội lỗi của mình không lấy gì làm quan trọng, thì mánh khóe trên càng được dễ dàng. Khi đã có đôi tý kết quả trong cuộc hỏi cung thì nhà điều tra cần phải giữ gìn lời nói và cử chỉ, nếu không kẻ tội phạm sẽ nghi ngờ và ngừng lại lời thú tội ; cần phải để cho kẻ phạm tội tự do thú tội, dù rằng trong lời thú tội có nhiều điểm không được thành thực, nhưng nhà điều tra cũng phải vờ tin ngay và để đến sau mới lần lượt phân tách ra từng điểm nói dối, và đặt những câu hỏi bất ngờ mà thủ phạm sẽ trả lời không đúng với những lời đã khai trước. Khi ấy sự thật sẽ hiện ra lần lượt. Nhưng, lời thú tội ấy chỉ là một bước đầu của sự kết quả, nhà điều tra cần phải kiểm tra lại, cân nhắc những dẫn chứng và đem những dẫn chứng ấy để biện luận với kẻ phạm tội, làm cho kẻ phạm tội không còn chối cãi được. Người ta nói « theo phương diện chuyên môn, nhà điều tra biết cách hỏi, tại vì nhà điều tra đã biết cách gảy cho kêu một sợi giây ». Cho nên kỹ thuật lấy cung bằng cách « cho tự biện bạch » là một nghệ thuật để phân biệt những sợi giây gảy kêu hoặc không kêu trong người kẻ phạm tội. Vì không khi nào kẻ phạm tội có thể thú tội trước một người mà hắn cho là không thể nào hiểu được hắn, hiểu nổi sự biện bạch của hắn.

Theo loại thú tội này, kỹ thuật của nhà chuyên môn có thể ví với câu của một nhà triết lý : « tất cả mọi sự thú tội đều do trí khôn ngoan của người hỏi và nếu người hỏi cũng chỉ có một sức thông minh như kẻ phạm tội, như vậy thì, một tên vô loại cũng có thể làm quan cảnh-sát, quan dự-thẩm được».

Sự thú tội vì trí khôn phản lại. — Loại thú tội này xảy ra trong lúc hỏi cung chưa có kết quả, thì tự nhiên kẻ phạm tội thú nhận tội lỗi, tại vì trí óc của kẻ phạm tội, phản đối sự giữ nguyên tình trạng phi lý của mình và do đó đưa ra một phương pháp khác để bênh vực cho mình. Sức mạnh của sự phản lại ấy chỉ có ở trong những kẻ phạm tội thông minh đã làm cho kẻ này tìm cách trở lại một phương pháp có lý hơn những phương pháp trước. Trong giây phút « trở lại » ấy chính là giây phút thú tội, nếu người điều tra biết cách hỏi. Lẽ cố nhiên mỗi người mỗi khác, trường hợp này không ở nơi hạng đàn bà ít thông minh hoặc trẻ con, mà phải là hạng người nhiều thông minh. Vì loại thú tội này chỉ xảy ra khi mà tình trạng của kẻ phạm tội bị đuối lý hoặc là thấy có nhiều dẫn chứng tỏ ra mình phạm tội, có nhiều người làm chứng chống mình, kẻ phạm tội tự biện luận cho mình là vô lý, nên muốn trở lại một phương pháp khác hợp lý hơn. Đó là giây phút mà nhà điều tra cần phải nắm lấy để dồn hỏi, những cớ tại sao lại biến đổi như vậy, cho đến khi kẻ phạm tội không chối cãi nữa. Trong loại thú tội này thường thường có kết quả rất dễ dàng đối với kẻ phạm tội thông minh.

Thú tội vì không còn sức nói dối nữa. — Khi kẻ phạm tội đã bắt đầu nói dối tức là bắt đầu tự tố cáo mình. Vì sự nói dối, thì dù có thông minh lanh lợi đến đâu, cũng không thể giữ gìn được hết tất cả những chi tiết từ đầu đến cuối câu chuyện. Nói dối tức là đặt bày ra một câu chuyện mà một câu chuyện đã được đặt ra thì tất cả các chi tiết đều được đặt ra. Sự đặt ra của con người, không thể nào hoàn toàn được như một sự tự nhiên. Vì vậy trong chi tiết sẽ có những điểm ngượng ngùng. Cho nên người ta nói : « một người hay nói dối, chứ người ta không nói người nói

dối giỏi ». Theo tính cách chuyên môn của người hỏi cung thì thường hay hỏi rất nhiều câu hỏi trong mọi phương diện để cho sự nói dối của kẻ phạm tội tăng mãi lên. Đến khi, đùng một cái, vặn lại những điểm nói dối không quan trọng mà thủ phạm không nghĩ đến, như : ngày giờ lúc đi, giá tiền xe, tàu, gặp những ai v.v... Những điểm không quan trọng sơ sài này cũng làm cho kẻ phạm tội thấy rằng sự nói dối của mình đã bại lộ, và chính trong giây phút mà kẻ phạm tội hoang mang vì sự nói dối đã bại lộ, nhà điều tra lợi dụng giây phút ấy để đặt những câu hỏi liên tiếp. Kẻ phạm tội sẽ thú tất cả, vì tinh thần rối loạn, khi không còn sức nói dối được nữa.

Thú tội vì kiêu hãnh.— Vì kiêu hãnh mà một đội kẻ phạm tội đã thú nhận. Ý muốn ngu ngốc của kẻ phạm tội là muốn chưng nhân-cách của nó bằng cách thuật tất cả những hành động của nó, mà nó cho là oai hùng. Bởi vậy nhà điều tra chuyên môn cần phân tách tâm lý của kẻ phạm tội để khiêu khích lòng kiêu hãnh của nó mà tìm ra sự thật, tính kiêu ngạo rất dễ thấy thường thường trong hạng người ngu ngốc. Chỉ vài câu nói khiêu khích cỏn con chạm lòng tự ái của kẻ phạm tội cũng đã làm cho kẻ phạm tội nói tung ra sự thật. Nhưng, cũng nên xem chừng nhiều khi vì quá sức kiêu hãnh, kẻ phạm tội đã kể những chuyện hoang đường mà chính nó cũng chưa đủ sức hành động. Loại thú tội này ở trong trường hợp mà những kẻ phạm tội ở trong giai cấp hạ lưu và trẻ tuổi.

Thú tội vì hy-vọng được một đặc ân.— Một cách hỏi cung bị cáo rất tầm thường và phần nhiều có kết quả tốt là an ủi kẻ phạm tội và hứa sẽ thi hành một đặc ân riêng cho kẻ phạm tội, nếu kẻ phạm tội thú nhận tội lỗi và cung khai thêm tòng phạm và thủ phạm chính hay là

chính nhà điều tra phải bào chữa cho kẻ phạm tội và cho rằng tội lỗi này không đáng quan ngại, hoặc đáng quan ngại cho thủ phạm chính mà thôi. (Những trường hợp này chỉ có thể thi hành khi biết rằng kẻ phạm tội có thể được đặc ân tha thứ nếu sự thú tội có ích lợi, chẳng hạn như sự thú tội có thể đem đến kết quả tốt hơn, hoặc là bắt được chính thủ phạm, hoặc là bắt được toàn bọn, hoặc là lấy lại được những vật quan trọng đã mất. Trường hợp này cần phải có sự thỏa thuận trước với các đại diện của pháp luật. Phần nhiều những vụ án này đều xảy ra trong trường hợp chính trị, bạc giả, trộm cắp mà bên nguyên bằng lòng không khởi tố, nếu lấy lại được vật đã mất). Trong trường hợp thú tội này, nhà điều tra cần phải có những lời nói, cử chỉ, đứng đắn khôn khéo để kẻ phạm tội tin tưởng.

Tóm lại những trường hợp thú tội trên đây chỉ có tính cách khó khăn là phải suy luận và xác định yếu điểm của kẻ phạm tội sẽ thú tội ở trong trường hợp nào. Lẽ cố-nhiên những trường hợp trên đây không phải lúc nào cũng có thể xảy ra, hay lúc nào cũng có thể áp dụng được. Vì không thể nào điều động được tâm hồn của con người, như ta đã điều động một cái máy. Tuy vậy những trường hợp trên, cũng có thể cho là những nguyên tắc căn bản để áp dụng vào cách hỏi cung bằng cách thêm bớt tùy theo từng trường hợp, từng tâm lý của kẻ phạm tội.

Người ta có thể nói : những nguyên tắc trên không được ngay thẳng lắm đối với một nhà chức trách, có nhiệm vụ cần phải tránh những cách gài bẫy, cách giả vờ, cách hư ngụy.

Nuôi những tư-tưởng chống sự trái ngược trên, tức là không cho phép nhà chức trách được quyền khôn khéo

trong sự hỏi cung, tức là tránh cho kẻ phạm tội khỏi sa lưới pháp luật. Thật là hão huyền ! Khi muốn phân biệt sự khôn khéo vô tội, không có hư ngụy, không có lừa lọc và sự khôn khéo có tội trong ấy có hư ngụy và lừa lọc. Bởi vì, muốn đòi hỏi, một sự khôn khéo vô tội thì không thể nào có sự khôn khéo được.

Người ta có muốn thấy một nhà chức trách không biết hỏi cung không ? Người ta có muốn thấy sự quá hợp lý của mình trong sự làm không được việc không ? Trong khi người ta hỏi cung mong được một lời thú tội thành thật, người ta bắt buộc không thành thật đối với kẻ phạm tội. Người ta nói dối, người ta lừa lọc, người ta bênh vực cho sự dối trá, để biết sự thật. Như vậy thì có thể nói đó là sự không ngay thẳng, hay là sự khôn ngoan. Người ta có biết rằng : ngay bắt đầu cuộc hỏi cung, tất cả kẻ phạm tội đều có ý tưởng chối cãi. Vậy thì người hỏi cung và người bị hỏi đều có sự khôn ngoan mà sự khôn ngoan ấy, ta có thể cho rằng : đó là sự khôn ngoan để tự vệ.

Vì vậy muốn phân tách, ta chỉ nên phân tách một cách thiết thực và giá trị hơn là đem hai cách hỏi cung : hỏi cung bằng cách khôn ngoan trên, với hỏi cung bằng quả phật-thủ.

Đã có nhiều tư tưởng như ông Roche-Flavin viết trong cuốn sách của ông ta : « Nhà chức trách không nên dùng « phương pháp lừa lọc gài bẫy để tìm ra sự thực. Đã « muốn tìm ra sự thật thì điều duy nhất trước tiên là phải « dùng sự thật. Đánh lừa bị cáo, gài bẫy bị cáo tức là « một cách tra tấn bằng tinh thần vậy. Bởi vì : mỗi câu « hỏi là bị cáo phải cân nhắc, tính toán và phải đem hết « tâm óc để chống trọi sức tấn công mà bị cáo là cái đích. « Sự khôn ngoan của nhà chức trách chỉ có thể đứng trên « phương diện thành thật và rõ ràng với những câu hỏi

« mà nhà chức trách cần phải nghiên cứu ở những việc làm « của bị cáo. »

Vâng, lẽ cố nhiên đó một là tư tưởng nhân đạo. Nhưng nhà chuyên trách điều tra, lẽ cố nhiên là không bao giờ dùng những phương pháp để lừa đảo những kẻ phạm tội, nhưng nhà chuyên trách có thể dùng trí khôn ngoan trong cuộc hỏi cung để bảo đảm sự an-ninh cho xã-hội.

Những nguyên tắc áp dụng trong công việc hỏi cung. Trước mắt chúng ta, kẻ phạm tội, hay bị cáo, hay bị tình nghi được hoàn toàn tự do không phải trói buộc. Trước hết, chúng ta phải tự cho chúng ta sắp vào một cuộc chiến đấu và muốn cho có thế lợi, ta phải có một số tài liệu về công việc làm của kẻ phạm tội. Tài liệu ấy không chỉ có ở trong tập hồ sơ mà còn phải có trong trí nhớ của ta nữa. Nghĩa là chúng ta cần phải xem xét hồ sơ của kẻ phạm tội và ghi vào trí nhớ những điểm quan trọng mà ta cần phải hỏi. Bởi vì, nếu kẻ bị hỏi chỉ bị ta hơi nghi ngờ là phạm tội, hoặc kẻ bị hỏi có thể là một bị cáo nhưng không quan trọng, thì có thể mỗi tiếng nói đầu tiên cũng có thể cho ta rõ người bị hỏi không can tội gì. Trái lại một bị cáo đã có nhiều chứng cớ hiển nhiên mà ta có thể cho là thủ phạm, thì ta cần phải tấn công ngay và đưa những dẫn chứng ra để bắt hung thủ thú nhận ngay. Nếu bị cáo không chịu thú nhận hay là nói dối quanh thì cứ để cho bị cáo nói dối, để sau này đối chất lại với lời nói dối của lần sau.

Bởi vậy, tốt nhất là cần phải đặt một câu hỏi phủ đầu bằng một chiến lược đích đáng với tình trạng của tội phạm để cho thế trận của mình được thắng thế ngay trong lúc đầu.

Dưới đây là một chương trình hoạt động mà ta có thể ứng dụng được, tùy theo từng trường hợp. Sự kinh nghiệm

đi theo với sự tế nhị dìu nhắc cho cử chỉ của ta. Cho nên ở đây chúng tôi chỉ nói đến sự quan hệ căn bản mà thôi, vì ta không thể ép mình trong một khuôn khổ nhất định như ta điều động một cái máy được,

Tìm những điểm để chứng minh sự thật.— Ở đây sự cần thiết là đưa một ngọn sào để giúp cho người bị ta hơi nghi ngờ. Ngay lúc đầu ta đã cần nên biết rõ dứt khoát người ấy vô tội hay có tội để loại ra khỏi phạm vi dò xét của ta. Sự nghi ngờ phỏng đoán của ta cho một người, làm cho ta mất thì giờ mà thôi. Nếu người ấy có là thủ phạm thì ta nên tìm thêm chứng cớ ở ngoài. Nếu người ấy vô tội thì cần phải biết ngay để có thì giờ đi tìm những đầu mối khác. Sự hỏi cung một người mà ta đã nhận thấy không đúng là có tội thì hy-vọng của ta là muốn thấy người ấy dẫn giải thế nào để chứng thực vô tội của người ấy. Nếu ở trong một tình trạng mà người ấy bối rối, ta có thể giúp cho vài ý kiến để họ có thì giờ dẫn giải được rõ ràng. Đó là ngọn sào của ta giúp họ vậy.

Tìm những lời thú tội.— Kẻ bị cáo đứng trước mặt ta đã có những chứng cớ chắc chắn là kẻ phạm tội hay là người hơi nghi ngờ, nhưng sau khi hỏi qua để cho họ dẫn giải sự vô tội của họ, thì ta nhận thấy trong sự dẫn giải có những điểm dối trá ; sự nghi ngờ phỏng đoán của ta đã trở thành nghi thật. Trong trường hợp này ta có muốn được ngay lời thú tội của bị cáo không ? Nếu muốn thì ta phải cổ lệ cho bị cáo thú tội bằng những câu hỏi thích hợp với tình trạng, với tâm lý của bị cáo mà hồ-sơ tài liệu đã cho ta biết. Nhưng, ta có cần nên có ngay sự thú tội của bị cáo hay không ? đó là một câu hỏi cần thiết.

Đáng lẽ ta cần phải có những lời thú tội ngay nhưng bị cáo không chịu thú nhận, đây mới là một điểm hết sức

tế nhị để ta xoay từ phương pháp cổ-lệ không có kết quả ra phương pháp đưa vào cạm.

Sự cần thiết trong những cách cổ lệ thú tội là phải tìm những điểm trong hồ sơ để buộc tội hay những điểm để lột hết sự thật của bị cáo. Nếu bị cáo đuối lý mà cung xưng tội trạng thì tốt, bằng không thì cố nhiên, ta đã bị thiệt thòi, vì bị cáo sẽ không mắc phải cạm bẫy của ta nữa, nếu bị cáo có óc thông minh. Vì, hỡi ôi, ta đã đem phô bày tất cả những nguyên ủy của ta biết và bị cáo sẽ tránh dễ dàng những yếu điểm của nó hay là nhận những yếu điểm không quan hệ mà thôi.

Đó là ta đã bị thiệt hại rất nhiều mà rồi sau ta hết cả những tài liệu để buộc tội, vì ta không còn biết gì thêm nữa dù có kéo dài cuộc hỏi cung.

Đã bao thủ phạm tránh được hình phạt vì sự sơ ý của người hỏi cung như ở trường hợp hỏi cung trên vậy.

Theo sự kinh-nghiệm thì ta cần phải đứng giữa hai phương pháp : tìm lời thú tội và giăng bẫy. Sau khi ta nhận xét hồ sơ đã đủ nhiều tài liệu giá trị để có thể đè bẹp được tinh thần và óc thông minh của thủ phạm, khi ấy ta mới bắt đầu tấn công.

Sự kết quả của cuộc tấn công này là do tài hùng biện mà ta biết cách đặt nó trong một đoạn nói ngắn ngủi. Đó là giai đoạn đầu trong công cuộc hỏi cung. Khi ta nói xong và đến lượt bị cáo nói, nhưng bị cáo lúc này không phải là lúc ta cho phép giải bày nữa, vì vậy ta làm như không để ý đến lời của bị cáo và tiếp tục phơi bày một cách hùng hồn sự thật của bị cáo mà ta biết một cách xác định.

Nếu muốn chọn lựa sự cổ lệ để bị cáo thú tội ngay, nhưng nếu trong trường hợp mà ta chưa có đủ tài liệu để

đệ bẹp ngay bị cáo, nhưng ta cũng cứ thử cổ-lệ may ra bị cáo thú nhận ngay. Nhưng sau thấy bị cáo chưa chịu thú nhận thì trong trường hợp này nhà điều tra cần phải đề phòng sự thất bại mà đừng tuôn ra tất cả tài liệu hiểu biết về bị cáo, mà trái lại cần phải để dành một ít tài liệu để đưa bị cáo vào cạm bẫy.

Cũng trong phương này, trước mặt bị cáo mà nhà điều tra tình nghi, nhưng chỉ có một vài điểm rất sơ sài để buộc tội thì nhà điều tra cũng như một người đánh bạc chỉ có một cái vốn cỏn con nhưng lại muốn ăn to. Vậy thì nghệ thuật ở đây là làm thế nào để biện luận cho cứng cáp trên điểm buộc tội mong manh ấy ; phải làm thế nào để trình bày « như cách » là mình không để ý, dưới một hình thức phô diễn sơ-sài như là mình đã hiểu biết, nhưng không thèm nói ra.

Thử thi nghiệm, một sự sắp đặt như vậy thì ta sẽ có những kết quả gì, đó là đoạn cuối của sự cuối cùng rất nghiêm trọng của một kỹ thuật. Nhưng hãy coi chừng, đừng khi nào nên buộc những điều mà mình chỉ tưởng tượng và sai sự thật mà phải bị « lỗi » là đã có tính cách làm người bị hỏi sợ hãi ; với lại, kẻ bị cáo nắm được đầu mối, biết ta nói đồ chừng và tương kế tựu kế hắn dẫn ta đến một kết quả tai hại là đưa ta quá sự thật theo sự tưởng tượng của ta, rồi cuối cùng phản lại, hỏi ta những dẫn chứng cho sự buộc tội của ta. Thế là hắn có thể nói ta đã bắt hắn khai như vậy hay là hắn nghe lời ta mà khai như vậy, sự thật hắn không biết gì hết, ta đã bị cạm bẫy của hắn vậy.

Nếu trong trường hợp ta muốn ngay có lời thú tội thì sự hùng biện của ta cần phải hùng hồn, bắt người bị hỏi phải im hơi hay là phá tan cái thế quân bình của người bị hỏi. Nếu là những câu nói nhát

gừng, không xác định được sự gì chắc chắn cả, vừa nói vừa xét hồ sơ hoặc vừa tìm kiếm ý kiến thì không có hy-vọng gì làm cho bị cáo thú tội được. Cần thiết là phải có một giọng nói đanh thép, với cử chỉ xác đáng và quan hệ nhất là phải có lý và lý này ràng buộc qua lý khác rõ ràng và kích thích tâm trạng của bị cáo. Lẽ dĩ nhiên là những sự có lý này phải « ăn khớp » với tâm trạng của bị cáo và « ngang xứng » với sự thông minh của bị cáo. Nghĩa là đối với một anh nhà quê vô học thì cách nói phải khác với kẻ có học thông minh. Phải làm thế nào để bị cáo có cảm tưởng thình lình là : « đã bị đuối lý rồi » mà ta có thể nhận xét ra ở cử động của khóe mắt, của miệng bị cáo có những đặc điểm khác thường : Cuối cùng sự quan trọng nhất trên cả mọi sự quan trọng khác là cần phải có những cử chỉ, những cái nhìn và trong tiếng nói đều cùng lộ một sự xác định chắc chắn lời nói của mình.

Thêm nữa, cũng còn phải để ý điều quan trọng là trong lời nói không bao giờ đặt một tiếng nào có ý hỏi bị cáo phải không ? mà phải luôn luôn kìm chế vào sự xác định, phải làm thế nào mà bị cáo hiểu rằng : « không cần câu trả lời của mình nữa, mình cũng phải vào tù ». Đối với những bị cáo mà ta chỉ hơi nghi ngờ và có thể thấy sự vô tội, ta cũng phải chơi những đòn như vậy, nếu bị cáo cũng bị rối loạn tinh thần thì sự hỏi nghi ngờ của ta sẽ thành sự nghi ngờ thật. Nếu bị cáo thú nhận thì ta thắng và bị cáo không thú nhận thì tốt hơn ta thả hắn ra và minh oan cho hắn. Trong trường hợp này có khi bị cáo sẽ hợp tác với nhà điều tra bằng cách thú nhận những sự thật mà hắn biết, nhưng chính hắn không phạm tội gì cả, vậy thì sự cố lệ để có một lời thú tội dù bằng sự xác-định hoặc bằng đòn cân não đều cần phải

có ý nghĩa khuyên bảo bị cáo. Tôi không cần hỏi anh điều gì cả, anh là một kẻ bại trận, tội lỗi anh đã rõ ràng quá rồi, anh phải thú nhận đi để hòng có một hy vọng cuối cùng là được hưởng quyền lợi của sự thú tội. »

Sự vụng dại nhất của nhà hỏi cung và điều tra là hỏi bị cáo : « có phải anh là thủ phạm của vụ án không ? » Đó là một cách gián tiếp bắt thủ phạm chối cãi, trong khi ấy chính nó đúng là thủ phạm rồi. Ta cần phải đặt những câu hỏi : « tại vì sao ? làm như vậy ? » Tại vì sao lại giết người ? tại vì sao lại đốt nhà ? v.v... đó là cách mình nắm chắc đầu cán. Trong mắt bị cáo ta phải để họ nhận thấy ta là một người đã hiểu rõ tất cả hành động của họ ; phải tỏ ra mình hiểu một cách bao quát và sự hiểu ấy khi nào cũng ở trong sự quảng đại bao dung của mình. Ngoài ra những câu trả lời đầu tiên của những câu hỏi này, nếu trái ngược thì ta cũng không nên tỏ ý ngại ngùn g lắm. Và, với sự không lạ lùng của ta, ta cứ kiên gan, với câu hỏi : « tại vì sao » ; và hỏi mãi, không cần để ý đến câu vô lý của mình. Bởi vì, câu hỏi « tại sao » nghiêm khắc của ta được lặp đi lặp lại, đã trở nên nặng nề cho tinh thần của người bị cáo và có thể đến trong một khoảnh khắc nào đó, câu hỏi tại sao đã làm cho bị cáo phải dẫn giải phân tách. Tại-sao, tại sao . . . và đó là lời thú tội vậy. Sự kinh nghiệm cho ta biết rằng đã có lần sau một cuộc hỏi cung lâu, buồn tẻ lặp đi lặp lại chữ tại sao mà bị cáo cố tình tránh không trả lời và đã có lần ngất đi vớ' chữ tại sao độc ác ấy. Như vậy chứng tỏ rằng một câu hỏi đúng với tâm trạng của bị cáo và cứ lặp đi lặp lại mãi là một đòn cân não rất nặng nề cho bị cáo.

Trong trường hợp này ta quan sát thường thường thấy chữ bắt đầu của lời thú tội, không phải chữ vâng mà lại là chữ « tại vì », nhưng, chữ vâng bao giờ cũng ở trong chữ « tại vì » cả.

Sự hùng biện của ta nếu có thể có kết quả thì ta thâu hoạch được lời dẫn giải của bị cáo. Nhưng, giai đoạn đầu của cuộc hỏi cung không phải đầy đủ cho cuộc hỏi cung. Ta phải biết nghe lời thú tội và biết cách len lỏi hỏi theo những lời thú tội. Ở đây ta chưa nói vội đến việc làm biên bản bởi vì « nghe lời thú tội » cũng không phải là một việc dễ. Nếu bị cáo nói mà ta để cho bị cáo nói không mà thôi thì những lời của bị cáo muốn nói chắc chắn là bị cáo không nói những điều mà ta muốn biết. Vì vậy, cho nên sau khi ta nhận thấy bị cáo có vẻ muốn thú tội thì ta cần phải đặt những câu hỏi để cho vụ án được rõ ràng lên. Đây là một sự khó khăn phải vượt vì bị cáo trong lúc thú tội đã ở trong một trạng thái mệt nhọc có thể quên hết những chi tiết cần thiết trong lời thú tội với lại bị cáo đã cho là ta đã biết hết hoàn toàn. Cho nên giai đoạn này mới là giai đoạn tế nhị phức tạp nhất của kỹ thuật hỏi cung. Nhà điều tra cần phải đặt những câu hỏi rất khôn khéo nửa như bắt bị cáo trả lời, nửa như tỏ ra mình đã biết. Những chữ : ai, khi nào, tại đâu, bao nhiêu, bởi vì v. v... đều được đặt ra trước mỗi câu hỏi. Ý tưởng đến với bị cáo lẽ tất nhiên đều do ta đưa đến, cho nên nhiều khi có những sự nhầm lẫn mà ta cần phải hiểu ngay để chữa lại và trong việc chữa lại này cần phải phải khôn khéo đừng tỏ vẻ ngạc nhiên, đừng tỏ vẻ cho bị cáo biết, vì nếu hắn khôn ngoan thì hắn sẽ bảo rằng : hắn đã nói dối tất cả. Đó là trường hợp vụng dại của nhà điều tra mà nhiều khi bị cáo không ký khẩu cung. Cũng có nhiều khi nhà điều tra vụng dại vội vàng chộp những lời thú tội như con chó chộp miếng xương . . . Nhà điều tra khôn ngoan cần phải biết nâng niu rất nhẹ nhàng lời thú tội và không tỏ ra một nét gì hài lòng trong lúc bị cáo thú tội. Cũng như trong lúc bị cáo khai những chi tiết cần thiết quan trọng, nhà điều tra cũng không nên tỏ ra sự vừa lòng của mình

mà phải làm ra vẻ sự biên chép lời cung khai của bị cáo chỉ là một việc làm lấy lệ mà thôi, vì thật ra nhà điều tra đã biết rõ ràng tất cả rồi.

Nếu bị cáo tự nhiên hối hận đã chót khai, muốn trở lại thì cũng không quan-tâm lắm ; trong trường hợp này ta chấm rứt buổi hỏi cung vậy. Nhà điều tra lẳng lặng làm xong bản cung với tất cả những chi tiết đầy đủ về thời gian, về nơi xảy ra, về những nhân vật của vụ án, thủ phạm, đồng lõa, làm chứng mà tất cả đều được ăn khớp với nhau trong cách hành động và phải xem đó chỉ là một bản cung để thử lại, để cân nhắc trong cuộc điều tra mà thôi. Bản cung còn phải làm những bản chi tiết của mỗi một đồng phạm, mỗi một người chứng, chúng ta sẽ nói đến sau, ở đây chúng ta chỉ phác qua lúc nghe bị cáo thú tội và lượm nhặt những chi tiết để phác họa một chương trình điều tra thêm để lấy thêm nhiều dẫn chứng. Nếu bản cung này chỉ có thế mà thôi và đệ lên tòa án thì bản cung sẽ không có giá trị vì bị cáo có thể nói rằng lời cung khai trên ở trong trạng thái rối loạn hoặc vì bị đánh đập vì bị cạm bẫy của nhân viên điều tra (theo đạo luật ngày 8-12-1897 thì một bản cung như vậy đều không có giá trị). Bản cung ấy cần phải có những dẫn chứng thiết thực cụ thể hóa mới được.

Cách đặt cạm bẫy trong lúc hỏi cung. — Đặt cạm bẫy trong lúc hỏi cung chỉ thực hành trong trường hợp mà bị cáo không chịu thú nhận hay là sự thú nhận rất khó khăn và gặp nhiều điều rất phức tạp. Những bị cáo lành nghề đã can nhiều lần tội lỗi là những bị cáo không thể làm thế nào mà ta có được lời thú tội dù rằng rong hồ sơ của ta có đủ nhiều tài liệu khả dĩ biết rõ công việc hành động của nó. Bởi vậy trong những cuộc thẩm

vấn này nhà điều tra cần phải dùng những mánh lới nhà nghề. Ta cần phải có một sự định đoạt trước, hoặc là dùng phương pháp thâu hoạch ngay được lời thú tội, hoặc phải đưa bị cáo vào cạm bẫy tùy theo tâm trạng của bị cáo mà ta phải biết « đoán trước ». Nhưng luôn luôn ta phải để ý là phương pháp cạm bẫy làm trước vẫn có lợi hơn, ví dù bị cáo có khó khăn đến đâu thì ta cũng chưa mất gì hết.

Giai đoạn đầu tiên của cuộc thẩm vấn trong cách đặt cạm bẫy khác từ đầu đến cuối với giai đoạn đầu tiên của cuộc thẩm vấn lấy ngay lời thú tội.

Bắt đầu là một tràng dài lời lẽ của nhà chuyên môn, tràng dài lời lẽ ấy tức là một cuộc xung phong có quy củ chống với sự khôn ngoan và tâm hồn của bị cáo. Trong hai phút sau nếu lời lẽ ấy đúng và có hiệu quả thì lời thú tội của bị cáo sẽ bật ra. Đó là trường hợp muốn cổ-lệ để lấy lời thú tội. Trái lại giai đoạn đầu tiên của cách đặt cạm thì lại mềm dẻo, nhát gừng và thụ động. Ở đây sự quan hệ là nhà chuyên trách càng hỏi ít càng hay và cuối cùng để cho bị cáo nói rất nhiều dù là nói dối đi nữa ta cũng lam ra vẻ tin, vì lời nói dối ấy đã gồm có lời thú tội ở trong rồi. Cử chỉ của nhà điều tra cần phải hững hờ, lạnh nhạt với sự xác định. Phải làm như là bị cáo không phải là một kẻ đáng nghi ngờ trong vụ án. Nhà điều tra cũng phải tránh đừng tỏ ra những cử chỉ gì tìm tòi sự thật trong lời khai của bị cáo, nếu có một vài điểm chi tiết liên quan với cụ thể thì nhà điều tra cần phải làm thế nào để đưa ra và cho đó là những chi tiết không quan hệ với bị cáo. Sự bắt buộc này nếu cần phải dùng đến vài câu hỏi thì nhà chuyên trách làm như uể oải hỏi vài câu với vẻ không nghiêm khắc, rời rạc trên những điểm khác để cho bị cáo không liên tưởng đến những chi tiết mà bị cáo chót khai

Sự nói dối của bị cáo cứ liên tiếp bật ra. Những câu hỏi hững hờ không để ý của nhà chuyên trách đưa bị cáo đến chỗ phải trả lời trong ngày nào, giờ nào, ở đâu, làm việc gì v. v... Cố nhiên là những câu trả lời này sẽ nói không có dính dáng liên can gì đến vụ án cả và từ sự nói dối này phải đi đến sự nói dối khác. Trong buổi thẩm vấn này nhà điều tra cần phải « tế nhị » bản cung sẽ được bị cáo kỳ với cái nét vui vẻ, tưởng rằng đã thoát nạn.

Nhưng không khí biến đổi ngay, nhà điều tra đã bắt đầu qua giai đoạn thứ hai trong cách thẩm vấn cạm bẫy, nhà điều tra, với một cử chỉ nghiêm khắc như một người ngủ mới tỉnh giậy, mời bị cáo ngồi xuống lại, rồi cho bị cáo nghe một tràng dài tất cả những điểm nói dối mâu thuẫn với nhau cùng đem so sánh với tài liệu trong hồ sơ. Lúc này nhà điều tra không rời rạc, hững hờ như trước nữa mà phải hoạt động nghiêm khắc với những câu hỏi ác liệt liên tiếp sỉa vào những điểm nói dối của bị cáo. Các câu hỏi của nhà điều tra cần phải nói ngay sát sạt với câu trả lời của bị cáo. Sự yếu thế và đuối lý của bị cáo đã đưa bị cáo đến chỗ thú tội và nếu dù bị cáo không thú tội đi nữa thì những chứng cớ dối trá ấy có thể tỏ lòng bất chính của bị cáo.

Kết luận. — Những phương pháp hỏi cung trên đây đều căn cứ vào vấn đề tâm lý. Cho nên nhà điều tra, trước hết cần phải hiểu rõ nguyên nhân của sự phạm tội và biết phân tách những tính cách động cơ của mỗi tội trạng, biết nhìn rõ tâm tư của kẻ phạm tội...

Vì vậy chúng tôi xin đưa độc giả nhìn qua đại-cương về vấn đề tội trạng ở mục tiếp theo đây.

Dù sao, những phương pháp trên đây chỉ mới được sơ lược trình bày, chúng tôi mong các độc giả lưu ý đến vấn đề này trong cuốn cảnh-sát khoa-học thực-hành sắp xuất-bản.

VẤN - ĐỀ TỘI-TRẠNG.

Trong xã-hội, mỗi người đều có quyền sống với bản tính thiên nhiên, có quyền tự do phát triển hoạt động và tư tưởng của mình, miễn là đừng có phạm đến quyền sống của người khác.

Người nào thoát ra ngoài khế-ước chung ấy (tức là pháp luật), thì là để làm rối loạn an-ninh của xã-hội, mà pháp luật gọi là phạm tội hay là vi phạm.

Vi phạm có ba hạng :

— Sự vi phạm nào bị luật cảnh-sát trị tội thì gọi là luật « vi cảnh. »

— Sự vi phạm nào bị khinh tội pháp đình xử-đoán thì gọi là khinh tội.

— Sự vi phạm nào bị Hội thẩm pháp đình xử-đoán thì gọi là « trọng tội. »

Hình luật đã dựa vào sự cộng đồng sinh tồn (coexitence) của những yếu tố trong sự vi-phạm để phân loại tội trạng.

Những yếu tố căn bản ấy là : Yếu tố thuộc về pháp luật, yếu tố cụ thể, yếu tố tinh thần.

1 — Yếu tố thuộc về luật pháp .— Trong điều-khoản 4 của hình luật 1810 « Pháp » có ghi « không có sự phạm luật nào tội trạng nào, trong tội nào bị hình phạt mà không bị ngăn cản trước khi xảy ra, trước khi phạm đến ». Có ý nghĩa là : Nếu không có sự ngăn cấm thì không phải là một vi phạm. Và nếu cứ cho đó là một vi phạm thì công lý ấy chỉ là công lý tạm thời xảy trên hảo ý của con người mà thôi.

2. — Yếu tố cụ thể . - Một ý tưởng phạm tội chưa phô diễn ra ngoài thì chưa đủ để gọi là vi phạm. Vì ý tưởng ấy chưa gây ra ảnh hưởng gì quan hệ làm mất trật tự của xã-hội. Nhưng nếu ý tưởng bất lương ấy đã phát lộ ra ngoài bởi một hành vi thì hành vi ấy gọi là yếu tố cụ thể của vi phạm dù là hành vi ấy xác thực hay tiêu cực (Positif hay nécatif.)

3. — Yếu tố về tinh thần .— (Đây là phần rất quan hệ của nhà điều tra.) Yếu tố về tinh thần gồm có 4 điểm :

a – *Ý chí* . – Muốn hay là không muốn, đó là sự tự do chọn lựa của mỗi cá nhân trước khi làm một việc gì : tự-do phạm tội hay bắt buộc phạm tội . . . là một điều quan trọng căn bản của sự luận tội.

b — *Động cơ* . – Tại sao nó đã phạm tội. . . . Ví dụ ta nói « vì tham lam đã làm phạm tội » lòng tham lam là ý muốn và lòng tham lam là động cơ của sự phạm tội. Hay là ta có thể nói : Ý chi là động cơ của hành vi phạm tội.

c Phạm tội tức là hành vi của ý chí. phạm tội thường có trong những trọng tội và ở một vài khinh tội nhưng nó không có ở trong tội khinh xuất. không có trong tội vi cảnh.

d — *Lầm lỗi* . — Chỉ ở trong tội khinh xuất (délits d'imprudence) hay là trong tội sơ xuất (négligence). Vì lầm lỗi cũng là một hành vi phạm tội nhưng không do ý chí tạo nên.

Đó là 3 yếu tố của căn bản phân loại tội trạng và để luận tội. Nhưng đối với nhà chuyên môn cảnh-sát thì chính là để làm căn bản cho cuộc điều tra. Vì căn nguyên của cuộc điều tra đều ở cả trong câu hỏi :

– Tại sao nó đã phạm tội !

không những vậy mà thôi. Nhà điều tra còn cần phải chú ý vấn-đề phụ thuộc nhưng rất trọng-yếu là :

— Tại sao nó đã có ý-tưởng phạm tội ! hay là nguyên nhân của tội ác. Đó là nguồn gốc của vấn-đề tội trạng vậy.

Nguyên nhân của tội ác.— Nguyên nhân của tội ác gồm có nguyên nhân thuộc về xã-hội và nguyên nhân, thuộc về cá thể.

a— Nguyên nhân thuộc về xã-hội.— Người ta tìm hiểu và chứng nhận rằng con người có thể bị ảnh hưởng xấu-xa của hoàn cảnh xã-hội mà trở nên tồi bại. Cho nên ở trong một xã-hội mục-nát, tội ác càng được nẩy nở thêm nhiều. Sự nghèo nàn khốn khó(hay là đời sống không được tổ-chức) ảnh hưởng của nền giáo dục bất chính (phim, tuồng, sách, báo, nhảm nhí độc hại), trạng thái thần kinh thác loạn (gây nên bởi chiến tranh, bởi nhiều chủ nghĩa, bởi nhiều thứ chính-trị táp nham v...v...) sự mãi dâm v.v.. đều là nguyên nhân của tội ác thuộc về xã-hội.

b — Nguyên nhân thuộc về cá-thể. — Là nguyên nhân tội ác do tự cá nhân kẻ phạm tội gây nên. Những kẻ này, phần nhiều hoặc vì điên cuồng, hoặc vì chỉ biết quen sống bằng cách bất lương, hoặc vì khi đẻ ra đã có tư tưởng bất lương rồi, hoặc vì một sự ngẫu nhiên khêu gợi huyết tính xui dục làm việc bất lương.

Tóm lại mỗi ý tưởng phạm tội đều có nguyên nhân cho nên một nhà hình pháp học đã nói « Sự thực hiện nền « an-ninh của xã-hội là một phần lớn phải do ở xã-hội có « những tư tưởng an-ninh. Tư-tưởng ấy chỉ nẩy nở « trong xã-hội khi mà mỗi người cần phải ở trong tình « trạng ít nhất là cũng vừa phải trên sức khỏe, trên ấm no, «trên « hiểu biết. »

Vì vậy vấn đề an-ninh của xã-hội là một vấn-đề xã hội mà công việc chú trọng cần-thiết là vấn-đề giáo dục vấn đề y-tế, vấn đề kinh-tế, phải được tổ chức đều hòa và cơ quan cảnh sát chỉ là một cơ quan hữu trách giữ gìn an-ninh xã-hội trong phạm-vi vật chất cụ thể mà thôi. Vấn-đề xã-hội là vấn đề tinh thần và vấn đề cảnh-sát là vấn đề vật chất, hai vấn đề ấy phải được tổ chức hòa hợp thì mới mong bài trừ được tội ác một cách có hiệu quả.

Động - cơ.— Nguyên nhân đã làm rầy rở ra tư tưởng phạm tội và tư-tưởng là động cơ của sự phạm tội. Vì sao nó giết người ? Vì nó không có nghề nghiệp và nó muốn có tiền, nó giết người để cướp của. Vì nó ghen ghét và sẵn có máu nóng (hay huyết tính), nó giết người để hả lòng căm tức v.v...

Nguyên nhân : Nó không có nghề nghiệp ; máu nóng..
Tư tưởng : Nó muốn có tiền, ghen ghét.
Động cơ : Cướp của ; hả lòng căm tức.
Vi phạm : Giết người ; giết người,

Cho nên theo thứ tự những vụ án thường xẩy ra người ta phân tách ra những động cơ của tội lỗi như sau (nhưng chưa phải là tuyệt đối) :

Cần tiền (trộm, cắp, cướp, lừa đảo.)
Trả thù (vì lòng tự ái, căm hờn, danh vọng,)
Ganh ghét (địa vị, tình cảm,..)
Giận giữ (phạm tội một cách ngẫu nhiên,,.)
Say sưa (phạm tội trong lúc mất trí óc..,)
Lười biếng (âm mưu làm việc dễ và có lợi nhiều)v.v.

Những hạng người phạm tội .— Không những nhà điều tra phải biếtthế nào là phạm tội,phân biệt tội trạng nặng nhẹ như thế nào, những yếu tố căn bản của tội trạng là gì, những nguyên nhân của tội lỗi ở đâu mà ra, và do đâu có động cơ đưa đến sự phạm tội, nhà điều tra cũn

cần hiểu qua những hạng người bất lương để có đủ những yếu tố căn bản trong việc điều tra các vụ án.

Những kẻ phạm tội chia ra làm 3 hạng : hạng đạo-tặc hay là hạng bất lương nhà nghề, hạng sát nhân và hạng trộm cướp.

1 — **Hạng đạo tặc** — Những kẻ này họp thành bọn, nếu không phải là bọn người ô hợp gồm những kẻ vô lại, sống du đãng thì cũng là một hạng người không bao giờ cố gắng để làm một việc gì hữu ích cho xã-hội. Hạng người này có những hành vi hiểm độc, phá hoại xã-hội, mà công việc của chúng toàn là những mưu cơ thủ đoạn để mưu sống. Hạng người này phần nhiều là những kẻ đã tái phạm nhiều lần tội lỗi, hạng cặn bã của xã-hội mà ta thường gặp ở những nơi chứa bạc, nhà thổ, quán rượu, tiệm nhảy, những nơi hang cùng ngõ hẻm của tất cả những thú vật nhục đê hèn. Bản tính của hạng này là thường hay khoe khoang, tự đắc, ăn tiêu phung phá khi phát tài sau một việc bất chính, ăn mặc đàng điếm và lòe loẹt khó trông, đánh bạc, uống rượu, tin dị đoan (vì lòng của chúng bao giờ cũng ngơm ngớp lo sợ) hay trổ hình trên da thịt, không động lòng trước sự đau khổ của đồng loại...v.v...

Hạng người này thường hay tổ chức riêng một xã hội sống hiểu biết nhau trong tình đồng nghiệp vô luân thường đạo lý ấy. Chúng có một quy luật là giữ gìn sự im lặng trong sự hiểu biết của nhau. Cho nên trong lúc bị bắt chúng nó ít khi tố cáo nhau.

Hạng đạo tặc này chia làm hai loại :

a.— **Loại cao đẳng đạo tặc** Là hạng có nhiều mưu chước quỷ quyệt, sống lẩn lút trong những hạng người giầu sang quý phái. Chúng cũng có một bề ngoài quý phái, học thức, nhưng chỉ thiếu căn bản luân lý mà thôi. Chúng ăn nói cho

chảy, mồm mép hoạt bát để có thể xông pha vào tất cả mọi giai cấp thượng lưu của xã hội. Hạng đạo tặc này có những kẻ đồng lõa mà phần nhiều là những người hầu hạ trong các gia đình quý phái, những người làm trong các tiệm café, tiệm nhảy v.v. .. Ở các nước văn minh hạng cao đẳng đạo tặc này là một hạng bất lương rất nguy hiểm.

b — **Loại hạ đẳng đạo tặc.** — Là hạng đạo tặc gồm những phần tử ngu dốt, đần độn, thô lỗ, tàn ác, chúng thường hành động với những mưu chước tầm thường thiếu óc thông minh. Bọn này hay sở trường những cách hành động mà tay có mang khí giới Chúng thường là những kẻ sinh ra đã bất lương, những kẻ quen phạm tội, những hạng thợ thuyền lao động bị thất nghiệp v. v. . . (Những vụ án xảy ra nếu nhà điều tra minh mẫn thì có thể xét đoán ngay thủ phạm thuộc về hạng nào).

2 — **Hạng sát nhân.** — Hạng sát nhân cũng chia ra làm hai loại :

a — Loại giết người trong trường hợp ngẫu nhiên. Hạng người này không phải là hạng bất lương mà là hạng giết người vì sự nóng giận, sự ghen tuông, sự say rượu v. v. . . Hạng người này không nguy hiểm và thường khám phá ra được dễ dàng.

b — **Hạng ám sát.** — Đó là một hạng sát nhân rất nguy hiểm. Sự giết người của hạng này khi nào cũng có sự tính toán, đặt mưu kế, chờ đợi cơ hội thuận tiện, mai phục để giết người. Trong những vụ án này nhà điều tra cần phải biết rõ động cơ của hành động. Vì sao phải giết người ?

3 — **Hạng trộm cắp.** — Hạng trộm cắp chia ra làm nhiều hạng chuyên môn như :

a — **Móc túi.** — Là những kẻ cắp hoạt động trong những đám đông người, chúng có những ngón tay vô cùng nhanh lẹ để móc những đồ vật trong túi của kẻ khác. Bọn này thường được tổ chức từng bọn ở một vị trí có khi nhất định như ở chợ, ở ga xe lửa, ở bến tàu, ở vỉa hè, ở chợ phiên v. v. . . Chúng chia nhau mỗi đứa một nhiệm vụ như : làm cho kẻ bị cắp không để ý đến đằng sau, chuyền đồ vật đã đánh cắp được, vờ vịt để đánh tháo cho đồng nghiệp khi đã bị bắt quả tang v. v. . .

b — **Sự lừa lúc không để ý giật chạy hay để đánh cắp.** — Đó là một phương pháp của bọn cắp, chúng chia nhiệm vụ cho nhau : đứa thì vờ vịt gây chuyện hay mua hàng, đứa thì đánh cắp, đứa thì chuyền đồ vật đã đánh cắp được để tẩu thoát.

c — **Đánh tráo.** — Kẻ cắp vào nhà hàng mua một món hàng rẻ tiền và đưa tờ giấy bạc lớn để lấy tiền trả lại. Nhưng hắn đã đút lại tờ giấy bạc lớn vào túi nó một cách rất kỳ diệu mà người bán hàng tưởng rằng đã thu tờ giấy bạc lớn ấy và bỏ vào ngăn kéo rồi.

d — **Sự trộm cắp bằng cách đánh thuốc mê.** — Cho kẻ khác uống hoặc ngửi thuốc mê rồi đánh cắp.

e — **Mở cửa vào nhà người khác để trộm.** — Kẻ trộm chuyên môn mở nhiều thứ khóa, cạy cửa trong lúc chủ nhà đi vắng để vào lấy trộm.

g — **Những kẻ oa trữ những vật lấy cắp.** — Oa trữ đồ vật lấy cắp, lấy trộm cũng đồng tội như kẻ cắp, kẻ trộm. Nhờ bọn này mà bọn đạo tặc có chỗ tiêu thu được những vật đã cắp trộm, cướp được.

h — **Những kẻ lường gạt.** — Những kẻ này chuyên môn dùng những mánh khóe bịp bợm để lường gạt người khác lấy lợi. Có nhiều cách lường gạt, lường gạt trong sự mua bán, lường gạt bằng cách bán đồ giả mạo v. v. . .

Tóm lại tất cả những loại chuyên môn trộm cắp lường gạt rất dễ khám phá vì nhà điều tra đã có sẵn sàng một tủ hồ sơ của kẻ này, ở sở cảnh sát mà trong ấy đã có ghi rõ ràng từng nghề chuyên môn của kẻ phạm tội. Hạng bất lương này thường quen biết thân mật với nhau trong từng ngành.

Kết luận. — Vấn đề tội trạng rất ích lợi cho một nhà điều tra. Nhờ sự hiểu biết này mà nhà điều tra căn cứ vào để đặt một chương trình hành động để truy tầm thủ phạm trong các vụ án, tùy từng trường hợp tính cách của nó. Dưới đây là những điểm về tâm lý của kẻ phạm tội :

Tất cả những nhà hình pháp học đều cho rằng phần đông những kẻ phạm tội đều còn trẻ tuổi và hay hoạt động trong phạm vi nghề nghiệp cũ của chúng. Những hạng người này sống vòng quanh bọn gái giang hồ, cho nên sự giao thiệp mật thiết của bọn gái giang hồ là một điều đáng chú ý cho nhà điều tra. Người ta thường lưu ý bọn trai tiêu tiền như nước chung quanh bọn gái giang hồ. Sự tiêu tiền rộng rãi xa phí ấy là tính nết của bọn người chỉ biết có ngày hôm nay và không biết đến ngày mai. Bọn người ấy có thể phạm tội rất dễ dàng.

Những kẻ phạm tội vì thù oán, ganh ghét, thì thường hay có những cử chỉ bộc lộ ra ngoài, đó là những yếu-điểm mà kẻ phạm tội tự tố cáo mình.

Kẻ phạm tội nguy hiểm nhất và khó khám phá nhất là những kẻ phạm tội nhất thời, kẻ này làm việc sau khi suy nghĩ kỹ càng và rất gan dạ bình tĩnh ; những kẻ phạm tội chuyên môn rất hèn nhát, khi đã nhận thấy không chịu đựng nổi (hoặc về vật chất, hoặc về tinh thần) thì sự sợ sệt rối loạn lại càng tăng lên gấp bội.

Giáo-sư LOMBROSO nói : Những kẻ phạm tội chuyên môn phần đông ở trong một giai cấp dưới xã-hội, phần đông có những nét mặt hung hăng, tính nết của họ đều được bộc lộ ra ngoài bằng cách ăn mặc, nói năng, v.v.

VẤN-ĐỀ LƯỢM TIN VÀ THEO RÕI

Trong công cuộc điều tra, vấn đề lượm tin cũng là một vấn đề cần thiết. Có hai cách lượm tin : lượm tin công khai và lượm tin bí mật.

Lượm tin công khai là khi nhà điều tra nhận thấy sự công khai không có hại gì cho cuộc điều tra. Vì vậy nhà điều tra có thể đến tận nơi để đưa giấy chứng nhận nhiệm vụ mình mà gạn hỏi, thu thập tài liệu và những điều cần thiết muốn biết. Hay là mời kẻ mình muốn hỏi về phòng giấy

Nhưng cũng có trường hợp sự dò xét lượm tin cần phải ở trong bí mật, thì sự lượm tin cần phải thi hành một cách khôn khéo.

Nhà điều tra muốn tự xưng mình là một người thợ điện, một thanh tra của sở vệ sinh, một kẻ bán hàng ư... Nhà điều tra có thể muốn tự xưng là một hạng người gì cũng được nhưng cần thiết là :

Kẻ gian có biết mặt nhà điều tra không ?

Nhà điều tra có lành nghề, có biết những điểm quan-hệ của nghề ở hạng người mà nhà điều tra tự gán cho mình không. Ngôn ngữ, cách ăn mặc, điệu bộ của nhà điều tra phải thế nào ? v. v ...

Những điều kiện cần phải có — Tùy từng trường hợp, từng hoàn cảnh mà nhà điều tra cần phải thay đổi bề ngoài của một tầng lớp giai cấp (nghĩa la có thể là thợ thuyền, thầy ký thương mại v...v... đều kỵ nhất của nhà điều tra là « trá hình » như đeo râu giả, tóc giả v. v., vì sự trá hình ấy không thể nào che mắt nổi thế gian, thật là buồn cười khi bộ râu giả rơi ra . . . đó là một phương pháp cảnh sát từ thế kỷ thứ XVIII mà hiện giờ không đâu dùng nữa). Phải có những điều kiện bề ngoài ấy (ví dụ làm một người thợ thì phải có loại áo quần thợ thuyền, ngôn ngữ thợ thuyền, cử chỉ thợ thuyền v...v..)

Lấy tin ở đâu .— Tùy theo vụ án, nhưng, những người chung quanh vụ án như : kẻ thù, bạn bè, bà con, người làm, nhân tình v...v.., nghĩa là tất cả mọi người có liên quan đến nạn nhân đều được điều tra. Ngoài ra còn cần phải dò xét bọn người ở trong địa phương ấy.

1 — Một người lạ trong các ngành hoạt động, ví dụ một người không phải trong nghề buôn bán, lại hay lẫn lộn giao thiệp trong nghề buôn bán.

2 — Vô nghệ nghiệp, vô gia cư nhưng mực sinh hoạt sung túc.

3 — Những người không để ý để tâm trí vào nghề của mình.

4 — Ăn mặc không nhất định, có khi thật sang, có khi thật hèn.

5 — Cách sống không hợp với người, chẳng hạn người yếu ớt mảnh khảnh, dáng điệu nhẹ nhàng mà làm nghề lao động như đạp xích lô, phu khuân vác v...v,..

6 — Đi về bất thường.

7 — Bộ điệu lấm lét, không yên ổn.

8 — Hay thay đổi chỗ ở v . . , v ,..

Kiểm soát nguồn tin. — Nhà điều tra không khi nào tin tưởng vào một nguồn tin được mà phải so đọ nhiều nguồn tin và xét xem có phải từ một nguồn gốc ma ra không? Trong công việc này nhà điều tra cần phải bền trí sáng suốt dò từng chi tiết để tìm lần đến nguồn gốc của nó để biết thật dối.

Theo rõi. — Nhà điều tra nhiều khi cần phải theo rõi một người, hoặc là vì: người ấy là thủ phạm nhưng ta chưa dò tìm đủ bằng chứng, hoặc là muốn bắt được cả đồng đảng của nó, hoặc là người ấy mới là một kẻ đáng nghi ngờ của ta v.v...

Nha điều tra theo rõi để biết rõ hành động, những chỗ giao thiệp, những nơi thường đi lại của người ấy. Nhưng vấn đề theo rõi không phải là vấn đề dễ dàng như chúng ta tưởng mà là vấn đề rất tế nhị và phức tạp.

Những điểm quan hệ:

a — Phải giữ thế nào để không ai biết ta theo ai.

b — Coi chừng mất hút kẻ định theo.

c — Tất cả những dáng điệu, và cử chỉ lời nói của kẻ bị theo, cần phải được ghi chép.

d — Những người, những nơi mà kẻ bị theo ghé vào hoặc trò chuyện đều phải ghi chép: chỗ nào, khi nào, cách nói thế nào, câu nói thế nào (nếu có thể) v.v...

e — Ghi chép hình dạng người bị theo (chân dung nói.)

g — Biết cách liên lạc mật thiết với đồng sự v.v...

Sự theo rõi có khi không cần giữ bí mật mà trái lại cần để cho kẻ bị theo biết. Đó là một cách đánh đòn cân não kẻ bị theo....

Ta cần phải nói: theo rõi là một kỹ thuật rất tế nhị và muôn mặt mà nhà điều tra cần phải qua một thời kỳ kinh nghiệm trong nghề mới đạt nổi sự điêu luyện của nó (xin xem cuốn cảnh-sát khoa-học thực-hành).

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

CHƯƠNG THỨ TƯ

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

VẤN-ĐỀ TỔ-CHỨC VÀ HUẤN-LUYỆN

Cuốn sách này chỉ có một mục đích là đưa lại cho độc-giả một « ý-tưởng » mà thôi. Vì vậy tất cả mọi vấn-đề đều chỉ phác sơ qua những điểm đại-cương.

Cho nên trong mục « Vấn-đề tổ-chức và huấn-luyện » này chúng tôi chỉ xin lược khảo ra đây tổ-chức cảnh-sát của một vài nước tiên-tiến ở Âu-châu mà trong ấy họ đã điều-hòa được những sự cần thiết để cung ứng sự đòi hỏi của Cảnh-sát khoa học.

Sự trả lời khẩn cấp của báo động. — Sự cần thiết của cảnh-sát là phải tổ-chức thế nào cho sự trả lời báo động được thi hành một cách chớp nhoáng. Ta kể vài tỷ-dụ ở các nước Âu-Mỹ: « Hồi 4 giờ 55 ở trong một cửa hàng đường X... số 348 có hai người lạ mặt vào đưa súng bắt tất cả nhân viên trong cửa hàng đưa tay lên trời, áp mặt vào tường, trong khi ấy một người khác mở tủ để vơ vét tiền bạc. Một nhân viên của nhà hàng đứng ở cửa sau, thấy vậy gọi giây nói ra sở Cảnh-sát. Tiếp được tin, văn-phòng sở Cảnh-sát kêu gọi trên vô tuyến truyền thanh, những chiếc xe đi rông của Cảnh-sát trong khu vực ấy « Xe số 5... xe số 5... một vụ cướp có súng ở nhà số 348 đường X... xe số 5... xe số 5... một vụ cướp có súng ở nhà số 348 đường X... » Chiếc xe số 5 của Cảnh-sát có nhiệm vụ đi rông ở trong khu vực đường X... đến ngay số nhà 348 và xông vào đưa súng bắt hung-thủ dơ tay lên. Tất cả từ lúc xẩy ra cho đến lúc hung thủ bị bắt chỉ có 1 phút 26 giây. Nhưng đó không phải là nhanh nhất đâu mà thường thường chẳng hạn như ở LOS ANGELÈS một trăm vụ thì chỉ có sáu mươi vụ là quá thời gian 1 phút còn 40 vụ thì bao giờ cũng dưới thời gian 1 phút. Vụ có tiếng nhanh nhất là ở Détroit nước Mỹ chỉ có 20 giây mà thôi.

Một vụ khác : một người thợ ở Nữu-ước trong cơn ghen đã giết vợ và anh vợ trong căn phòng của anh ta ở. Một nhân viên Cảnh-sát chạy đến trong lúc kẻ sát nhân nhảy lên xe và xe bắt đầu chạy. Nhân-viên Cảnh-sát biên số xe và gọi giây nói cho văn-phòng Cảnh-sát cục. Vô tuyến truyền thanh ở văn-phòng chỉ huy lại kêu gọi các xe rông của Cảnh-sát ở dọc đường và 15 phút sau hung-thủ bị bắt cách chỗ ở của anh ta 30 cây số.

Đó là sự hiệu nghiệm của vô tuyến truyền thanh đã cho sự trả lời của báo động được chớp nhoáng. Tất cả các nhân viên Cảnh-sát đi tuần ở dọc đường đều có sự liên lạc mật thiết chớp nhoáng với văn phòng Cảnh-sát cục. Mỗi chiếc xe rông của Cảnh-sát hoạt động bởi sự chỉ huy của văn-phòng Cảnh-sát cục. Cảnh-sát cục cũng như là một bộ óc, vô tuyến truyền thanh là một giây thần kinh hệ và Cảnh-sát đi rông ở ngoài đường cũng như tay chân, mặt mũi của bộ óc vậy. Ở Cảnh-sát cục còn sẵn sàng luôn luôn những ban cấp cứu để tiếp viện thêm cho các nhân viên Cảnh-sát ở dọc đường trong những trường hợp nguy cấp, những ban này được võ trang và sẵn sàng có xe tốc lực nhanh ; Ban cấp cứu hay ban thường trực này gồm có ban chữa lửa, ban cấp cứu nạn nhân mà trong ấy có đủ các nhà bác-sĩ y khoa và các nhà điều tra chuyên môn.

Cho nên thời gian là một điểm hết sức quan trọng của khoa học Cảnh-sát. Sự chớp nhoáng trả lời báo động là một sự cần thiết tính về thời gian. Một cơ quan Cảnh-sát chỉ cần tổ chức thế nào để trả lời được nhanh chóng chớp nhoáng những sự kêu cứu của xã-hội.

Ngành truy-tầm kẻ phạm tội trong tổ-chức Cảnh-sát của một thành phố lớn ở Âu-châu

I. — Bốn yếu tố thành công của một nhà điều tra là : có tư tưởng xã-hội, có huấn luyện, có kinh nghiệm và cố gắng.

II. — Phận-sự của một nhân viên Cảnh-sát là biết tìm đủ mọi phương cách để phòng ngừa sự phạm tội và truy tầm kẻ phạm tội.

Đó là hai yếu điểm căn bản để tổ chức một cơ quan Cảnh-sát.

Sự tuyển lựa nhân viên. — Muốn trở thành một nhân viên điều tra chính thức của ngành « truy tầm kẻ phạm tội » (Criminal Investigation Departement) thì trước tiên phải qua một thời gian làm việc ở dọc đường (tức là Cảnh-sát mặc nhung phục gác giữa đường) và khi đã có những bằng cớ tỏ ra có năng lực và đức hạnh thì được bổ dụng vào ngành « truy tầm kẻ phạm tội » nhưng phận sự cũng chỉ có : ngăn ngừa sự phạm tội như dẹp một đám đánh nhau ở quán rượu... hay đi vây bắt thủ phạm khi có lệnh.. (trong lúc này vẫn phải mặc nhung phục). Sau một thời kỳ làm việc và tỏ ra đắc lực thì nhân viên này được chọn cho theo học lớp huấn luyện 10 tuần nhật về hình pháp và phương pháp truy tầm.

Sau thời kỳ huấn luyện, nhân viên này được dự kỳ sát hạch và phải có ít nhất 75 điểm mới được bổ dụng ra tập việc trong kỳ hạn 10 tháng để trở nên nhà điều tra chính thức. (Détective Constable) và được mặc y phục thường.

Ngoài ra còn những khóa học để huấn luyện nhân viên điều tra trở thành thẩm sát viên và thẩm sát viên trở thành quận-trưởng, với những điều kiện chọn lựa rất khó khăn: học lực, khả năng, đức hạnh, sức khỏe v. v...

Tổ - chức ngành « Truy tầm kẻ phạm tội ». —

Ngành này đặt dưới quyền của một giám-đốc và ông này thuộc dưới quyền ông giám-đốc Công-an và Cảnh-sát trung ương. Theo lệ thường thì ông này phải là một nhà hình-luật rất điêu-luyện (bằng cấp tiến sĩ luật học)

có một sự kinh nghiệm bao quát về cả lý thuyết và thực hành. Dưới quyền ông này có ông phó giám đốc.

Tổ chức của «ngành truy tầm kẻ phạm tội» chia làm hai ban :

1. — Một ban chuyên môn về các vụ án và truy tầm kẻ phạm tội.

2. — Một ban đặc biệt có nhiệm vụ :

a) Giữ gìn an-ninh cho các nhân viên cao cấp của chính-phủ.

b) An ninh quốc gia.

c) Kiểm soát các bến tàu.

d) Kiểm soát các ngoại kiều.

Hoạt động của ban này không riêng gì ở Kinh-đô mà ở cả toàn quốc nhất là ở trên những bến tàu (ban này ngoài phạm vi cuốn sách này, nên xin miễn trình bày). Mỗi ban đều đặt dưới quyền điều khiển của một trưởng-ban hay giám-đốc chỉ huy.

Ban chuyên môn (hay ban trùng-ương) chia ra làm nhiều tiểu ban đặt dưới quyền điều khiển của ông giám-đốc hay là trưởng ban.

Tiểu ban I. — Quan trọng nhất đặt dưới quyền quận trưởng chuyên cấp (Détective Super intendent). Tiểu ban này chuyên nghiên cứu các vụ án quan trọng. Những vụ án mà nhà chuyên trách địa phương kêu gọi sự giúp đỡ của ban trung ương những vụ án có tính cách quốc tế như buôn lậu, bạc giả v.v... Dưới quyền ông quận-trưởng chuyên cấp này có 8 quận-trưởng chính ngạch (Chief Inspectors) có nhiệm vụ đi điều tra những vụ án ở các nơi kêu gọi sự giúp đỡ. Dưới ông quận-trưởng chính ngạch này còn có 100 nhân viên khác gồm có quận-trưởng(Inspector)thẩm sát viên (Sergeant) và nhân viên thường (Constables). Tiểu ban này lại có cả đội «lưu-động» (Flying Squad) với một đoàn xe tốc lực nhanh.

Đội « lưu động » này gồm có những nhân viên chuyên môn bao quát tất cả những tính cách riêng của vụ án. Hoạt động của đội « lưu động » bao trùm tất cả kinh-đô và các tỉnh, một cách rất kín đáo :

Tiểu ban II. — Có phận sự nhận những báo cáo đơn từ về những vụ án, truyền tịn, truyền mệnh lệnh cần thiết đi cho các ban khác, nhân viên gồm có một quận trưởng chính ngạch, hai quận trưởng, ba thẩm sát-viên và bẩy nhân viên thường đặt dưới quyền điều khiển của một quận trưởng chuyên cấp.

Tiểu ban III. — Nhiệm vụ trông nom phòng thí nghiệm, tủ thẻ dấu tay, đến khám xét nơi sảy ra vụ án với tính cách là nhà chuyên môn (chụp hình, lấy dấu tay, tìm dấu vết nơi xảy ra vụ án) phân chất và phân tách các tài liệu truy tìm được. Nhân viên gồm có một quận trưởng chính ngạch, 11 quận trưởng, 32 thẩm-sát viên và 23 nhân viên thường đặt dưới quyền 1 quận trưởng chuyên cấp.

Tiểu ban này còn có bổn phận nghiên cứu những phương pháp mới của khoa học cảnh sát, giám định những tài liệu để đưa ra tòa án làm dẫn chứng.

Tiểu ban IV. — Gọi là tiểu ban « Hình sự ký lục tập » (Criminal Record Office) có nhiệm vụ lưu trữ các sự kiện về những vụ án trong nước và mọi vụ án được ghi chép tất cả những chi tiết về phương pháp truy tầm, về hành vi lý lịch, tánh tình có thay đổi hay không từ khi thủ phạm gây ra tội trạng, đời tư của thủ phạm cho đến ngày được thả ra .v.v.. Những chi tiết của những vật mất trộm, những vật mất ấy hình dáng như thế nào, giá trị thế nào, mất ngày nào, ở đâu, của ai, tìm ra ngày nào, tìm ra ở chỗ nào, ở đâu, trong trường hợp nào hay là chưa tìm ra v. v...

Tiểu ban này giữ việc xuất bản một tờ nhật báo gọi là « cảnh-sát công-báo » (Police Gazette) để gửi đi khắp các cơ quan công an và cảnh sát. Tờ báo này gồm có những tài liệu truy tầm kẻ phạm tội đang tẩu thoát, những vật mất trộm chưa tìm ra, những người bị mất tích, những chi-tiết của những thi thể vô thừa nhận đã tìm ra, những tin tức về các kẻ phạm tội chuyên môn được phóng thích, những vụ án vừa mới xử xét v. v... Ngoài ra còn có một tờ báo có tính cách « mật » chuyên về việc truyền tin : những phương pháp mới phát minh ra, những tài liệu để truy tầm một kẻ phạm tội đang tại đào v. v....

Tiểu ban này gồm có một quận trưởng chính ngạch, 8 quận trưởng, 27 thẩm sát viên, 43 nhân viên thường đặt dưới quyền điều khiển của một quận-trưởng chuyên cấp.

Tiểu ban VI. — Chuyên môn điều tra và giám định những thứ giả mạo như bạc giả, thuốc giả v. v...

Một phòng thí nghiệm do một bác-sĩ khoa học điều khiển và dưới quyền có nhiều nhân viên chuyên-môn và những nhà hóa học và bác học danh tiếng. Phòng thí nghiệm chuyên việc nghiên cứu các tài liệu mà nhà điều tra mang về và trả lời cho nhà điều tra những điều mà nhà điều tra cần muốn biết về tài liệu ấy. Nói tóm lại phòng thí nghiệm là một phòng cố vấn chuyên môn trên tất cả các phương diện cho các nhà điều tra.

Đây là mới nói sự phân chia nhiệm vụ ở trung ương cục. Ngoài ra mỗi quận cảnh binh, mỗi khu lại có mỗi chi nhánh của ngành « truy tầm kẻ phạm tội » đặt dưới quyền những ông quận trưởng hay thẩm-sát viên tùy theo phạm vi quận ấy hay khu ấy rộng hẹp, dân cư đông đúc hay ít.

Mỗi quận mỗi khu lại có xe đi tuần, trên xe có máy vô tuyến truyền thanh, thu và phát, để có thể liên lạc dễ dàng được với trung ương cục. Những xe này ngoài phận sự đi tuần, lại có nhiệm vụ thi hành mệnh lệnh của tiểu ban II và đưa những tin nguy cấp về cho tiểu ban II.

TRƯỜNG HUẤN-LUYỆN CẢNH-SÁT KHOA-HỌC NƯỚC PHÁP.

Trường học này cũng có tính cách ngang hàng với các trường học khác, chia làm hai lớp :

— Lớp Cao Đẳng.

— Lớp Dự Bị.

Các giáo sư là những nhà bác học lành nghề ở trong các ngạch của những cơ quan công an và cảnh sát nước Pháp.

Học sinh tốt nghiệp ở lớp cao đẳng được bổ nhiệm ra làm quận trưởng ở các cơ quan công an và cảnh sát. Học sinh tốt nghiệp ở lớp dự bị được bổ nhiệm ra làm thẩm sát viên.

Lớp cao đẳng được huấn luyện trong 11 tháng, 8 tháng học ở trường và 3 tháng tập việc ở trong các cơ quan công an và cảnh sát. Điều kiện vào học lớp cao đẳng là phải có bằng cấp cử nhân luật học hay là những bằng cấp tương đương và phải qua một kỳ sát hạch, tuổi từ 21 đến 26 có sức khỏe và hạnh kiểm tốt.

Lớp dự bị được huấn luyện bằng cách thực hành trong 3 tháng. Điều kiện vào học phải có bằng cấp tú tài hay bằng cấp tương đương và cố nhiên cũng phải qua một kỳ sát hạch, tuổi từ 21 đến 25 có sức khỏe và hạnh kiểm tốt.

Thường thường những học sinh này được tuyển dụng vào các ngạch nhân viên công an và cảnh sát rồi mới vào lớp huấn luyện.

Sau khi tốt nghiệp các học sinh được ra làm việc nhưng phải trải qua m t thời kỳ tập việc.

Chương trình học của hai lớp đều giống nhau, nhưng ở lớp dự bị thì các môn học đều hướng về thực hành không mà thôi, học sinh bắt buộc ở trường trong thời kỳ học tập.

Chương trình học gồm có :

1 — Một lớp chuyên môn gồm có :

a— Cảnh sát tư pháp (police judiciaire).

b— Trị an (sécurité publique)

c — Tình báo (renseignements généraux).

d— Kiểm soát lãnh thổ (surveillance du territoire).

2— Cương yếu về lịch-sử cảnh-sát.

3— Kỹ thuật điều tra.

4— Trắc định nhân loại, chân dung nói, khoa-học dấu tay, phương pháp tìm dấu vết.

5 — Thực hành phương pháp thí nghiệm, liên quan đến khoa-học cảnh-sát.

6— Lớp học hình pháp, dân pháp, hành chính pháp, hiến pháp.

7— Diễn giảng về đạo đức và tinh thần của một nhân viên cảnh-sát và công-an.

8 — Diễn giảng những vấn đề chính trị, kinh tế,

9 — Diễn giảng về các vấn đề chính trị liên can đến khoa-học cảnh-sát như : tài phán pháp y khoa, tâm lý tội trạng học v.v...

10 — Thực hành các môn lái xe hơi, xe máy đầu, tập bắn các thứ súng.

11 — Thể thao, các môn võ chiến đấu và tự vệ.

NHỮNG DỤNG-CỤ TỔ-CHỨC THÍ-NGHIỆM

— Dụng cụ lấy dấu tay, dụng cụ đo người.

— Những tủ ngăn để đựng thẻ, hồ sơ, dùng nhất định trong phòng thí nghiệm.

— Một bộ máy ảnh và 4 ghế ngồi để chụp ảnh những người bị bắt, một máy ảnh dùng đem đi lại, một máy ảnh trắc giác (appareil métrique) để chụp quang cảnh nơi xảy ra vụ án, hai cái đèn chiếu và một máy ảnh thật tốt để chụp lại những tài liệu đang nghiên cứu (microphoto graphique).

— Những dụng cụ và chất hóa học.

— Hai buồng tối để dùng về việc ảnh (đầy đủ để nghiên cứu những khi cần đến).

— Một kính hiển vi hai mặt thật tốt và những chất bột phản-ứng để phân tách những dấu vết.

— Một phòng máy chiếu quang tuyến tử ngoại (une installation de rayons ultra violets) với đèn gallois và một máy ảnh riêng để chụp tài liệu khi chiếu ra.

— Thuốc màu bột và nước để làm những vết mờ hiện lên (colorants en poudres et liquides pour la révélation des empreintes).

— Một khúc gỗ (phương pháp stockis) để dùng lấy dấu bàn tay.

— Những dụng cụ dùng đem những dẫn chứng từ chỗ xảy ra vụ án về phòng thí nghiệm.

— Những dụng cụ để đi khám nghiệm những vụ án (Trousses pour les opérations sur les lieux).

— Một phòng tàng trữ những tài liệu mà phòng thí nghiệm đã tìm xét ra. Những tài liệu này rất có ích cho sự thí-nghiệm về sau.

Ngoài ra còn có thứ máy tối tân đã đem cho giới cảnh sát nhiều kết quả khả quan như :

— Projecteur pour la police criminelle..... để thế cho Microscope comparateur.

— Máy Internoscope để xem xét nòng súng và chụp ảnh nòng súng.

— Máy Episcope cobiwe : để dùng trong công việc giám định những tài liệu bằng giấy tờ.

— Máy alpa reflex để chụp những vết, dấu và những tài liệu cần thiết.

— Đèn Vood dùng để phân chất và phân tách mọ thứ dẫn chứng cần thiết.

— Máy Belénographe để truyền tin «dấu-tay» bằng vô tuyến điện

Nếu có thể phòng thí nghiệm nên mua những máy ấy.

Tuy vậy một nhà cảnh-sát lành nghề có thể dùng nhiều thứ dụng cụ rất thường để thay thế các thứ máy, các chất hóa học, mỗi khi thiếu dụng-cụ tối tân.

Để kết thúc tập sách nhỏ này, chúng tôi xin trích ra đây một phần trong bài «diễn giảng» của chúng tôi trong một buổi nói chuyện giữa một nhóm anh em công an và cảnh sát ngày 29-12-2951 về vấn đề công-an và cảnh sát...

LẬP THIỆN PHÁP

Hay là Vấn-đề căn-bản của tổ-chức Công-An và Cảnh-Sát

Thưa các bạn.

Hôm nay tôi dám đem ra bàn vấn-đề LẬP THIỆN PHÁP với các bạn, nhất là trước các nhà cầm quyền chuyên môn trong ngành cảnh-sát và công-an có mặt tại đây, thật là một điều táo bạo. Nhưng, nghề chuyên môn cũng vậy, mỗi người một ý hướng, mỗi phần hiểu biết khác nhau. Huống gì Quốc gia đang ở trong tình-thế phức-tạp này, tôi nghĩ rằng : mọi người ai cũng cần phải nghiên cứu, phải tỏ bày phần hiểu biết của mình để cùng nhau trao đổi ý kiến, tập hợp ý kiến, chọn lọc lại những điều tinh hoa, hòng lo công việc chung, để bồi bổ xây đắp Quốc-Gia một ngày cường thịnh.

Tôi xin phép các bạn vào đề :

LẬP THIỆN PHÁP là gì ?

LẬP THIỆN PHÁP là phương pháp làm cho phong tục thuần thục, chữ Pháp gọi là «POLICER».

Qua bốn ngàn năm lịch sử dân tộc Việt-Nam sống hoàn toàn trên nền luân-lý Khổng-Mạnh, phép vua tôi, nghĩa thầy trò, tình cha con, anh em, vợ chồng, bạn bè xa gần, đều cư sử ăn ở với nhau trên trung hiếu tiết nghĩa, thêm nữa, đạo Phật đã đưa dân tộc gần thiện lánh ác.

Nền đạo lý ấy đã đưa dân tộc Việt-Nam sống trong một phong tục thuần tuý, đến nỗi ba bốn ngàn năm lịch sử ta không thấy một cơ quan nào của nhà cầm quyền mà gọi là có tính cách chuyên môn về công-an và cảnh-sát.

Họa chăng hằng trăm năm mới xảy ra một vài vụ án quan trọng mà các quan cai-trị địa phương không cần phải chuyên môn tài giỏi gì về công-an hay cảnh-sát cũng có thể tìm ra, vì đã có dân chúng làm hậu thuẫn.

Đạo-lý đã làm cho mọi người có bổn phận tố cáo tội ác và ngay kẻ phạm tội cũng bị ảnh hưởng của đạo lý, cho nên sau khi làm tội ác, bị lương tâm cắn rứt, hoặc tự thú nhận tội lỗi, hoặc đổ điên đổ rồ tự tố cáo mình mà dân chúng cho là oan hồn xui khiến như vậy.

Ngày nay sau những cuộc biến đổi đã làm cho nền đạo lý ngàn xưa xụp đổ. Thực vậy, chúng ta không thể ví với các nước cấp tiến văn minh mà nói rằng vật chất tiến nhanh đến nỗi tinh thần không theo kịp, mà chúng ta phải tự phàn nàn ràng vật chất chưa tiến mà tinh thần đã xụp đổ chỉ vì những tư tưởng ngoại lai ác hại.

Vì thế nên tôi nêu ra vấn đề công-an và cảnh-sát dưới danh từ «LẬP THIỆN PHÁP».

Vì với nghĩa LẬP-THIỆN cho nên chế độ công-an và cảnh-sát nó phải thay đổi rất nhiều khác hẳn với chế độ công-an và cảnh-sát của thời đại qua. Không phải vì thế mà thôi, mà một nước độc lập cần phải có một chế độ công-an và cảnh-sát hợp với nghĩa hai chữ ĐỘC LẬP.

Như trên tôi đã nói LẬP THIỆN PHÁP là phương pháp làm cho phong tục thuần thục, vì thế nó là một vấn đề bao quát có liên quan đến những vấn đề khác.

Trước hết vấn đề giáo dục để giáo huấn cho con em thành những người công dân tốt rồi đến vấn đề xã hội phải được tổ chức hoàn bị để bảo đảm cho đời sống của mọi công dân, đó là hai vấn đề cần thiết để rào đón những tư tưởng phạm tội và sau là vấn đề công-an và cảnh-sát để trừng trị kẻ phạm tội.

Trừng trị cũng có nghĩa là ngăn cấm để phòng tự tưởng phạm tội, trừng trị cũng có nghĩa giáo hóa cải thiện.

Nhưng phải làm thế nào để biết rõ kẻ phạm tội và tội trạng của họ một cách đúng, không sai lầm và không dùng đến phương pháp khảo kẹp đánh đập giã man như xưa, để có thể hợp với nguyên tắc LẬP THIỆN.

Thưa các bạn, đó tức là cả một khoa học, khoa học cảnh sát mà tất cả các nước cấp tiến đã áp dụng từ đầu thế kỷ thứ XX đến nay.

Trước thế kỷ thứ 19, phương pháp tuyên án của quan tòa là căn cứ vào sự thú tội. Muốn được kết quả ấy người ta dùng bất cứ một cách gì miễn cho được việc. Người ta đã đi đến sự khảo kẹp. Tất cả mọi cuộc điều tra đều dùng đến phương pháp khảo kẹp. Cũng có một vài nhà chức trách thông minh và nhân đạo, họ đã dùng một vài phương pháp theo trí khôn của họ, tùy theo trường hợp, nhưng đó là một sự hiếm có. Tư-tưởng nhân đạo đã làm cho những nhà triết học nước Ý của thế kỷ thứ XVIII phẫn uất và kêu rêu lối khảo kẹp giã man Họ đã làm nổi dậy phong trào cách mạng trong giới hình pháp học và nhất là nước Pháp. Nhiều nhà triết học để tâm đến và cùng nhau chuyên chú nghiên cứu về tội trạng để kêu gọi nhà cầm quyền hãy áp dụng một phương pháp nhân đạo và bỏ lối khảo kẹp tra tấn.

Kết quả, tuy người ta chưa bỏ hẳn lối khảo kẹp giã man nhưng cũng bớt đi đôi phần vì tư tưởng nhân đạo.

Phong trào bãi bỏ lối khảo kẹp làm cho giới công-an và cảnh-sát lâm vào tình trạng khó khăn trong công việc tra cứu những vụ án. Không khảo kẹp người ta không thú nhận, làm thế nào bây giờ. Họ liền nghĩ cách dựa vào người làm chứng, nhưng đó chỉ là một cách tránh vỏ dưa gặp phải vỏ dừa. Vì người làm chứng, tin làm sao được, họ có thể man trá vì thù hằn ghen ghét hoặc vì nhầm lẫn.

Thật là nguy hiểm cho những ông quan tòa đã mang tội khép oan nhiều vụ án.

Để tránh cho nhân loại sự khảo kẹp người ta vô tình đem lại cho nhân loại sự bất công.

Vì vậy công việc nghiên cứu khoa học cảnh sát của các nhà bác học vẫn phải tiếp tục mãi mãi.

Thế kỷ thứ 19 đã đem cho chúng ta ông FRANCESCO CARRARA và công trình đáng chú trọng của ông ta là trường «CỔ ĐIỂN HÌNH LUẬT». Vì bị ảnh hưởng trường này mà phương pháp ghép án đã được áp dụng theo phương pháp và nguyên tắc : Pháp luật không vì nể ai mà mỗi người đều bình đẳng trước pháp luật, án tiết khép theo sự nặng nhẹ của tội trạng mà hình luật đã ấn định.

Rồi đến trường hình pháp học thực hành của các giáo sư nước Ý như LOMBROTO, ENRICO-FERRI, GAROFALO, OTTOLANGHI DESANOTIS v.v... theo họ thì vấn đề tội-trạng có ba trạng huống : thủ phạm, tội trạng, và hình phạt. Mỗi một vụ án người ta cần phải nghiên cứu sự biến hóa của trạng huống ấy.

Cuối thế kỷ thứ 19 chúng ta lại có thêm nhiều nhà hình pháp học như LIRONSE BIERTILLON, SIR FRANCIS GALTON, HANSS, GROSS, REISS, VUCHETECH, EDMOND BELL, BALTHAZAR.

Những vị này tin tưởng rằng kẻ phạm tội chỉ là bệnh nhân của xã hội mà người ta cần phải nghiên cứu rõ ràng vấn đề xã hội học, nhân loại học. Không phải cần biết rõ sự thực của tội trạng mà cần phải nhận định rõ ràng, vì sao, trong tình trạng nào người ta đã phạm tội, để định hình phạt.

Năm 1931 trong buổi đại hội quốc tế cảnh-sát ở ANVERS, các vị này đã yêu cầu phải nên nghiên cứu vấn đề xã hội và giáo dục để thi hành trong những nhà lao. Họ cho rằng trừng phạt không chưa đủ, mà cần phải giáo hóa cải thiện kẻ phạm tội nữa.

Tư tưởng nhân đạo và công bình của các nhà hình pháp học càng tiến bao nhiêu thì bên này khoa học cảnh-sát lại tiến bấy nhiêu. Vì nguyên tắc đã định rồi cần phải có phương tiện để thực hành. Vì vậy chính những nhà hình pháp học trên đã nghiên cứu ra khoa học cảnh-sát.

Họ cho rằng sự thú tội, hoặc thỏa thuận nhận tội không có một giá trị hoàn toàn. Vì sợ khảo kẹp tra tấn mà nhận tội hoặc vì tình thương yêu mà nhận tội, hoặc vì tự phụ mà nhận tội, hoặc vì điên cuồng loạn óc mà thú tội.

Lại có những nhà tâm lý tội trạng học như GORIHE; CLAPAREDE, ALTANILLA, LOCARD v. v... cho rằng những người làm chứng cũng không có giá trị. Ví dù pháp luật đã bắt họ tuyên thệ trước tòa án, để bảo đảm cho lời nói của họ là thật, nhưng họ vẫn không tránh được sự sai lầm, hoặc vì trông nhầm, nghe nhầm, thuật lại nhầm, hoặc vì trí nhớ họ kém, hoặc vì họ đã tưởng tượng nhiều quá mà thành ra sai sự thực.

Sự thú tội và làm chứng chỉ có giá trị khi nào có kèm theo những dẫn chứng hữu hình. Nhà bác học LOCARD đã nói: « Những dẫn chứng hữu hình nếu không có cho ta biết tất cả sự thật thì ít nhất cũng cho ta biết hoàn toàn sự thật ». Bởi vậy cho nên trong giới công an và cảnh sát có câu châm ngôn: « Những vật dẫn chứng câm không bao giờ nói dối ».

Những vật dẫn chứng hữu hình là gì? tức là dấu vết, những vật bỏ quên, bỏ rơi của hung thủ, ở nơi xảy ra vụ án. Có thể là một dấu tay, dấu chân, một mẩu thuốc lá, một vài sợi lông sợi tóc, một ít bụi bặm v.v...

Với những dấu vết những vật bỏ rơi ấy mà ta có thể điều tra ra thủ phạm một cách nhanh chóng và có hiệu quả. Kỹ thuật điều tra ấy người ta gọi là cảnh-sát khoa-học, hay là gọi cho nó dản dị hơn: cảnh-sát chuyên môn.

Cảnh-sát chuyên môn là một nghệ thuật tìm kiếm những dấu vết một cách khoa học để tìm ra kẻ phạm tội và để làm dẫn chứng có giá trị trong việc định tội trạng.

Quả đến thế kỷ thứ XX thì tất cả các sở công-an và cảnh-sát đều áp dụng phương pháp khoa học. Thêm vào đấy họ cố gắng bồi bổ nghiên cứu guồng máy tổ chức được hoạt động nhanh chóng. Những cơ quan truyền tin, liên lạc đều bằng vô tuyến điện, từ các ngã đường cho đến văn phòng cảnh-sát, hoặc bằng những phương pháp tiện lợi cho sự nhanh chóng.

Thế là sự trừng trị đã được giải quyết bởi cảnh-sát khoa học. Không giam cầm oan ức, không tra tấn khảo kẹp, hình pháp định theo nặng nhẹ của tội trạng tuỳ trường hợp, một cách công bình.

Sự tiến bộ của hình pháp học và của cảnh sát khoa học đã đem lại cho nền công an và cảnh sát thế giới một căn bản hợp lý đúng với nghĩa hai chữ LẬP THIỆN.

Vấn đề trừng trị được phân minh và hiệu quả thì tất nhiên vấn đề ngăn ngừa tội ác cũng theo đấy mà được giải quyết.

Giờ, tôi xin nói đến vấn đề giáo hóa hay là cải thiện.

Nói đến vấn-đề giáo hóa hay là cải thiện tức nói đến chế độ lao tù. Đó là cả một vấn đề quan trọng có nhiều chi tiết không thể trong mươi lăm phút mà bàn đến hết được.

Tôi chỉ xin tóm tắt:

Một người phạm tội không phải là một người bị vất bỏ ra ngoài xã hội. Vì bỏ quên họ như vậy có khác gì sui dục họ phạm tội thêm lần nữa và mãi mãi. Nhưng nếu không bỏ họ ra ngoài xã hội thì phải làm thế nào cho họ khi ra khỏi lao tù, họ cần phải có sức khỏe, nghề nghiệp, và tinh thần mới của một người dân lương thiện và vì vậy nhà

tù phải tổ chức thế nào để nó biến thành một trường học mà học sinh chỉ có khác là mất quyền tự do, một thứ quyền cao quý nhất của con người.

Trừng trị họ bằng cách giam cầm, mất tự do thế là đủ lắm rồi.

Cho nên ngoài việc chăm nom về sức khỏe cho tù phạm nghĩa là sự ăn, uống, ngủ, đau ốm đều phải được săn sóc hợp phép vệ sinh. Nhà tù còn phải mở những lớp dạy nghề, huấn luyện đức dục, ngoài những giờ khổ dịch.

Đó là một cách trả lời câu hỏi của các nhà hình pháp học : «nguyên nhân phạm tội là vì hoàn cảnh. Hoàn cảnh xã hội, hoàn cảnh bệnh hoạn, hoàn cảnh thiếu hiểu biết, hoàn cảnh kém trí tuệ v.v...»

Những người này đều có thể giáo huấn được mà họ có thể trở nên người tốt nếu gặp hoàn cảnh thuận tiện. Vì vậy một người phạm tội ở lao tù ra, ta cần phải đưa họ vào một hoàn cảnh thuận thiện cho sự sống của họ theo khả năng nghề nghiệp của họ.

Đó là một việc làm nhân đạo và hợp với nguyên tắc LẬP THIỆN.

Thưa các bạn,

Để kết luận vấn đề LẬP THIỆN PHÁP tôi xin nhấn mạnh rằng chế độ công-an và cảnh-sát của nước Việt-Nam độc lập phải đứng trên căn bản LẬP-THIỆN. Phải làm thế nào cho dân chúng hiểu rằng công an và cảnh sát là một cơ quan bênh vực quyền lợi cho nhân dân, bảo đảm an ninh trật tự cho quốc gia, để đưa dân tộc đến cảnh thái bình thịnh trị.

Thưa các bạn, vấn đề LẬP-THIỆN-PHÁP của tôi vừa trình bày có thể giải quyết trả lời câu hỏi ấy.

Vì nó không phải là một lý thuyết mơ hồ, mà nó là một phương pháp thực hành có kỹ thuật chuyên môn mà tất cả những nước cấp tiến đều áp dụng trên một thế kỷ nay.

Luôn tiện đây tôi xin trình bày cùng các bạn tinh thần LAP-THIEN-PHÁP của một nhân viên công-an và cảnh-sát.

Vấn đề LẬP-THIỆN-PHÁP tôi mới trình bày chỉ là một nguyên tắc căn bản để tổ chức nền công an và cảnh sát mà thôi.

Tuy nó là một vấn đề rất quan trọng, vì trong mọi tổ chức cần phải bắt đầu xây dựng nguyên tắc trước tiên. Nhưng, nguyên tắc chỉ là bức họa đồ và một bức họa đồ không mà thôi, thì không thể nào tự nhiên biến thành một bộ máy tối tân, hoặc một tòa lâu đài tráng lệ. Phải cần có bức họa đồ cũng phải cần có những vật liệu tốt và những người thợ chuyên môn.

Cho nên hôm nay, sau khi phác qua nguyên tắc căn bản tổ chức công-an và cảnh-sát, luôn tiện tôi xin trình với quý ngài và các bạn một trong những vấn đề nội bộ của tổ chức.

Biết rằng là cứ theo nguyên tắc LAP-THIEN mà tổ chức là phải, nhưng nếu ta chưa biết những phương pháp chuyên môn, ta chưa có đủ những phương tiện thực hành vì hoàn cảnh, ta không có một tinh thần danh dự của một nhân viên công an và cảnh sát thì nguyên tắc kia chỉ là một cái áo khoác hào nhoáng bên ngoài, mà bên trong là một thân thể ô uế, đầy mụn ghẻ thối tha.

Chính-phủ Pháp vừa mới trao trả chính phủ ta thẩm quyền công-an và cảnh-sát. Trong thời kỳ phôi thai này, lẽ tất nhiên mọi sự đều đang bắt đầu. Phương diện chuyên môn và dụng cụ không thể hoàn toàn ngay được, hoàn cảnh chưa

cho ta thi hành những biện pháp đúng nguyên tắc căn bản của LẬP THIỆN nhưng dù sao chúng ta đều phải cố gắng dần dần để đi cho đến đích đẹp đẽ của chúng ta. Sự cố gắng ấy tức là tinh thần LẬP THIỆN của một nhân viên công an và cảnh sát vậy.

Các bạn đã hiểu nguyên tắc LẬP THIỆN của công an và cảnh sát là binh vực quyền lợi cho tất cả mọi người, bảo vệ an ninh cho xã hội tức là trừ gian lập thiện.

Nếu trong công cuộc cao quý tốt đẹp ấy mà một nhân viên không có tinh thần cao quý tốt đẹp như vậy thì làm thế nào thi hành cho đúng nghĩa của nguyên tắc được.

Vì vậy mỗi nhân viên cần phải có những tư tưởng và đức tính cần thiết cho tinh thần lập thiện.

Trước hết là phải có tư tưởng nhân đạo.

Cần phải hiểu rằng nỗi khổ của người cũng như nỗi khổ của ta, xác thịt của ta bị hành hạ, khốn khổ, tinh thần của ta bị dày séo ta có chịu được không ? Ta không chịu được. Mà ta không chịu được tức là người cũng không chịu được. Vì vậy tư tưởng nhân đạo là gì ? Tư tưởng nhân đạo tức là tư tưởng xem người cũng như ta, cái gì ta không muốn tức là người không muốn. Vì tư tưởng nhân đạo, mà ta xem tất cả mọi người ai cũng như ai, ta không thiên vị ai, người có tội tất nhiên bị trừng phạt dù người ấy là bà con ruột thịt ta, người có địa vị hơn ta ; xét xử và hành động trên công bằng, ta không vì quyền lợi riêng, không vì cảm tình riêng mà làm mất sự công bằng. Vì đối với ta, người nào cũng là một người trong loài người.

Vì tư-tưởng nhân đạo mà ta đã tỏ ra khi nào cũng sáng suốt hiểu lẽ ngay sự phải để mà xét công việc cho minh bạch một sự quyết đoán nhầm lỗi nho nhỏ của ta có thể hại đến sự sống của một người, của một gia đình. Một người bị giam cầm

oan ức trong một vài ngày, một vài ngày không bao nhiêu nhưng mà đôi khi làm khốn đốn cả một cuộc đời, cả một gia đình. Vì vài ngày bị giam cầm mà nhiều khi họ phải bị mất công ăn việc làm.

Ta không muốn ta như vậy thì chắc ta cũng không muốn người như vậy, đó là tư-tưởng nhân đạo đã làm cho ta có đức tính CÔNG và MINH.

Ngoài ra một công-an hoặc cảnh-sát viên dù ở cấp nào đi nữa cũng phải lấy LIÊM CHÍNH làm đầu.

LIÊM là ngay thẳng không tham nhũng.

CHÍNH là hành động theo lẽ phải.

Cố nhiên không cần phải dẫn giải các bạn cũng hiểu đó là hai đức tính căn bản của tinh thần LẬP THIỆN.

Khi mà ta đã có những đức tính cần thiết cho tinh thần LẬP THIỆN, thì tự nhiên ta trở nên một công an hay cảnh sát viên biết trọng danh dự, biết hy sinh, có can đảm, có công tâm, biết tự tín, biết trọng kỷ luật v. v. . . .

Khi đã có một lý tưởng chắc chắn rồi thì tự nhiên ta phải cố gắng làm tròn nhiệm vụ và muốn tròn nhiệm vụ tất nhiên ta phải tự trau dồi lấy bản thân ta một ngày một thêm hoàn hảo.

Trong hoàn cảnh chưa thuận tiện hiện tại đây, về vật chất ta còn đang thiếu thốn, người chuyên môn rất hiếm, phương tiện không có, chúng ta đang ở trong một tình thế hết sức phức tạp, phức tạp đủ mọi phương diện. Tôi nghĩ rằng « Tôi cũng như các bạn, không có ai được yên ổn về tinh thần ». Tóm lại chúng ta làm việc trên mọi sự khó khăn.

Nhưng nếu chúng ta biết nhận định một con đường thẳng mà đi với mục đích là bảo vệ quyền lợi cho nhân dân, giữ trật tự và đem an ninh cho xã hội, trên lý tưởng

« LẬP THIỆN » thì dù vấn đề vật chất, phương tiện không đầy đủ, tinh thần cao quý của chúng ta cũng đủ giúp cho xã hội rất nhiều điều tốt đẹp.

Thưa các bạn,

Trong hoàn cảnh hiện tại, tôi chỉ biết trình bày cùng các bạn những điều mà có thể thi hành ngay được, mà là căn bản của nguyên tắc tổ chức công an và cảnh sát hợp lý của một Quốc Gia.

Thưa các bạn,

Nguyên tắc « LẬP-THIỆN-PHÁP » tức là lý tưởng của chúng ta, đó là một con đường thẳng, đưa chúng ta đến tương lai sáng láng.

HUỲNH-KỲ
(TÔN-THẤT-TU)

Ngày 29 tháng 12 năm 1951

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

Kiểm duyệt số 830-KD/BV ngày 21-3-1952

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM